TRƯƠNG THÌN

Nghi thức Tang Lễ và Văn khấn truyền thống





NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

NGHI THỨC TANG LỄ
VÀ VĂN KHẤN TRUYỀN THỐNG

TRƯƠNG THÌN

NGHI THỨC TANG LỄ VÀ VĂN KHẤN TRUYỀN THỐNG

(Sách phong tục)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Lời giới thiệu

Mỗi tộc người, mỗi tôn giáo, mỗi quốc gia có quan niệm về cái chết khác nhau, nên có những nghi lễ khác nhau.

Phật giáo quan niệm: sinh, lão, bệnh, tử là một cái vòng luân hồi, chuyển vận không ngừng, từ kiếp này qua kiếp khác, từ đời này qua đời khác. Người theo Phật giáo quan niệm rằng con người sau khi chết sẽ đầu thai vào kiếp khác. Khi chết, con người chỉ có thể xác là hư nát, còn linh hồn là bất tử, vì vậy linh hồn cần phải được thờ cúng.

Đạo Công giáo quan niệm: con người sinh ra từ cát bụi, khi chết lại trở về cát bụi. Và cái chết là sự an bài của Chúa, người chết nếu sạch tội, đến ngày Chúa tái lâm sẽ được sống lại cả phần hồn, phần xác và được lên thiên đàng.

Trong đời sống tâm linh của mình, người Việt có những quan niệm và nghi lễ riêng cho người chết: Người chết nghĩa là đi về thế giới bên kia, đó là về cõi âm - là cõi vĩnh hằng của con người. Không phải là đi sang cõi âm, mà là về cõi âm. Về - từ này hàm nghĩa một sự trở về và là trở về nơi gốc gác của con người, "sống gửi thác về". Dù quan niệm nơi cư ngụ của con người sau khi chết là ở đâu chăng nữa, người Việt bao giờ cũng dùng từ "về" để chỉ sự trở về của con người khi sự sống kết thúc. Người Việt tin rằng chết không phải là hết, mà là bước sang một cuộc đời khác, và ở đó người ta phải tiếp nhận hậu quả của cuộc đời trước đó do bản thân mình tạo ra. Vì thế, trong cuộc đời người ta thường muốn sống tử tế với nhau hơn. Đó là tính nhân bản - và cũng chính là mảnh đất nuôi dưỡng mọi thứ tôn giáo trên thế giới này.

Xuất phát từ đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam "nghĩa tử là nghĩa tận" nên mỗi khi có người thân qua đời dù là mới lọt lòng hay đã ở tuổi thượng thượng thọ, những người trong tang quyến đều xúc động, xót thương vì đây là nghĩa tình gia tộc "một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ", là sự mất mát không thể bù đắp được. Đối với bà con xóm giềng, hàng phố, bạn hữu gần xa là sự kiện có tác động sâu sắc đến tình cảm của mỗi người.

Cái chết của con người là sự đoạn tuyệt với các mối quan hệ trong xã hội, gây ra nỗi đau buồn thương tiếc của những người thân yêu ruột thịt, đối với hàng xóm láng giềng, bè bạn... Chính vì vậy, việc tang được đặt trong lĩnh vực tư tưởng và tình cảm, nhằm thoả mãn nhu cầu của những người sống đối với người chết trong giờ phút vĩnh biệt.

Trong đời sống tâm linh của người Việt, quan niệm về cái chết rất thiêng liêng. Ông cha ta đã dùng nhiều danh từ văn hoa để chỉ cái chết: Hai năm mươi về già, về chầu tổ, mãn phần, từ trần, di xa...

Ngoài tính huyết thống gia tộc, việc tang còn mang tính xã hội sâu sắc - không riêng của gia đình, mà chung của xã hội. Dư luận xã hội là sức mạnh vô hình đưa vấn đề việc tang vào quy phạm đạo đức, xây dựng thành nghi thức và trở thành phong tục tập quán của dân tộc.

Việc tang đặt ra không phải vì người đã chết mà chính là nhu cầu của những người đang sống, vì lợi ích của xã hội đang tồn tại trên trái đất, trong thế giới có thực.

Khi xã hội thay đổi, việc tang cũng thay đổi theo kỷ cương nhất định của xã hội đó. Sự khác nhau ấy chung quy cốt để xây dựng việc tang thành một thể chế văn hoá hoàn chỉnh. Nó vừa mang tính phong tục của cộng đồng, của dân tộc; vừa thể hiện tính pháp chế của chế độ chính trị - xã hội đương thời, nó lại được nền luân lý của xã hội củng cố.

Cử nhân Hán học Tây Hồ Bùi Tấn Niên đã nhận định về tang lễ của dân tộc ta như sau:

"Tang lễ là một nghi thức có tính cách luân lý của mọi xã hội từ Đông sang Tây. Trong bất cứ một tập thể nào, còn chậm tiến hay đã văn minh, vấn đề tang lễ vẫn được coi là nghi thức quan trọng để biểu lộ tình cảm của những người chung quanh đối với kẻ quá cố.

Sinh hoạt xã hội Á Đông nặng tình cảm, coi trọng huyết thống gia đình thân tộc hơn, nên từ hàng ngàn năm trước, vấn đề việc tang đã được đặt ra một cách có quy củ. Rất nhiều sách vở, tư tưởng của các triết gia Á Đông đã nói đến bổn phận của người ta trong việc tang ma một cách cẩn thận, chu đáo.

Xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hoá truyền thống Trung Hoa thời xưa. Các nghi thức về tang lễ, tang chế đều dựa theo chiều hướng của các nguyên tắc luân lý và đạo đức của nền văn hoá ấy. Lâu ngày, các định lệ này dã thành ra tục lệ với những biến thể phù hợp với nếp sống riêng của người Việt Nam".

Theo quan điểm duy tâm, tất sẽ dẫn đến cách tổ chức chôn cất người chết phù hợp với thuyết thần bí, dị đoan, lạc hậu. Ngược lại, duy vật có cách xử lý việc tang thiết thực, hợp với chân lý cuộc sống, hợp với lối sống khoa học, văn minh, tiến bộ của xã hội đương đại.

Từ lâu đời, ai cũng quan niệm việc tang là "việc hiếu". Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tục tang ma của người Việt thường phỏng theo sách Thọ Mai gia lễ. Nhưng Thọ Mai gia lễ là sách do ai soạn ra ? Quan điểm đối với việc tang thế nào? Điều gì hay, điều gì dở... chúng ta chưa có sự nghiên cứu cặn kẽ để phê phán, loại trừ, chắt lọc, tiếp nhận...

Cho tới ngày nay, nhiều lễ nghi dã được giản tiện, phù hợp với hoàn cảnh sống của thực tế xã hội, đặc biệt là ở các đô thị và các khu công nghiệp. Tuy nhiên, một số những nghi lễ chính có ý nghĩa quan trọng, nhân dân ta vẫn còn giữ và áp dụng. Vì tinh thần báo hiếu vẫn luôn là vấn đề thiết yếu trong đời sống con người Việt Nam, được đặt lên hàng đầu, nên khi cha mẹ chết ai cũng muốn lo cho đủ lễ và chu tất.

Thực tế hiện nay khi có người qua đời, ngay trong gia đình, quan niệm về nghi thức việc tang cũng chưa thống nhất. Vì vậy, trong nhà khi có người "nằm xuống" thì lúng túng, không biết phải làm gì trước, làm gì sau, cái gì là hủ tục phải bỏ, cái gì là tập quán truyền thống phải giữ...

Nhà xuất bản Hà Nội đã đề nghị với ông Trương Thìn - người đã từng kinh qua các công việc trong lĩnh vực dân tộc học, bảo tàng học và phụ trách mảng nếp sống - phong tục của Bộ Văn hoá - Thông tin nhiều năm, tiếp tục nghiên cứu, khai thác các thư tịch cổ, đặc biệt là sách Thọ Mai gia lễ song hành với các tập tục về tang chế còn lưu hành trong dân gian, với tinh thần gạn đục khơi trong, và coi văn hoá là sự kế thừa, viết cuốn sách Nghi thức tang lễ và văn khấn truyền thống, nhằm giúp mỗi người dân chúng ta khi trong nhà "lâm

sự" sẽ rất bình tĩnh và biết được các việc cần làm - vừa đảm bảo được "việc hiếu", "nghĩa tử là nghĩa tận" - vừa đảm bảo vệ sinh, văn minh. Với tinh thần kế thừa phát huy những tục lệ tốt đẹp, loại bỏ những tục lệ lạc hậu, lỗi thời, hình thành những nghi thức về lễ tang mới, đó cũng là sự tiến hoá đương nhiên của nếp sống văn hoá. Chúng tôi hy vọng cuốn sách sẽ góp phần nhỏ bé vào việc bồi đắp cho phong tục nước nhà ngày thêm thuần hậu, nhằm giúp cho việc tang lễ dần dần đi vào hoàn chỉnh và ổn định.

Tuy nhiên, phong tục tập quán về tang lễ của người Việt vô cùng phong phú và đa dạng, cuốn sách nhỏ này khó có thể phản ánh hết được. Rất mong được bạn đọc lượng thứ và chỉ giáo.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Chương 1

CÁC NGHI THỨC TANG LỄ TRUYỀN THỐNG

I. SỬA SOẠN CÁC VIỆC CHO NGƯỜI SẮP TỪ TRẦN

Thông thường mỗi con người đều có thể nhận biết dấu hiệu cái chết sẽ đến với mình (trừ trường hợp chết bất đắc kỳ tử), do vậy, mỗi con người nên chuẩn bị cho cái chết.

1. Viết di chúc

Khi về già, do sức khoẻ suy yếu, các cụ đều hiểu được mình còn sống chẳng được bao lâu, nên việc chuẩn bị cho cái chết là lẽ đương nhiên. Nhiều người đã viết sẵn di chúc khi mình đang còn minh mẫn, di chúc có thể được bổ sung khi cần thiết.

Di chúc là lời dặn dò con cháu, giao cho con cháu thực hiện những nguyện vọng mà đương thời họ chưa làm được. Di chúc có thể đề cập đến việc chia tài sản cho con cái hoặc người thân. Cũng có thể việc chia tài sản được viết thành một văn bản riêng, có sự chứng kiến của luật sư để đảm bảo về mặt pháp lý, có trường hợp chỉ cần sự chứng kiến và ký tên của người hàng xóm có uy tín ở địa phương hoặc đại diện tổ dân phố cũng đủ. Di chúc có thể nói những điều sâu kín nhất diễn ra mà trước đó không tiện nói: chẳng hạn nói về lỗi lầm của mình...

Nếu người sắp qua đời đã làm sẵn di chúc, thì trong giờ phút lâm chung thân nhân gặng hỏi xem có dặn dò gì thêm không, nếu có dặn dò gì thêm phải được ghi chép đầy đủ để bổ sung vào di chúc.

Nếu người sắp qua đời chưa làm di chúc thì gia đình, con cháu phải thực hiện làm di chúc. Việc lấy di chúc của người sắp qua đời là công việc cực kỳ hệ

trọng đối với gia đình, thân tộc. Cần chú ý lấy di chúc khi người bệnh còn tỉnh. Khi làm di chúc phải chọn người ghi nhanh. Người con trưởng hỏi, con thứ ghi chép, mọi người thân thích đứng chung quanh nghe và chứng kiến. Khi người bệnh không nói nữa, người con trưởng gặng hỏi 3 lần mới thôi. Cuối di chúc ghi thời gian làm vào ngày, giờ nào, lúc người còn tỉnh. Người con trưởng đọc lại toàn bộ di chúc, người bệnh đồng ý thì ký vào dưới (nếu không ký được thì điểm chỉ). Trong thời đại ngày nay, một số gia đình có điều kiện đã ghi âm lời di chúc của người quá cố (hoặc quay băng hình) để lưu giữ lâu dài.

Di chúc hoặc những lời trăng trối của người sắp qua đời là rất quan trọng, có ảnh hưởng sâu xa đến cuộc sống sau này của con cháu, cho nên con cháu phải luôn luôn bình tĩnh lắng nghe, để sau này thực hiện cho đúng, chu đáo để vong hồn người đã khuất được "ngậm cười nơi chín suối".

2. Đáp ứng nguyện vọng của người sắp qua đời

Thời xưa, theo cổ lệ, con cháu hỏi xem người sắp qua đời có tự đặt lấy tên thụy (còn gọi là tên hèm), tức là tên sau này dùng để khấn khi cúng cơm (dân ta gọi là tên cúng cơm). Nếu trường hợp người sắp qua đời mê man, không tự đặt lấy tên cúng cơm cho mình, thì con cháu tìm đặt rồi báo lại cho người sắp qua đời khi gặp lúc hồi sinh. Tuy nhiên, cổ lệ này thời nay, nhân dân ta hầu như đã bỏ.

Những người sắp qua đời thường có những nguyện vọng mà người sống cho là bất bình thường, ví như thèm một thứ gì đó mà ở vùng quê khó có thể kiếm được hoặc muốn ăn một thứ gì đó rất bình thường, nhưng đối với bệnh tật của người đó là phải kiêng kỵ.

Thường những người bỏ làng quê ra thành thị ở với con cháu, hoặc những người đi làm ăn xa (kể cả những kiều bào xa Tổ quốc) khi sắp qua đời thường có những nguyện vọng muốn quay về "quê cha đất tổ" để chết.

Những người ốm đau điều trị ở bệnh viện khi biết mình khó có thể qua khỏi, thường yêu cầu người thân hoặc do chính người thân yêu cầu đưa người ốm nặng về quê để tránh bị mang tiếng là "chết đường, chết chợ".

Thực tế hiện nay ở đô thị, người dân sống trong những chung cư cao tầng

hay những khu nhà tập thể... nhiều ngôi nhà cầu thang chật hẹp rất bất tiện cho việc chuyển dịch linh cữu người chết, nên người thành phố lại làm ngược lại với các vùng quê là đưa người ốm nặng khi có biểu hiện khó qua khỏi đến bệnh viện để họ qua đời ở đó. Khi qua đời, người chết sẽ được nhập quan ở nhà đại thể và đám tang sẽ được tổ chức ở nhà tang lễ của bệnh viện.

Thời xưa ở nông thôn Việt Nam, những người sau khi lên lão, đều sắm cho mình một *cỗ áo quan* (quan tài) bằng gỗ tốt, để khi nhắm mắt xuôi tay khỏi phải phiền đến con cháu. Vì thế người ta còn gọi *cỗ quan tài* là *cỗ hậu* (dùng nó về sau). Nhiều nơi còn gọi *cỗ hậu* là *cỗ thọ* để chỉ sự sống lâu của các cụ, nên ở đầu áo quan thường có khắc chữ "thọ".

Các cụ già theo đạo Phật còn chuẩn bị cho mình chiếc áo "lục thù" có đóng dấu nhà Phật, để khi qua đời con cháu mặc cho. Theo quan niệm của nhà Phật đây là trang phục thể hiện người quá cố được "ăn mày" cửa Phật, đã thành người của nhà Phật, nên khi quy tiên được mặc áo "lục thù" trang bị của nhà Phật ban cho. Áo "lục thù" là loại vải mỏng hoặc vải vuông được may đơn giản, trên áo có in chữ của đạo Phật.

Đối với các tín đồ theo đạo Công giáo, người sắp qua đời (hấp hối) được cộng đoàn tín đồ đến cầu kinh. Nội dung là ăn năn, sám hối. Người thân đón linh mục đến cho người sắp chết xưng tội, họ được chịu phép Mình thánh lấy đó làm "của ăn đường".

Sự chuẩn bị áo "lục thù" cho người sắp qua đời (nếu người đó theo đạo Phật), sự có mặt của người thân, của cộng đồng tín đồ, của chức sắc trong các tôn giáo bên cạnh người sắp qua đời là sự động viên, an ủi để họ "vượt qua" cái nấc đau khổ cuối cùng của thể xác.

3. Chọn đất làm huyệt mộ

Thời xưa, chọn đất làm huyệt mộ là một vấn đề quan trọng hàng đầu khi gia đình có người sắp lâm chung, hoặc khi gia đình có người già, ốm yếu có triệu chứng khó qua khỏi. Trước đây, người ta rất kỹ lưỡng trong vấn đề chọn đất làm huyệt mộ sao cho tốt, để không ảnh hưởng tới sự phát đạt, hưng thịnh của con cháu, dòng họ về sau. Học giả Toan Ánh đã nhận định vấn đề này như

sau: "Theo quan niệm về phong thủy của ta, một ngôi đất có thể làm cho con cháu phát đạt, nhưng cũng có ngôi đất chỉ đem lại sự lụn bại cho huyết thống. Đất có ảnh hưởng sâu xa tới xương cốt người khuất. Có chỗ xương cốt được bảo tồn, và có chỗ xương cốt mau bị hư hại, việc bảo tồn hoặc hư hại này đều có ảnh hưởng tới con cháu".

Người ta thường nói:

"Sống về mồ mả, ai sống về cả bát cơm".

Tìm hiểu về *nghề địa lý* ta thấy tìm đất có thể gọi là một nghệ thuật của người xưa. Tìm đất căn cứ vào hướng gió và mạch đất, do đó địa lý còn gọi là "phong thủy". Tìm đất làm huyệt phải căn cứ vào hướng huyệt để đón gió lành vào long mạch để nhận sự mát mẻ. Một ngôi huyệt tập trung được đủ yếu tố làm cho đất "vượng" chẳng khác chi đầu não, hướng nhận mọi long mạch chạy tới, có đủ sơn thủy.

Các thầy địa lý xưa phân biệt ngôi huyệt tốt xấu theo các mô đất, *"thượng nhất thốn vi sơn, hạ nhất thốn vi thủy"*, nghĩa là đất cao hơn một tấc là núi, thấp hơn một tấc là nước.

Tuy nhiên, trong dân gian cũng truyền tụng câu ca rằng:

Phù thủy, địa lý, lái trâu

Trong ba thằng ấy gặp đâu đánh què.

Ngày nay, trong quan niệm của nhân dân ta về việc chọn đất chôn cất cũng là một việc quan trọng đối với các gia đình tang chủ, tuy nhiên không phải theo những thủ tục rườm rà như ngày xưa, và cũng không phải nhờ thầy địa lý, nhưng chọn hướng mộ vẫn là rất cần thiết đối với các vùng nông thôn. Ở thành phố, chôn cất ở nghĩa trang phải theo sự sắp xếp các vị trí trước sau, không thể theo ý mình lựa chọn được.

Sau khi đã hết lòng cứu chữa, nhưng người bệnh không hy vọng qua khỏi, nếu ở bệnh viện thì mọi công việc chuẩn bị cho người sắp từ trần đã có cán bộ, nhân viên bệnh viện lo liệu. Người bệnh được lưu ở phòng đặc biệt, lúc này thân nhân của người bệnh có thể làm các thủ tục theo truyền thống như: Lấy di chúc, chuẩn bị áo quần mới để thay, lau rửa người bằng nước thơm (ngũ vị)...

Nếu người bệnh ở tại gia đình, khi biết người bệnh không qua khỏi thì phải đưa lên gian nhà chính không nên để người bệnh trong buồng, vì buồng thường chật hẹp, khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục cho người sắp từ trần.

Khi nào thấy người bệnh ú ớ (hấp hối), thì gia chủ phải chuẩn bị nồi lá thơm (ngũ vị: lá bạch đàn, tùng, diệp, mộc hoàn...) nấu thành nước để lau rửa. Trường hợp ở những nơi không đủ các loại lá này thì thay bằng lá khác có mùi thơm cũng được. Khi lau, để người bệnh nằm ngửa, dùng tay đỡ luồn vào lau nước thơm khắp người bằng khăn mới, mềm, rửa mặt mũi, việc làm này mang ý nghĩa là tắm gội cho cha (mẹ) để rũ hết bụi trần. Nếu cha chết thì con trai (hoặc người thân là nam) "tắm", nếu mẹ chết thì các con gái (hoặc người thân là nữ) "tắm". Dùng lược chải tóc cho mượt, gọn rồi thay quần áo mới (quần áo chỉnh tề như người đi chơi xa). Thời xưa nhà nghèo quá không mua sắm nổi thì phải đành, nhưng thường người ta phải ráng may quần áo mới để mặc cho người chết vì *"Thế gian còn dại chưa khôn, sống mặc áo rách; chết chôn áo lành"*.

Chuyện mặc áo cho người chết mỗi nơi đều có tục lệ khác nhau. Người chết có quan tước thường được mặc đủ áo xiêm đai theo kiểu triều phục. Có gia đình không dùng quần áo mới, mà dùng những thứ tốt đẹp nhất vẫn được mặc lúc còn sống, không phải may mới. Có nơi kiêng cữ không mặc áo kép, chỉ một áo đơn, cắt bỏ hết cúc, mặc vạt cái vào trong, vạt con khép chờm bên ngoài, trái hẳn với lối mặc của người sống.

Cắt móng chân, móng tay (nếu thấy cần) - các thứ này đều để vào quan tài theo đúng vị trí khi khâm liệm.

Đối với những địa phương có tập quán cải táng, cần thiết phải sắm cho người bệnh bít tất tay và chân bằng ni-lông, để các đốt xương tay chân không lẫn hoặc rơi lạc. Nếu không kịp chuẩn bị tất tay chân, thì dùng hai khăn trắng hoặc vuông vải bọc lại, để nó vẫn gọn gàng.

Chính quyền địa phương cần phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cơ sở, các tổ chức quần chúng và Hội người cao tuổi, để tùy theo người sắp từ trần ở giới nào, đoàn thể nào mà cử đại diện đến thăm hỏi và giúp đỡ gia đình tang chủ đồng thời ngăn chặn kẻ xấu lợi dụng làm điều mê tín dị đoan...

Nếu người hấp hối là tín đồ và có yêu cầu thực hiện các nghi lễ tôn giáo, việc đó không là hoàn toàn hợp lý, nhưng phải thực hiện những quy ước nếp sống văn hoá của cộng đồng và những điều quy định của pháp luật trong việc thực hiện nghi lễ này.

Nhân đây, chúng tôi cũng thấy cần giới thiệu nghi thức đối với người chết là tín đồ công giáo, để chúng ta đối chiếu và tham khảo:

Đối với tín đồ công giáo, do quan niệm về cái chết là sự an bài của Chúa, là chặng đường đầu đời người, chết được gọi là sinh thì, người chết nếu sạch tội, đến ngày Chúa tái lâm sẽ được sống lại cả hồn, xác và được lên thiên đàng, nghi thức tiễn biệt người chết của đạo Công giáo vì vậy có nhiều nét khác biệt với người không theo đạo Công giáo.

Người công giáo, lúc hấp hối được Cộng đoàn tín đồ đến cầu kinh. Nội dung là thú tội, sám hối. Người thân đón linh mục đến cho người sắp chết xưng tội, họ được chịu phép Mình thánh, lấy đó làm "của ăn đường". Khi tín đồ qua đời thì Cộng đoàn đọc kinh, cầu cho người qua đời (đọc trước giờ tẩm liệm, *kinh tẩm liệm).*

Người chết được mặc áo các phép, được tẩm liệm, cho vào quan tài và đưa đến nhà thờ xứ. Một thánh lễ được dành cho người qua đời. Trước đó, khi được tin có tín đồ qua đời, nhà thờ rung chuông (gọi là *chuông sầu).* Chuông rung theo nhịp ba, chậm rãi, buồn tẻ, nếu người chết là đàn ông là ba hồi bảy tiếng (theo quan niệm ba hồn, bảy vía); đàn bà ba hồi chín tiếng (theo quan niệm ba hồn chín vía). Tuy nhiên, nhiều nơi lại rung chuông rời 7 tiếng hoặc 9 tiếng rồi mới rung chuông hồi..

Thánh lễ được cử hành tương tự như thánh lễ thường, mở đầu bằng *ca nhập lễ.* Vì là thánh lễ cho người chết nên nội dung gồm *ca tâm niệm, ca dâng lễ, làm phép mồ, bài ca từ biệt.*

Người chết được đưa từ nhà thờ ra bãi tha ma. Đi đầu là cờ tang màu đen, có thể có cờ tang của các hội đoàn mà sinh thời người quá cố tham dự. Quan tài được đặt lên kiệu hoặc xe tang, trên đó có ghi những dòng chữ:

Xin nhớ đến tội.

Sinh ra từ cát bụi, trở về với cát bụi.

Tiếp theo là vòng hoa; thập giá bằng gỗ ghi tên tuổi người quá cố; bát âm; kiệu quan tài; thân nhân người quá cố; những người đưa tiễn.

Cần lưu ý:

- Đám tang của người Công giáo khi chuyển quan tài thì chân đi trước, đầu ở phía sau.

- Người Công giáo không có linh xa. Người chết nếu sạch tội, linh hồn được về nơi chúa. Trước Cộng đồng Vatican II (1962-1965) đạo Công giáo không chấp nhận thờ cúng tổ tiên, không cho phép giáo dân lập bàn thờ gia tiên (sau Cộng đồng Vatican II, vấn đề trên được giáo hội La Mã cho phép).

- Người Công giáo không có tục bốc mộ (cải táng), người chết chôn một lần, sau đó mộ có thể được xây kiên cố.

- Vào ngày kỷ niệm người thân qua đời, người ta xin lễ ở nhà thờ, buổi tối gia đình đọc kinh, cầu cho linh hồn người quá cố...

II. BÁO TANG, KHÂM LIỆM, ĐẶT BÀN THỜ

1. Những công việc cần tiến hành khi người bệnh tắt thở

Trong giờ phút lâm chung, con cháu phải thay nhau túc trực bên cạnh, theo dõi đồng hồ để biết chính xác người bệnh tắt thở vào thời điểm nào. Trong trường hợp người bệnh lịm đi, thì người túc trực phải làm động tác thử nghiệm bằng cách lấy bông gòn, lông gà mềm hoặc nén nhang đang cháy đặt trước lỗ mũi (nếu bông gòn, lông gà không động đậy nữa, hoặc khói nhang cứ bay lên theo hướng thẳng đứng, thì chứng tỏ đã tắt thở - xưa các cụ ta gọi là khí tuyệt), nghĩa là người bệnh đã qua đời. Đây là việc làm vừa mang tính chất kiểm nghiệm y học, vừa mang ý nghĩa cẩn trọng trong giây phút thiêng liêng trước khi từ giã cõi đời của người thân. Tuy nhiên, việc được coi là chết hẳn phải hết sức thận trọng, bởi không thiếu các trường hợp chết lâm sàng, rồi người bệnh lại hồi tỉnh.

Thời trước, người ta còn trải một chiếc chiếu xuống đất, đưa người chết nằm xuống chiếu ấy một vài phút để lấy khí đất cho hợp lẽ âm-dương (thực tế để thi hài xuống đất, có khí đất, tạo cho cơ khớp không bị cứng, để khi buộc

vải liệm chặt hơn và lúc nhập quan được dễ dàng). Sau đó, liền đưa thi thể lên giường. Tục lệ này hàm ý hy vọng rằng sinh khí ở dưới đất có thể làm hồi sinh. Tuy nhiên, theo quan niệm của người xưa "chết là trở về cõi đất" (nhân sinh ư thổ, diệc hoàn ư thổ), hoặc là để lấy đủ khí âm - dương cho người quá cố.

Thời xưa, khi xác định đúng là người bệnh đã tắt thở thì lần lượt làm các công việc: Lấy chiếc đũa đặt ngang miệng để sau này làm lễ "phạn hàm" - là nghi lễ bỏ gạo nếp và tiền đồng vào mồm người chết trước khi nhập quan. Người ta lấy gạo nếp vo kỹ và 3 đồng tiền mài cho sáng (tiền trinh - loại tiền có lỗ vuông thời xưa) bỏ chung trong một cái đĩa. Tang chủ đứng bên phải lấy đũa cạy răng người chết ra bỏ gạo nếp và tiền đồng vào miệng, làm ba lần. Phạn hàm là một nghi lễ, phải làm theo trình tự như sau:

Người chấp sự xướng lên: "Sơ phạn hàm", tang chủ lễ xuống, đứng dậy ngay ngắn, đoạn ngồi bên phải người chết, cất vải hoặc giấy phủ mặt, rút chiếc đũa ngáng hàm ra, xúc ít gạo với 1 đồng tiền tra vào miệng bên phải.

Người chấp sự lại xướng "Tái phạn hàm", tang chủ xúc ít gạo và 1 đồng tiền tra vào miệng bên trái.

Người chấp sự xướng "Tam phạn hàm", tang chủ xúc hết gạo còn lại và đồng tiền thứ ba bỏ vào giữa miệng.

Sau cùng, tang chủ bóp miệng người chết cho ngậm lại ngay ngắn và lại phủ mặt như trước.

Người ta tin rằng gạo tiền đó để người chết dùng ăn tiêu dọc đường khi đi sang thế giới bên kia. Tuy nhiên, khi nghiên cứu kỹ vấn đề này, xét về mặt khoa học thì bỏ gạo vào mồm, gạo gặp ấm sẽ trương lên, bịt kín mồm, để tà khí không xông ra ngoài. Mặt khác, tiền đồng là kim loại, khi gặp dịch vị của người qua đời ứ lên (dịch vị là acid) thì tà khí bị triệt tiêu, không cho tà khí thoát ra ngoài gây ô nhiễm.

Giữ chân, tay, thi thể người chết ngay ngắn bằng cách dùng dây vải mềm buộc hai ngón tay cái chặt vào nhau để trên bụng, buộc hai ngón chân cái chặt vào nhau. Dùng dây vải to bản buộc ngang bắp tay (ở dưới bả vai) để hai nách khép chặt, buộc một giây ngang bụng, một giây ngang đùi để giữ cho thi thể

thật thẳng, mới dễ dàng cho lúc nhập quan (những việc này đều được làm trước khi mặc quần áo mới hoặc áo lục thù hay áo phép). Thi thể được đặt nằm ngửa, ngay ngắn trên giường, trên mặt được phủ một tờ giấy bản hoặc một vuông vải trắng.

Từ khi người bệnh tắt thở thì trên đầu giường phải có đèn (nến), hương và một lọ hoa nhỏ.

Người chết phải được con cháu hoặc người thân cắt cử nhau coi giữ suốt ngày đêm khi chưa làm lễ nhập quan, nhằm đề phòng chó, mèo nhảy qua dễ dẫn đến trường hợp người chết bật đứng dậy và tất nhiên sau đó lại ngã ngay xuống lập tức. Người ta gọi hiện tượng xác chết tự nhiên bật dậy là trường hợp "quỷ nhập tràng" - đây là hiện tượng rất hiếm gặp.

Ngày nay hiện tượng "quỷ nhập tràng" đã được giải thích dưới ánh sáng khoa học là do xác chết bị cuốn hút bởi một ngoại lực có cảm ứng điện trường. Đã có những trường hợp chó, mèo nhảy qua xác chết hay một giọt nước mắt ấm nóng, một chén rượu hắt văng vào xác chết cũng làm cho xác chết bật dậy.

Khi người bệnh đã tắt thở, một mặt thân nhân làm các công việc như đã nói ở trên; mặt khác gia chủ cử người đến Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn... khai tử. Khi có công dân đến khai tử, người được chính quyền cơ sở phân công chuyên lo công việc tang, cần hướng dẫn chu đáo các thủ tục khai tử và nhắc nhở gia đình tang chủ rõ những điều lệ về "giữ gìn vệ sinh chung" của Nhà nước đã ban hành đối với việc tang.

Theo Công văn số 608-CV/TP, ngày 20-6-1990, Sở Tư pháp Hà Nội hướng dẫn thủ tục đăng ký khai tử quy định:

..."Khi có người chết trong hạn 24 giờ, thân nhân phải đến khai tử tại UBND phường, xã, thị trấn. Quá thời hạn trên mới khai tử thì phải làm thủ tục đăng ký khai tử quá hạn. Nếu không có thân nhân thì người cùng số nhà, người láng giềng hay người cùng cơ quan, xí nghiệp đi khai thay.

- Người có hộ khẩu thường trú mà chết tại nhà hay chết ở bệnh viện, UBND phường nơi thường trú đăng ký vào sổ và cấp giấy chứng tử.

- Trường hợp chết ở nơi khác, nhưng trong phạm vi bốn quận nội thành thì

UBND phường nơi người chết có hộ khẩu thường trú cũng giải quyết như trên.

- Người không có hộ khẩu thường trú ở bốn quận dù chết ở nhà hay ở bệnh viện đều làm thủ tục khai tử với UBND phường nơi xảy ra việc chết...".

Việc chuẩn bị áo quan (quan tài)

Nếu gia đình đã chuẩn bị sẵn áo quan từ trước rồi thì kiểm tra lại một lần nữa, để chuẩn bị nhập quan. Nếu lúc này mới đóng áo quan thì phải tùy theo khuôn khổ người quá cố mà đóng áo quan cho phù hợp (cao, thấp, to, nhỏ) - nếu không chú ý khâu này, mà cứ đóng áng chừng, dẫn tới trường hợp người chết to hơn khuôn khổ áo quan thì không thể nào nhập quan được. Ngược lại, áo quan quá lớn thì không biết phải bỏ thêm bao nhiêu thứ đệm lót cho vừa.

Gỗ dùng làm quan tài: Thời xưa dân ta thường dùng gỗ vàng tâm, hoặc gỗ dổi. Hai thứ gỗ này có nhiều dầu, có đặc tính hợp với sơn (đồng bào các tỉnh phía Bắc thường sử dụng sơn để sơn phủ quan tài), chất dầu trong gỗ giữ cho sơn bền, tốt, không bong, không trốc. Vua, chúa thời xưa còn chọn gỗ ngọc am (pơmu) làm quan tài - đây là loại gỗ qúy hiếm (mộ xác ướp vua Lê Dụ Tôn đào được ở Bái Trạch, Thọ Xuân, Thanh Hoá - hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, cũng được làm bằng gỗ ngọc am). Ở các tỉnh phía Nam, đồng bào thường dùng gỗ trai, gỗ sao để làm quan tài cũng rất tốt.

Khi đã có áo quan rồi thì việc xử lý các kẽ hở của áo quan được đặt ra không kém phần quan trọng, bởi vì thi hài còn để trong nhà một thời gian để phúng viếng, nếu không xử lý tốt các kẽ hở, thì mùi hôi ở thi thể người do bị phân hủy toát ra, hoặc nước trong thi thể chảy ra - gây ô nhiễm môi trường. Để xử lý các kẽ hở của áo quan, dân ta thường dùng sơn sống (sơn ta) ngào với mùn cưa, hoặc giã gạch non bóp với bánh dầy trét vào các kẽ hở. Cũng có địa phương dùng xôi (cơm nếp) trộn với mùn gạch non thành một chất kết dính, miết vào các kẽ hở của áo quan.

2. Khâm, liệm

Như trên đã nói, khi đã hết lòng cứu chữa mà người bệnh khó qua khỏi, thì gia chủ đưa người bệnh ra gian nhà chính, đặt người bệnh nằm trên giường, đầu quay hướng Nam, chân hướng Bắc - theo tập quán của ông cha ta - để lấy

sinh khí. Chúng tôi nghĩ rằng, người Việt chúng ta thường làm nhà theo hướng Nam, hoặc Đông Đông Nam, nên để người bệnh đầu quay hướng Nam cũng là hợp lẽ.

Trước đây dùng chữ khâm, liệm - tức là đại liệm và tiểu liệm (gói người chết hai lần). Nay chỉ nên hiểu đó là gói người chết bằng tấm vải hoặc chăn mỏng trước khi đặt thi thể vào quan tài.

Nhân dân ta có tập quán khâm ở trên giường và liệm phải hạ xuống đất. Khâm thì để vải dọc, liệm thì để vải ngang (sở dĩ phải quy định chặt chẽ như vậy là để gói người chết cho thật kín mà thôi). Ông Bùi Tấn Niên, cử nhân Hán học, khi nghiên cứu vấn đề này đã kể rõ như sau: "Đồ khâm, liệm được đặt theo thứ tự trước sau trên chiếu: Đại liệm, chăn đại liệm, tiểu liệm, sau hết là chăn tiểu liệm, trên cùng là các đồ lót, đệm đầu và tay chân. Người chết được đưa xuống đặt ngay ngắn trên chăn tiểu liệm. Lót đầu, mình, chân tay cho ngay gọn xong gấp chăn bên trái trước, bên phải sau rồi gấp dưới chân lên và trên đầu xuống. Sau đó dùng vải tiểu liệm buộc lại theo chiều dọc và chiều ngang. Xong tiểu liệm đến đại liệm cũng tương tự như vậy. Cuối cùng là đặt người chết lên vải tạ quan, chờ nhập quan".

Khi đã liệm rồi thì không mở mặt nữa, tránh chuyện mất vệ sinh. Trường hợp thật đặc biệt, sau khi đã khâm liệm, con cháu chủ chốt ở xa về thì mới mở xem mặt (đây là trường hợp hãn hữu - vì vừa mất vệ sinh, vừa không nghiêm túc).

Hiện nay ở các thành phố, quan tài đều có tấm kính trên nắp thiên (ở phía đầu). Đối với loại quan tài có tấm kính này thì cần trang điểm mặt người chết, để sau khi viếng, đi vòng quanh linh cữu, mọi người thấy người đã mất trong tư thế tươi tỉnh hơn.

Tùy theo số vải liệm của gia đình tang chủ chuẩn bị mà tiến hành liệm người chết theo các bước sau:

Nếu tấm vải dài 6 mét (khổ vải 0,80 hoặc 1,2 mét) thì lấy 4 mét can thành hình gần vuông, 2 mét còn lại chia đôi để can vào phía đầu và phía chân thi hài.

Nếu tấm vải dài 8 mét thì can thành hình chữ nhật (một chiều 4 mét và

chiều kia trên dưới 4 mét).

Nếu chăn mỏng cũng phải dài tối thiểu 2 mét.

Liệm thi hài: Có hai cách liệm khác nhau (tùy theo tập quán của từng địa phương).

* *Cách thứ nhất:* Đặt thi hài trên vải liệm (hoặc chăn mỏng) theo đường chéo góc từ phía trên đầu tới phía khoảng giữa hai gót chân. Phủ che mặt người chết bằng tờ giấy bản hoặc miếng sô màn mềm, có dây buộc vào phía sau đầu và cổ. Kéo mép vải ở hai bên sườn người chết lên trước ngực và bụng ở chéo góc, gấp góc vải phía dưới hai bàn chân lên, buộc một dây vải khoảng bắp chân, một dây ngang hông. Gấp góc vải liệm phía trên đầu xuống ngực để buộc dây thứ ba ngang vai, sau khi thân nhân đã xem mặt lần cuối cùng.

(Cần lưu ý: Các dây buộc phải cho thật chặt thì mới giữ được thi thể ngay ngắn - ông cha ta đã từng khuyên con cháu rằng: "Thương cha, thương mẹ thì khi khâm liệm phải buộc bụng cho chặt", vì nếu buộc lỏng khi xác trương lên, mà dạ dày là nơi trương to nhất, ngày nào đó vỡ dạ dày - do áp suất quá mạnh. khi gập người lại một cách đột ngột, đầu đập vào ván thiên - vỡ sọ cái)

* *Cách thứ hai:* Đặt thi hài nằm chính giữa theo chiều dọc của vải, gấp mép vải hai bên theo chiều dọc thi hài, sau đó gấp mép vải phía chân, và cuối cùng là gấp mép vải phía đầu (sau khi thân nhân đã lần lượt nhìn mặt người quá cố lần cuối - mặt cũng được phủ giấy bản hoặc vải sô và cũng buộc dây như trên), rồi cũng buộc dây ở các khoảng như ở cách liệm thứ nhất.

Từ xưa và ngay cả bây giờ, vải dùng để khâm liệm nhân dân ta thường dùng vải trắng. Vải trắng này là loại vải mộc hay vải mộc tẩy trắng, không dùng loại vải pha ni-lông vì loại vải này khó tiêu hủy.

Đối với các già (nữ) theo đạo Phật, vẫn còn giữ tục lệ khi khâm liệm mặc áo "lục thù".

Đối với người chết do những bệnh thông thường, thì sau khi tắt thở từ 6-8 tiếng đồng hồ thì nhập quan. Nếu người qua đời do bệnh dịch thì nhập quan càng sớm càng tốt. Trường hợp đợi người thân ở xa đang trên đường về cũng không được để quá thời hạn quy định trong Điều lệ "về giữ gìn vệ sinh" của

Nghị định 194/CP, ngày 31-12-1964, đã ban hành.

Nhân đây, chúng tôi xin trích một số điều cần thiết trong Điều lệ "về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ", kèm theo Nghị định số 149/CP, để mọi người đọc tham khảo và áp dụng khi nhà có việc tang.

....

"VIII - Vệ sinh trong việc chôn cất, bốc mộ và di chuyển xác chết, hài cốt.

Điều 22- Phải chôn hoặc hoả táng người chết ở những nơi được quy định, chậm nhất là 48 giờ sau khi chết. Trường hợp đặc biệt không chôn hoặc hoả táng kịp trong thời gian trên, thì phải khâm liệm theo đúng những quy định về vệ sinh của Bộ Y tế.

Phải chôn những người chết vì các bệnh dịch sớm hơn quy định trên đây, và chôn ở nơi được quy định gần nhất theo đúng những quy định về phòng dịch.

Điều 23- Việc bốc mộ, di chuyển xác người chết, hài cốt, việc sử dụng đất ở nơi đã bốc mộ, phải theo đúng những quy định về vệ sinh phòng dịch.

Điều 24- Việc di chuyển xác người chết qua biên giới nước Việt Nam dân chủ cộng hòa phải được phép của Chính phủ hoặc cơ quan được Chính phủ ủy nhiệm và phải khâm liệm theo đúng những quy định của Bộ Y tế....".

Chúng tôi cũng xin trích những điều liên quan mà chúng ta cần biết trong Thông tư hướng dẫn cụ thể việc thi hành Điều lệ về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ của Hội đồng Chính phủ, do Bộ Y tế ban hành, số 29-BYT/TT, ngày 21/10/1971, như sau:

....

"Chương VII- Vệ sinh trong việc cất, bốc mộ và di chuyển người chết, hài cốt.

Điều 22- Điều lệ quy định thời gian chôn hoặc hỏa táng người chết, phải thực hiện đầy đủ những điểm sau đây:

1- Bất cứ trường hợp tử vong vì nguyên do gì cũng phải làm giấy khai tử tại Ủy ban hành chính xã, khu phố nơi có người chết. Giấy khai này phải được

Ủy ban hành chính xã, khu phố chứng nhận, có kèm theo giấy chứng nhận nguyên nhân chết của cơ quan y tế (nếu chết không phải do bệnh tật thì cơ quan công an cấp, sau khi đã được khám nghiệm pháp y).

2- Khi chôn cất người chết phải có giấy phép của Ủy ban hành chính xã, khu phố. Tất cả những người chết vì nguyên nhân thông thường không được để quá 48 giờ sau khi chết (trường hợp đặc biệt phải có ý kiến của cơ quan công an hoặc y pháp). Trường hợp chết vì các bệnh dịch: dịch tả, dịch hạch, đậu mùa, sốt phát ban, chấy rận, sốt hồi quy, hủi, nhiệt thán hoặc chết do chiến tranh vi trùng của địch gây ra thì tử thi khâm liệm phải có dung dịch sát trùng, sau đó phải chôn ngay, không được để quá 24 giờ.

3- Trong áo quan phải lót dưới xác chết những chất hút nước như mùn cưa, tro. Nếu chết vì bệnh dịch, hủi, nhiệt thán... phải lót dưới xác chết, phủ lên trên và chung quanh xác bằng vôi bột hoặc loại bột sát trùng khác. Nơi để xác chết bệnh dịch phải hạn chế người ra vào, chỉ để một vài thân nhân người chết và nhân viên y tế có nhiệm vụ. Số người này cũng phải có đầy đủ phương tiện để bảo vệ.

4- Việc khâm liệm xác chết vì bệnh dịch, nếu ở bệnh viện thì do nhân viên y tế đảm nhiệm, nếu chết tại nhà thì do thân nhân làm dưới sự hướng dẫn của cán bộ y tế địa phương và theo đúng các quy định trên.

5- Chôn người chết phải đào sâu 1,50 - 2m, huyệt nọ cách huyệt kia ít nhất là 1 mét (kể cả phía chân, đầu và hai bên), khoảng cách giữa thân xác nọ với xác kia là khoảng cách vệ sinh quan trọng, còn khoảng cách phía đầu hoặc chân có thể ít hơn. Phía trên phải đắp cao khỏi mặt đất 0,60m. Chết vì bệnh dịch, bệnh hủi, nhiệt thán,v.v... phải đổ vôi bột phía dưới và phía trên xung quanh huyệt, đắp nện thật kỹ và rào xung quanh lại.

Trước khi lập khu nghĩa địa phải có sự thoả thuận của cơ quan y tế địa phương để đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh phòng bệnh. Khu nghĩa địa phải cách nhà ở gần nhất là 30 mét (nếu ở đó nhân dân dùng nước máy) và 100 mét (nếu ở đó nhân dân dùng nước giếng). Ở đồng bằng, nơi chôn xác người nên chọn vùng có đất xốp, cao ráo, nếu là đất sét phải có hào, rãnh, cống để thoát nước. Trẻ em nên có nghĩa địa riêng vì xác chết của trẻ em tiêu huỷ nhanh hơn.

6- Những trường hợp hoả táng phải được phép của chính quyền và làm theo đúng những quy định của cơ quan y tế địa phương và tiến hành dưới sự hướng dẫn của cán bộ y tế.

7- Trường hợp chôn cất người chết hàng loạt do chiến tranh:

a) Trường hợp chết vì chiến tranh do địch bắn phá bằng bom đạn, hoặc dùng vũ khí vi sinh vật, hoá học, phóng xạ, số người chết đông phải chôn cất xác chết hàng loạt thì địa điểm chôn cất phải xa nguồn nước ăn, xa nhà ở ít nhất 100 mét và không bị ngập nước.

b) Nếu chết vì vũ khí vi sinh vật thì phải tẩm chất sát trùng và khi chôn, lớp trên cũng phải cách mặt đất 2,50m, đắp cao từ 0,50m trở lên và phủ một lớp vôi bột trên, dưới, xung quanh xác chết. Lớp vôi trên cùng dày ít nhất 0,20m. Việc chôn cất phải tiến hành ngay trong vòng 24 giờ.

c) Nếu chết hàng loạt do vũ khí vi sinh vật gây dịch nguy hiểm thì không được di chuyển mà phải chôn cất tại nơi chết. Trường hợp chết do bom đạn thì việc di chuyển người chết sẽ áp dụng như đối với người chết bệnh thông thường.

Điều 23 - Điều lệ quy định việc bốc mộ, di chuyển xác người chết, hài cốt, việc sử dụng đất ở nơi đã bốc mộ, cần phải thực hiện đầy đủ những điểm dưới đây:

1- Việc di chuyển người chết từ nhà đến nghĩa địa phải chuyên chở bằng những phương tiện riêng, người chết phải được khâm liệm kỹ trong chiếu, ni-lông hoặc quan tài. Nếu quãng đường chuyên chở trên 50km thì bất cứ chết vì nguyên nhân gì và chuyên chở bằng phương tiện gì, người chết phải để vào quan tài, dưới đáy có các chất hút nước và thấm nước sát trùng. Quan tài phải trát thật kín các kẽ ghép, lỗ hở, nếu có điều kiện thì dùng quan tài bọc kẽm. Trường hợp chuyên chở trên đoạn đường dài trên 200km thì phải dùng phương tiện vận chuyển nhanh, không được đi lâu quá 24 giờ. Nếu chuyên chở quá thời gian đó thì không được di chuyển mà phải chôn tại chỗ.

2- Khi chuyên chở trên quãng đường dài thời gian 24 giờ, thì phải có giấy phép đặc biệt của cơ quan y tế địa phương, trong đó cần nêu rõ: tên, tuổi người chết, ngày giờ chết, ngày giờ bắt đầu di chuyển, cách thức khâm liệm và kèm

theo giấy phép của Ủy ban hành chính địa phương trong đó ghi rõ: Địa điểm mang người chết đến, đường hành trình và ấn định thời gian tối đa phải chôn cất xong. Nếu không có đủ những giấy tờ này thì chính quyền địa phương trên đường vận chuyển theo yêu cầu của cơ quan y tế có quyền giữ lại và chôn tại nghĩa địa gần nhất.

3- Trường hợp chết vì các bệnh dịch tối nguy hiểm hoặc chết vì chiến tranh vi sinh vật, thì người chết không được di chuyển, chết ở đâu phải chôn tại đấy dù có đủ các điều kiện khâm liệm đã quy định trên.

4- Việc bốc mộ và di chuyển hài cốt không phải xin giấy phép của cơ quan y tế nếu từ khi chôn người chết đã được 7 năm trở lên. Trường hợp vì bệnh truyền nhiễm thì sau thời gian 5 năm mới được bốc mộ và phải có giấy phép của cơ quan y tế. Chết vì bệnh thông thường thì từ 3 năm trở lên mới được bốc mộ.

Trường hợp đặc biệt nhưng không phải chết vì bệnh truyền nhiễm, việc bốc mộ trong thời gian quá 1 năm và dưới 3 năm phải có giấy phép của ủy ban hành chính xã, khu phố và cơ quan y tế, nhưng phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Bốc mộ từ tháng 10 dương lịch trở đi đến tháng 4 dương lịch năm sau.

b) Vận chuyển đến nơi khác phải theo đúng các quy định về khâm liệm hài cốt, đảm bảo kín.

Trường hợp người chết chôn chưa quá 1 năm mà cần khai quật để khám nghiệm theo lệnh của cơ quan pháp y và công an, thì phải theo đúng những quy định của cơ quan y tế. Phải có đầy đủ phương tiện phòng hộ cho người làm và bảo đảm yêu cầu sát trùng, tẩy uế trong khi quật lên và chôn cất lại.

5- Nghĩa địa sau khi bốc mộ, muốn sử dụng để chôn xác người chết khác phải sau 5 năm.

Điều 24 - Điều lệ quy định việc di chuyển người chết qua biên giới nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Người chết muốn đưa qua biên giới nước Việt Nam dân chủ cộng hoà phải theo đúng điều 8, chương I của điều lệ kiểm dịch của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và những quy định chi tiết sau đây:

1- Những người chết muốn di chuyển qua biên giới nước Việt Nam dân

chủ cộng hoà phải theo đúng thể lệ vận chuyển người chết như quy định đối với trong nước, quan tài bắt buộc phải làm bằng kẽm và hàn kín.

2- Không được phép chuyên chở những người chết vì bệnh dịch qua biên giới nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Trường hợp chết vì bệnh truyền nhiễm cũng phải theo đúng cách khâm liệm và chôn cất như đã quy định ở trên.

3- Việc chuyên chở người chết qua biên giới nước Việt Nam dân chủ cộng hoà có thể dùng các phương tiện vận chuyển bằng ô tô, tàu hoả, máy bay, tàu thủy và phải thực hiện đầy đủ những yêu cầu sau đây:

a) Tàu hoả: Quan tài phải bọc kẽm trong có ni-lông và chất hút nước. phía ngoài bằng gỗ có đóng xi của công an và y tế, và đặt ở toa riêng, kín để vận chuyển.

b) Máy bay: Khâm liệm như đối với tàu hoả, trên máy bay có ngăn buồng riêng và kín (nếu là loại máy bay thường) để vận chuyển.

c) Ô tô: Khâm liệm như trên, và nhất thiết phải dùng ô tô riêng, kín để vận chuyển.

d) Tàu biển: Khâm liệm như trên, để ở buồng riêng và kín trong tàu vận chuyển.

Trong những toa tàu, máy bay, tàu biển, xe ô tô và buồng dùng để xác người chết không được để bất cứ vật gì khác, ngoài quan tài, ảnh và hoa.

Khi các phương tiện vận chuyển nói trên đưa người chết vào nội địa nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, tới địa điểm đã quy định, nếu quá 48 giờ mà chưa có thân nhân thì chính quyền địa phương sẽ cho chôn ngay tại nghĩa địa gần nhất. Trường hợp đặc biệt có liên quan đến vấn đề ngoại giao, thì chính quyền và cơ quan y tế địa phương báo cáo cho Bộ Y tế và Bộ Ngoại giao để giải quyết....".

Trong việc tang, khâu khâm liệm được các gia đình tang chủ hết sức coi trọng, nên thường bố trí những người thân trong tang quyến trực tiếp làm, vừa để thể hiện tình cảm của mình, vừa để đảm bảo khâm liệm chu đáo.

Trong tang lễ hiện nay, nhân dân ta vẫn giữ tục khâm liệm và dùng vải trắng để bọc thi hài, song, khi thực hiện không nhất thiết phải là người trong

nhà, mà có thể nhờ những người quen làm việc này giúp đỡ, hoặc do những người có chuyên môn của các bệnh viện làm cũng được.

Lại phải nói thêm rằng: Thời xưa, người ta đều phải làm lễ phạt mộc trước khi nhập quan. Sở dĩ phải làm như vậy là vì dân ta cho rằng trong chiếc áo quan, cho dù là cỗ hậu sự đã sắm sẵn, hay là áo quan mới mua ở cửa hàng về, đều có "quỷ tinh" lẩn khuất để ám hại người chết và gieo tai họa cho tang gia. Lễ phạt mộc nhằm trừ khử hết lũ ma quái đó đi, bằng cách chém vào áo quan ba nhát.

Để thực hiện nghi lễ này, người ta phải nhờ một thầy cúng cầm nén nhang đang cháy, "đọc chú" thư phù trên một con dao, rồi dùng con dao này giơ lên chém khẽ ba nhát vào đầu, cuối, cạnh bên cỗ áo quan. Vừa chém, người thầy cúng vừa "niệm chú", đại ý câu chú là tống khứ các loại thần trùng, quỷ tinh, ma quái và mọi loại tà ma khác ra khỏi áo quan, không cho chúng quấy nhiễu người chết và phá hoại cuộc sống bình yên của người sống, ở bất cứ tuổi nào, hay đi về phương hướng nào.

Người thầy cúng có lúc niệm chú khẽ trong họng, lại có lúc quát tháo như đoạ nạt, và dùng những nén nhang để "làm phép" trong lòng cỗ quan tài.

Người xưa còn giải thích rằng, ngoài việc đuổi thần trùng và ma quái, lễ phạt mộc còn có mục đích đuổi các mộc tinh vẫn thường ẩn nấp trong cây gỗ từ khi ở trong rừng cho đến khi cây gỗ bị hạ rồi xẻ đóng làm áo quan, vẫn còn lẩn khuất trong áo quan.

Khi lễ này kết thúc, người nhà tang chủ còn ném một nắm gạo, muối ra đường để tống tiễn hết mọi loại ma quỷ và mộc tinh ra ngoài quan tài.

Dưới con mắt của người thời nay, chuyện trừ khử ma qủy này là một hủ tục biểu hiện của mê tín dị đoan. Tuy nhiên, ở một vài vùng nông thôn, do con người thiếu hiểu biết, hoặc do tập quán cũ mà cứ phải thực hiện. Chúng ta nên giải thích và vận động nhân dân từ bỏ nghi lễ này, khi có việc tang lễ.

3. Nhập quan

Khi đã thực hiện nghi lễ khâm liệm, thân nhân có mặt đứng theo thứ tự gần xa, trên dưới quanh quan tài để chuẩn bị thực hiện lễ nhập quan. Cổ tục có

quy định cho con trai đứng bên trái, con gái đứng bên phải người chết; những người "kỵ tuổi" với người chết và giờ chết trong vòng con cháu ruột thịt, phải lánh mặt ra chỗ khác, để ngừa tai hoạ về sau - người ta tin rằng người chết có thể bắt theo. Cổ tục này ngày nay phần đông nhân dân ta đã bỏ.

Nếu gia đình nào đã chuẩn bị tấm vải tạ quan (tấm vải lót ở đáy quan tài), thì những người lo việc nhập quan nâng người chết lên bằng bốn góc của tấm vải tạ quan, rồi đặt nhẹ nhàng thi thể vào áo quan. Nếu không có tấm vải tạ quan, thì người ta dùng 3 đoạn dây luồn ở dưới thi thể, những người thực hiện cầm các đầu dây nhẹ nhàng đặt thi hài vào quan tài. Chú ý không nâng thi hài trực tiếp bằng tay để nhập quan.

Khi nhập quan xong, để quan tài đúng vị trí thờ.

Lại cần phải nói thêm rằng: Quan tài sau khi đã miết kín các mạch hở, đáy quan tài cần phải rải một lớp chè bồm, hoặc gạo nếp rang cháy dày khoảng 3 - 4cm để hút hơi ẩm từ thi thể toát ra, nhằm giữ cho thi thể luôn luôn khô ráo. theo sách *Thọ Mai gia lễ* sau khi rải lớp gạo nếp rang cháy vào đáy quan tài thì đặt lên một mảnh ván có đục 7 lỗ theo vị trí sao Bắc đẩu - gọi là mảnh ván "thất tinh", để khí ẩm và hơi nước trong thi thể toát ra, được hút vào gạo rang qua 7 lỗ đó, ngày nay chúng ta có thể thay tấm gỗ bằng những tờ giấy bản có đục lỗ, để ngăn cách phần gạo nếp rang cháy với thân thể người chết để hút ẩm. Và ta có thể đục 7, 9, 11 lỗ là tùy quan niệm của con người, nhưng nhất thiết phải đục lỗ để có chỗ thoát ẩm và hơi nước là cần thiết.

Khi đặt thi hài vào quan tài, cần dự phòng một số vật liệu để kê, đệm, lót (nếu quan tài rộng), làm cho thi thể cố định thành một khối với quan tài, khi di chuyển quan tài không lắc lư, xê dịch. Đặc biệt phải kê lót phía đầu quan tài thật chu đáo. Vật liệu kê, đệm nên dùng các gối bông nhỏ, hoặc gấp giấy bản hay vải mềm nhiều lớp, dày mỏng tùy theo khi kê, đệm - và nhất thiết phần đầu phải cao hơn phần chân.

Một số địa phương có tập quán dùng bát úp để kê đệm phần đầu, hoặc dùng vàng thoi (vàng làm bằng giấy màu dán trên cốt nan hình chữ nhật) để kê đệm và chèn hai bên tai - vừa đỡ đi những phần bông, vải tốn kém, lại vừa được về mặt tinh thần. Nếu quan tài còn chỗ trống thì có thể bỏ

thêm quần áo, giày dép, đồ dùng thường ngày của người mới qua đời, để làm sao khi đậy nắp quan tài phải vừa khít, khi di chuyển quan tài, thi hài cũng không xê dịch.

Một số gia đình vẫn giữ tục lệ khi nhập quan có rắc cỗ bài tổ tôm (đã bỏ đi 4 quân bát sách) trên thi hài, hoặc dùng bùa nọ, bùa kia dán ở phía trong, phía ngoài quan tài; hoặc dùng lịch Tàu, lịch ta, hoặc tàu lá gồi bỏ vào quan tài để "trấn áp" ma quỷ. Những việc làm này không có cơ sở khoa học, cần vận động nhân dân bỏ hình thức này.

Nhiều gia đình khi nhập quan đều nhờ thầy cúng chọn giờ để tránh hậu họa. Thực ra, chọn giờ nhập quan cũng chỉ làm yên lòng cho tang chủ. Mọi thầy cúng đều theo một cách tính để chọn giờ nhập quan được truyền lại như sau:

Ngày	Giờ nhập quan	Ghi chú
Tý	Sửu - Dần - Mão - Thấn - Dậu	Theo âm lịch, mỗi ngày có 12 giờ, mỗi giờ bằng 2 giờ quốc tế. Giờ Ngọ bắt đầu từ 11 giờ đến 13 giờ. Cứ từ đó mà tính ra các giờ tiếp theo.
Sửu	Dần - Mão - Ngọ - Thân - Dậu	
Dần	Tý - Dần - Mão - Ngọ - Thân - dậu	
Mão	Tý - Sửu - Ngọ - Mùi - Hợi	
Thìn	Sửu - Dần - Ngọ - Mùi - Thân	
Tỵ	Sửu - Dần - Mão - Mùi - Ngọ - Thân	
Ngọ	Dần - Mão - Mùi - Thân - Dậu	
Mùi	Mão - Dậu - Hợi	
Thân	Tý - Ngọ - Dậu	
Dậu	Tý - Hợi - Sửu - Mùi	
Tuất	Tý - Sửu - Dần - Mão - Hợi	
Hợi	Tý - Sửu - Dần - Mão - Mùi - Thân	

Thực ra cách tính trên cũng đơn giản, không có gì là bí ẩn. Các tang chủ muốn chọn giờ nhập quan phù hợp với điều kiện chuẩn bị lễ tang của nhà

mình, có thể căn cứ vào cách tính trên để tự quyết định, không phải nhờ thầy cúng xem nữa. Cũng xin lưu ý rằng: Sách gia lễ cổ không hề để cập đến giờ nhập quan và cũng bài bác việc chọn giờ nhập quan. (Ông quan Hình bộ thượng thư họ Hồ ở làng Hoàng Hậu, huyện Quỳnh Giao đã soạn quyển "Gia lễ vấn đáp" vào năm thứ 5, đời Vĩnh Hựu nhà Lê. Cuốn sách đã được dịch ra quốc âm có nói: "Hễ làm con chớ nghe thầy (địa lý) chọn ngày lành tốt, nếu chọn mãi không được, để lâu xú uế xông lên thì thực là bất hiếu, phải tùy tiện mà làm".

Sau khi nhập quan xong, đậy nắp quan tài (quan tài chưa đóng cá hoặc đóng đinh ở ván thiên), nhằm đề phòng có những lúc cần mở ra theo yêu cầu của thân nhân; hoặc đề phòng có trường hợp chỉ mới chết lâm sàng. Khi quan tài đã được nhập xác thì được gọi là "linh cữu". Từ lúc này, những con cháu "kỵ tuổi" phải lánh mặt ra ngoài từ trước đã được phép trở về để cùng với mọi người thực hiện các nghi lễ của việc tang.

Thường quan tài bao giờ cũng được đặt ở gian chính, đầu để ở phía trong, chân phía ngoài. Thời xưa người ta còn để sẵn dây thừng (dây buộc lớn) và đòn khiêng để đề phòng có lúc gặp bất trắc mà kịp di chuyển.

Cổ lệ còn định rằng, trong trường hợp người chết còn cha mẹ sống, linh cữu sẽ được đặt ở gian bên cạnh, trên đầu có quàng khăn tang cho cha mẹ. Trong trường hợp nhà chỉ có một phòng thì linh cữu phải được đặt chệch sang một bên, tránh đặt giữa nhà.

Nhà nghiên cứu Toan Ánh có kể rõ lễ nhập quan cử hành theo những thủ tục nghiêm trang như sau:

"Các con cháu vào đứng trước người chết. Người chấp sự xướng: *Tự lập*. Các con cháu đứng gần vào. Lại xướng: *Cử ai*. Con cháu khóc rồi quỳ xuống. Người chấp sự cũng quỳ theo và khấn: *Nay được giờ lành, xin được nhập quan, cẩn cáo*".

Sau đó, các con cháu lễ theo điệu xướng của người chấp sự rồi đứng ngay ngắn sang hai bên, nam bên tả, nữ bên hữu. Những người giúp việc khiêng thi hài người chết đặt vào chính giữa áo quan.

Nhập quan rồi sẽ có *lễ thành phục*, nhưng trước lễ này con cháu còn được phép lấy vợ lấy chồng gọi là *cưới chạy tang*".

4. Lễ phát tang

Thường thường các gia đình có người bệnh nặng, lúc có dấu hiệu sắp trút hơi thở cuối cùng, gia đình đã lập danh sách số người phải mặc đồ tang, lo may đồ tang trước cho từng người, theo thứ tự quan trọng trước, sau. Gia đình lo sắm đủ tang phục cho con trai, con gái, con dâu, con rể, các cháu nội ngoại, kể cả chút chít và người họ hàng.

Mọi người thân quyến trong gia đình tập trung lại chung quanh linh cữu (người thân nhất đứng gần, rồi tiếp đến con cái, cháu chắt - theo thứ tự từ gần đến xa). Người có thẩm quyền trong gia đình làm lễ phát tang (nếu gia chủ nhờ thầy cúng làm lễ phát tang cũng được, nhưng thầy cúng phải là người có tuổi tác, đức độ); đồng thời phân phát khăn, áo cho con cháu chịu tang và từ đây con cháu mới được cất tiếng khóc. (Tập quán cũng quy định rằng: Khi trong nhà có người nằm xuống, mọi người trong nhà phải phân công nhau các công việc chu tất cho người quá cố, nếu có người khóc sẽ ảnh hưởng đến công việc chung và chỉ sau khi làm lễ phát tang, mọi người mới được cất tiếng khóc).

Cũng theo tập quán dân tộc, chỉ sau lễ phát tang thì mới chính thức báo tang. Từ đấy, mọi người mới đến phúng viếng, và từ lúc này mới có tiếng kèn trống.

Cũng từ lúc này con cháu mới mặc tang phục và chít khăn theo thứ bậc. Theo tập quán của người Việt, con trai mặc áo sô gai, đội mũ rơm, quấn một cái đai bằng dây rơm có quấn vải bên ngoài (gọi là dây rơm). Con trai còn phải chống gậy - cha gậy tre, mẹ gậy vông. Các cháu nội trai cũng mặc tang phục như con trai, chỉ khác là có làm dấu đỏ tròn trên mũ ở trước trán, để cho người ngoài nhìn vào dễ phân biệt. Con gái, con dâu cũng mặc áo sô gai, thắt lưng ra ngoài bằng dây bện bẹ chuối, mọi người đều xõa tóc và đội mũ mấn. Con rể và cháu chắt quấn khăn gấp vào trong. Tất cả thân thuộc đều dùng đồ trắng. Sở dĩ tang phục của người Việt dùng đồ trắng - vì chữ hiếu cho nên con chịu tang bố mẹ không được ăn mặc đẹp, vải sô là loại vải xấu và giá rẻ nhất. Cũng theo

quan niệm dân gian, màu trắng là khởi thủy của các màu, vì vậy nó được dùng vào việc hiếu, để tỏ lòng tôn nghiêm, thanh khiết.

Lễ phát tang cốt giữ sự trọng thể, không nhất thiết phải bày vẽ theo lệ cổ. Theo chúng tôi, kế thừa phong tục tập quán cổ truyền, việc để tang ngày nay, con cháu vẫn chít khăn tang, nhằm thể hiện sự thương tiếc người quá cố và cũng để phân biệt mối quan hệ trực hệ trong tang quyến. Ngày nay, những người con trai, con gái, con dâu, vợ chồng đều chít khăn sô bỏ múi buông hai giải về phía sau; anh chị em ruột, cháu và những người có quan hệ khác đều chít khăn gấp vào trong (không bỏ múi); chắt, chút thì chít khăn vàng, khăn đỏ... nhằm biểu hiện lòng tự hào của con cháu đã nuôi dưỡng cha mẹ sống lâu - đây cũng là tập quán hay cần được phát huy, và đây cũng là một thể chế văn hoá truyền thống đã được định hình trong nhân dân ta.

5. Lập ban lễ tang

Thường thì sau khi có người từ trần, gia đình tang chủ cùng đại diện chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đại diện cơ quan chủ quản người quá cố, hội người cao tuổi... phối hợp lập Ban lễ tang.

Thành phần Ban lễ tang gồm: Đại diện chính quyền cơ sở, Mặt trận Tổ quốc, đại diện đoàn thể, hội người cao tuổi... và đại diện gia đình tang chủ (nếu người quá cố là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam thì thành phần Ban lễ tang có thêm đại diện cấp ủy đảng).

Người đại diện chính quyền hoặc đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thông thạo, am hiểu về các công việc của lễ tang, được thân nhân người quá cố cảm mến, tin cẩn thì làm trưởng ban - để điều hành các công việc lễ tang. Đại diện thân nhân người quá cố làm phó trưởng ban (nếu người quá cố không có thân thích thì không cần có phó trưởng ban). Đây là trường hợp các địa phương có tập quán do chính quyền hoặc đoàn thể đứng ra lo việc tang. Thực tế, ở một số vùng, việc tang lễ đều do thân nhân của tang chủ đứng ra lo liệu.

Người quá cố trước đây thuộc cơ quan, đơn vị hoặc đoàn thể nào, thì nên có đại diện cơ quan, đơn vị, đoàn thể đó tham gia ban lễ tang.

Ban lễ tang có nhiệm vụ điều hành từ đầu đến cuối đám tang theo nếp sống

văn hoá và theo Quy ước đơn vị văn hoá của cơ sở, ngăn ngừa các hành vi mê tín dị đoan, hủ tục phục hồi.

Ban lễ tang thống nhất với tang chủ cử người đem giấy chứng tử và các giấy tờ cần thiết đến Công ty mai táng tỉnh, thành phố và Ban quản lý nghĩa trang để nhận phần đất và thống nhất ngày, giờ chôn cất. Lúc này, (nếu ở thành phố) thì tang chủ và Ban lễ tang phải thực hiện thủ tục hợp đồng với Ban quản lý nghĩa trang khâu đào huyệt cho khớp với ngày giờ mai táng. Nếu ở nông thôn, nơi nào có đội mai táng thì báo cho đội mai táng giờ đào huyệt, cách thức đào huyệt, hướng huyệt... một cách cụ thể; nơi nào không có đội mai táng thì tang chủ cử con cháu lo phần này. Ban lễ tang cần cử người theo dõi, đôn đốc các khâu chuẩn bị cho thật chu đáo để tránh sơ suất xảy ra.

Ban lễ tang phối hợp với tang chủ ký hợp đồng xe tang, xe chở thân nhân đưa tang, xe chở hoa... theo kế hoạch đã định sẵn (chi tiết nơi đón, giờ đón, cách thức đi đường, cách thức đi qua nhà...).

6. Quàn linh cữu, đặt bàn thờ

Nếu ở bệnh viện hoặc ở các nhà tang lễ thành phố, linh cữu được đặt ở một phòng dành riêng (gọi là nhà quàn). Nếu người quá cố là cán bộ chủ chốt của cơ quan, xí nghiệp, nhà máy... thì linh cữu có thể được đặt quàn tại hội trường hoặc phòng đại sảnh của cơ quan, xí nghiệp... ấy.

Ở nông thôn, một số địa phương đã xây dựng các phòng dành riêng (gọi là nhà quàn) thì linh cữu được đặt tại đây để mọi người đến phúng viếng. Địa phương nào chưa có nhà quàn thì gia đình tang chủ chọn một phòng để quàn linh cữu. Tùy theo tập quán của từng địa phương, nhưng thi hài bao giờ cũng được quàn ở gian trang trọng nhất.

Ở thành phố, do điều kiện nhà chật hẹp, có nhà cao tầng, thấp tầng, hành lang chật hẹp, cầu thang dốc, việc di chuyển linh cữu rất khó khăn (các phường nên sớm có kế hoạch đầu tư xây dựng các phòng đặc biệt cho lễ tang để quàn linh cữu và đặt bàn thờ tạm thời ở phòng này, nhằm thuận lợi cho việc phúng viếng và đưa tang). Đối với các thành phố lớn thì có thuận lợi hơn, vì có nhiều nhà tang lễ; nhưng ở thị xã, thị trấn thì không có điều kiện như vậy, cho nên nhà

nước rất cần đầu tư xây dựng nhà quàn ở các khu dân cư tập trung, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khi nhà có việc.

Linh cữu ở nhà quàn (hoặc phòng quàn) nên đặt theo chiều dọc, đầu quan tài hướng vào phía trong, để người đến phúng viếng thắp hương và mặc niệm phía trước quan tài. Khi di chuyển quan tài ra xe tang (chuyển cữu) thì xoay đầu quan tài ra phía cửa để thuận chiều đi (đầu đi trước). Nhân dân ta có câu "đầu có xuôi thì đuôi mới lọt" cũng là hợp lẽ. Một số địa phương cũng có tập quán đặt linh cữu theo chiều dọc, nhưng chân thi hài lại hướng vào phía trong. Trường hợp này thì khi chuyển cữu không cần xoay nữa.

Cần lưu ý: Thông thường, nhiều địa phương chuyển cữu theo tư thế đầu đi trước, nhưng cũng có địa phương lại có tập quán lúc chuyển cữu thì chân lại hướng về phía trước - nên cũng tùy tập quán từng nơi mà làm cho thích hợp.

Cá biệt, phòng quàn quá hẹp chiều dọc, người ta có thể đặt linh cữu theo chiều ngang để viếng cũng vẫn được.

Ngay từ sau lễ phát tang, linh cữu được định vị nơi quàn thì trên nắp linh cữu liên tục được thắp hương, nến, để tránh sự lạnh lẽo. Người ta cũng quan niệm rằng, còn ánh lửa là sự sống còn được duy trì (đó chính là nguyện vọng của người sống) - nó làm ấm lòng người.

Dân ta còn chọn một vài đoạn của cây chuối nhỏ (khoảng bằng cổ tay), cao độ 4 - 5cm để trên nắp quan tài mà cắm hương. Nến cũng được thắp trên nắp quan tài cho đến khi hạ huyệt (thường thắp 7 ngọn theo hình thất tinh).

Trên nắp quan tài, dân ta thường cúng "bát cơm, quả trứng". Đây là một lễ thức cổ xưa, quan niệm người chết về thế giới bên kia vẫn cần có thức ăn. Đây là suất ăn đường khi về với tổ tiên. (Người ta xới 2 bát cơm úp lồng lên nhau). Một bát cơm ta ăn là dương, nhưng hai bát cơm úp vào nhau lại trở thành âm. Quả trứng tròn là dương - vì nếu ấp quả trứng sẽ nở thành con - dương. Việc cúng "bát cơm, quả trứng" bắt nguồn từ thuyết xa xưa về âm - dương. Có âm - dương mới sinh ra muôn loài, sinh ra con người. Từ thời cổ đại Trung Quốc, Khổng Tử - nhà triết học lỗi lạc đã nói: "Hữu thiên địa nhiên hậu hữu âm dương, hữu âm dương nhiên hậu hữu nam nữ, hữu nam nữ nhiên hậu hữu phu thê, hữu phu thê nhiên hậu hữu phu tử" có trời đất rồi mới có âm dương, có âm

dương rồi mới có nam nữ, có nam nữ rồi mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi mới có con cái).

Người ta luộc quả trứng lên, bóc vỏ đặt lên bát cơm thì quả trứng dễ rơi, nên người ta lấy 2 chiếc đũa (một đôi) cắm hai bên sát vào quả trứng, nhằm giữ cho quả trứng không rơi. Nếu lấy đôi đũa bình thường là trần tục, nên người ta vót đôi đũa thành tua ở một đầu; gọi là đũa bông. Nhưng đũa được vót mấy bông? Sách xưa không thấy đề cập tới, nhưng nhiều nhà nghiên cứu văn hoá dân gian cho rằng: Nếu người quá cố có bao nhiêu người con thì được vót bấy nhiêu bông. Vì vậy, chỉ nhìn bát cơm quả trứng trên nắp quan tài, người ta có thể biết ngay rằng người quá cố có từng ấy người con.

Bát cơm phải đơm đầy úp hai bát vào nhau cho có mu lên - tượng trưng cho âm. Quả trứng là dương. Đôi đũa vót có lua tua (gọi là đũa bông) tượng trưng cho cây vũ trụ - cho sự sống, với ý nghĩa: có âm-dương mới tạo ra sự sống...

Lập bàn thờ tưởng niệm tạm thời

Bàn thờ có thể đặt ở phía trong (phía đầu quan tài), hoặc phía ngoài (phía chân quan tài), hoặc một nơi trang nghiêm tùy theo nội thất của phòng quàn và tùy theo tập quán của từng địa phương.

Nếu bàn thờ đặt ở phía trong, thì chiều cao của bàn có thể chênh hơn chiều cao của linh cữu từ 20 - 30cm (không nên đặt bàn thờ quá cao) - tạo nên sự cách biệt và không cân đối.

Nếu bàn thờ đặt ở phía ngoài (phía chân) thì chiều cao của bàn chỉ chênh lên so với linh cữu khoảng 10 - 15cm là vừa. Thường tình thì đặt bàn thờ ở phía ngoài thì hợp hơn - vì khi thắp hương phúng viếng, người viếng nhìn đối diện với người quá cố. Sau khi thắp hương phúng viếng, người viếng đi vòng lên phía đầu để nhìn mặt người quá cố lần cuối, rồi chia buồn với tang chủ (đứng phía bên trái quan tài), đi tiếp ra bàn ghi sổ tang và ra phòng đợi, chờ dự lễ truy điệu và đưa tang.

Trên bàn thờ có thể để ảnh chân dung người mới qua đời, huân chương, huy chương, kỷ vật tiêu biểu của người quá cố và hương, nến (đèn), hoa quả...

III. NHẠC TANG VÀ TANG PHỤC

1. Nhạc tang

Đối với dân tộc ta, nhạc trong lễ tang là một nhu cầu không thể thiếu được, nó đã trở thành phong tục tập quán lâu đời, ăn sâu vào tiềm thức và mang ý nghĩa văn hoá truyền thống của dân tộc, vì thế, nhân dân ta đã đúc kết *"Sống dầu đèn, chết kèn trống"*.

Câu thành ngữ này khẳng định sự cần thiết của kèn trống trong một đám tang. Âm thanh của kèn trống trong lễ tang là bản nhạc hòa tấu với giai điệu buồn, làm cho đám tang bớt u ám, lạnh lẽo.

Nhạc của lễ tang do đội nhạc tang (nhạc hiếu) cử hành. Kèn, trống là hai loại nhạc cụ chính trong lễ tang. Chủ yếu là kèn giải và trống cơm. Cùng với kèn, trống là phường bát âm. Có thể coi phường bát âm là một dàn nhạc nhẹ, diễn tấu những bản nhạc: ngũ đối, lâm khốc, nam thương, xuân lữ, nam ai, an thư... (trong lễ viếng), còn lúc đưa đám thì dùng: hành vân, lưu thủy, bình bán...

Dàn nhạc tang thường gồm các cây: nguyệt, hồ, nhị, tam, tứ (bộ dây); sáo, tiêu (bộ hơi), tiu, cảnh, bộc... (bộ gõ). Một số nơi, trong nhạc tang còn có trống "tùng dinh" (gọi như vậy là theo hai âm thanh chính là tùng và dinh). Trong lễ tang, người ta sử dụng nhiều loại trống cái, trống con, tạo nên những bản nhạc tang vừa mang tính chất bi, vừa mang tính chất sôi động, làm cho đám tang bớt tẻ nhạt. Nhiều nơi, đặc biệt là ở vùng nông thôn, tiếng kèn giải, trống "tùng dinh" tạo thành không khí đám tang trong lễ viếng, trong lúc chuyển cữu và trong nghi trượng đi đường.

Để đáp ứng nhu cầu của nhân dân về kèn trống khi nhà có tang, thiết nghĩ: Mỗi phường, xã, thị trấn nên thành lập đội nhạc tang (nhạc hiếu), do UBND hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đứng ra chủ trì, giao cho ban văn hoá thông tin tổ chức thực hiện. Nhạc công là những xã viên hoặc người lao động thành thị (họ say mê loại âm nhạc này, có năng khiếu âm nhạc truyền thống, tự nguyện làm việc hiếu).

* Thời xưa, ban nhạc tang đầy đủ thường là 18 người, gồm có: phường

bát âm (xinh tiền, sáo, nhị, đàn nguyệt, tam, trống cảnh, trống bộc, kèn), trống con, trống cái, nạo bạt và già nam (nam ai) thì có trống, kèn, hồ, nhị.

* Ngày nay, đội nhạc tang đã đơn giản đi nhiều chủ yếu chỉ kèn, trống. Chỉ cần độ 2 kèn, 1 trống cái và 1 trống con là đủ.

* Mỗi khi đội nhạc tang thực hiện việc hiếu ở nông thôn, thì chính quyền xã trích kinh phí văn hoá - xã hội, giao cho Hội người cao tuổi, cùng với phần đóng góp của tang chủ, chi bồi dưỡng cho nhạc công. Ở thành phố thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng với ban văn hoá thông tin đề xuất với chính quyền trích quỹ văn hoá - xã hội, cộng với phần đóng góp của tang chủ chi bồi dưỡng cho nhạc công, để hỗ trợ phần nào, đảm bảo cho họ phục vụ lâu dài.

* Cũng có những địa phương giao cho Hội người cao tuổi vài sào đất để trồng hoa, trồng rau. Hoa thì làm vòng hoa viếng tang hoặc bán cho bà con ở địa phương (lấy tiền nhập quỹ), và có thể trồng rau để thu hoạch thêm... Toàn bộ số tiền thu được chi bồi dưỡng cho các thành viên đội nhạc tang và những người đào huyệt (theo chế độ quy định của địa phương), và mua sắm các nghi trượng đưa tang, mua trang phục cho những người phục vụ tang lễ.

Những địa phương chưa tổ chức được đội nhạc tang, tang chủ phải mời các thợ kèn trống tư nhân đến giúp đỡ. Theo chúng tôi, ngành văn hóa địa phương cấp huyện, quận nên tổ chức cho các tốp thợ kèn trống tư nhân đăng ký hành nghề phục vụ các đám tang theo Quy ước nếp sống văn hóa của cơ sở.

Mấy năm gần đây, nhiều nơi tang chủ không dùng đội nhạc tang, mà thay bằng băng (đĩa) nhạc hiếu đã được thu sẵn, rồi sử dụng radio - cassette cũng rất tiện lợi cho cả lúc phúng viếng và lúc đưa tang. Để tránh tình trạng tư nhân bắt chẹt các gia đình tang chủ trong việc thuê mướn máy móc và băng nhạc, các địa phương nên thành lập các tổ dịch vụ loại này trực thuộc các Công ty nghĩa trang hoặc Công ty dịch vụ mai táng thì thuận lợi cho nhân dân hơn.

Tại các nhà tang lễ ở thành phố, ở các bệnh viện, đều cử nhạc khi phúng viếng bằng băng hoặc đĩa nhạc đã thu sẵn, cũng rất trang trọng, thuận tiện,

và được dư luận xã hội hoan nghênh.

Nhạc tang được cử hành từ sau lễ phát tang và báo tang, chủ yếu là thời gian viếng tang và lúc đưa tang.

Phường kèn thường có những bài riêng để thổi thay lời con khóc cha mẹ, vợ khóc chồng, cháu khóc ông bà, anh chị em khóc nhau. Thời xưa những họ tộc lớn, anh chị em đông, mỗi người thuê thổi một bài kèn rồi thưởng tiền, gọi là *"kèn giải"*.

Theo tinh thần cổ tục, nhạc tang cốt ở sự nghiêm trang, nói lên tình cảm con người, vì vậy, nhạc tang cần phải êm ái nhỏ nhẹ, không nên ồn ào vang dậy, vừa làm phiền phức phố xá láng giềng, vừa mất vẻ trang nghiêm.

Toan Ánh có nhận định về việc này như sau:

"Vả chăng nhạc cũng rất cần cho lễ nghi, chính nhạc điều khiển lễ nghi một phần nào.

Bởi vậy, trong mọi đám tang ông già bà cả đều có mượn phường kèn trống.

Kèn trống nổi lên trong lúc tế lễ cùng với phường bát âm nổi điệu nam thương hoặc nam ai, đem sự bi thảm cho đám tang và điều hoà mọi động tác của tang chủ cũng như người chấp sự.

Mỗi khi người tới phúng viếng, con cháu khóc lên là có điệu kèn trống nối theo, như muốn cho hương hồn người chết biết có bạn bè thân thuộc tới viếng lễ.

Và nhờ có kèn trống báo hiệu, nên tang chủ hoặc con cháu khác của người chết nếu đang mắc bận thì biết có khách viếng để ra đáp lễ.

Thường phường kèn trống ngồi ở một nơi gần áo quan để mỗi khi có khách tới viếng là thấy ngay".

Trường hợp phải chờ con cháu ở xa về hoặc lúc đêm khuya thanh vắng, chỉ nên cử nhạc tang khi nào thật cần thiết. Sau 23 giờ và trước 5 giờ sáng thì không nên cử nhạc tang, để tránh ồn ào làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của cư dân quanh vùng.

Theo tập quán xưa, ở một vài địa phương, do con cái phải túc trực bên linh cữu liên tục rất mỏi mệt, và lại phải thức cả lúc đêm khuya nên dễ buồn ngủ, vì vậy, những người thợ kèn trống thỉnh thoảng phải làm trò, hoặc ca, hoặc đánh trống dồn... để cho mọi người khỏi buồn ngủ, thậm chí còn làm gây cười. Theo chúng tôi, việc làm vừa nói ở trên chúng ta nên tránh, vì làm giảm sự nghiêm túc của đám tang - trong khi mọi người đang đau buồn. Cho nên, các đội nhạc tang hoặc các tốp kèn trống ở địa phương cũng như tư nhân, không được bày ra ca, khóc, thương, làm trò... để mua vui cho người xem.

Quan sát ở các địa phương suốt từ Bắc chí Nam, chúng ta thấy không có đám tang nào của các ông già bà cả mà không có nhạc tang, điều đó chứng tỏ nó là nhu cầu không thể thiếu ở mọi đám tang (ngoại trừ một số ít gia đình chủ trương gìn giữ sự im lặng tuyệt đối trong thời kỳ tang chế hay đã có lời căn dặn trước của người quá cố).

Các ban nhạc lễ ở miền Nam phần nào đã có cải cách, dùng kèn và đờn cò tấu những bản tân nhạc thời nay có nội dung ý nghĩa buồn, kể công ơn của đấng sinh thành, như bản *Lòng mẹ* của nhạc sĩ Y Vân, *Ơn nghĩa sinh thành* của Dương Thiệu Tước. Tuy nhiên, không nên cử những bài hùng tráng, bay bướm,

Ngoài ban nhạc lễ sử dụng những nhạc cụ cổ truyền, người ta còn có xu hướng mời những ban kèn đồng của tân nhạc tới trình diễn phụ, lúc sắp chuyển cữu, khi động quan hay lúc đưa tiễn linh cữu. Những ban nhạc kèn đồng này thường ồn ào, sôi nổi, nên một số người thường không đồng tình, chê trách, nhưng một số người khác thì lại quan niệm "đây là lúc mừng vong hồn người chết siêu thoát, hay là mừng người quá cố lánh thoát được cõi trần ai đau khổ".

Những ban nhạc này thường không phải do tang gia thuê mướn rước về, mà do thân bằng quyến thuộc ai đó mời đến phục vụ cho đám tang - gọi là *cúng nhạc*. Vì vậy, nhiều gia tộc lớn, có thanh danh và tiền của giàu sang, nhất là người chết của những gia đình này lại *"thượng thượng thọ"*, có nhiều ban nhạc kèn đồng khác nhau đến thay phiên trình diễn và phải sắp

xếp một chương trình sẵn từ trước để cho có trật tự. Một số người thường quan niệm rằng "một đám tang có nhiều ban nhạc kèn đồng cúng nhạc là một đám tang trọng thể".

Điều cần lưu ý: Không phải đám tang nào cũng có kèn trống. Theo tập quán của dân tộc ta cũng như nhiều dân tộc khác trên thế giới là: Cái chết nào hợp quy luật (như chết già, chết đúng lúc...) thì có kèn trống. Ngược lại, cái chết nào không hợp quy luật (như chết trẻ, chết do tai nạn, chết bất đắc kỳ tử, con chết trước cha mẹ...) thì không dùng kèn trống. Cũng từ quan niệm chết già, chết hợp quy luật là điều mừng, nên con cháu mới tổ chức cỗ bàn, ăn uống, vì thế nhân dân ta đã có câu "trẻ ma, già hội".

2. Tang phục

Tang phục biểu hiện trình độ văn hoá - văn minh của các dân tộc trên thế giới về việc tang. Ở châu Âu, những người chịu tang thường dùng tang phục màu đen. Ở ta thì tang phục màu trắng đã trở thành phong tục.

Qua nghiên cứu các tư liệu cổ về dân tộc học, kết hợp với khảo sát thực tế ở các địa phương, chúng tôi thấy rằng: Khi có tang, con trai, con gái, con dâu nên mặc tang phục màu trắng (để phân biệt với khách đến viếng tang). Áo tang cần sạch sẽ, chỉnh tề là biểu hiện của văn hoá, văn minh. Quan niệm của *Thọ Mai gia lễ* là: áo tang phải bằng sô gai, sổ gấu, rách không được vá, ngắn không được nối thêm, khi chưa hết tang thì không được giặt... đã lỗi thời, không còn phù hợp với tình hình hiện nay.

Theo nghi thức việc tang trước đây, mà gần như đã thành truyền thống thì: con trai, con gái, con dâu dùng khăn trắng, thắt bỏ múi ra đàng sau (để phân biệt với hàng cháu chắt). Con rể và các cháu trong họ cũng dùng khăn trắng, nhưng không thắt kiểu bỏ múi như trên, mà gấp vào. Dân ta cũng có tập quán dùng khăn vàng, khăn đỏ, khăn xanh - tùy theo người để tang là chắt, chút, chít...

Với cách thức tang phục như vậy, khi gặp đám tang qua đường, không cần phải hỏi, ta chỉ nhìn tang phục là có thể biết được người quá cố này có mấy con trai, con gái, con dâu, cháu, chắt...

Để thuận lợi cho nhân dân về tang phục khi gia đình có tang, ngành văn hoá địa phương nên tham mưu cho chính quyền cơ sở tổ chức các dịch vụ may sẵn áo tang các cỡ và khăn tang các loại để cho thuê, vừa tiết kiệm, vừa trang trọng.

Khách đưa tang có thể cài miếng vải đen ở nẹp áo, mép túi hoặc trên tay áo bên trái là tùy theo từng người. (Việc cài miếng vải đen lên áo là tùy lòng của khách viếng tang và nên để họ tự nguyện chuẩn bị. Cần bỏ cách làm ở một số nơi là: cắt vải đen hoặc giấy đen để sẵn, rồi bất cứ khách viếng tang nào đến cũng có người cài vào áo khách - không tế nhị).

Nhân dân ta có tập quán lâu đời về tang phục là con gái, con dâu thì đội mũ mấn (vuông vải khâu theo hình phễu để úp lên đầu). Loại mũ này rất tiện lợi, vì chụp vào đầu ai cũng vừa, bất kể là người cao hay thấp, tóc dài hay tóc ngắn, đầu to hay nhỏ... Từ lúc lễ phát tang trở đi, con gái, con dâu lúc nào cũng phải cất tiếng khóc. Khi khóc thì nước mắt, nước mũi chảy ra, chiếc mũ mấn vừa là khăn lau nước mắt (chỉ cần dùng tay áp mũ mấn vào mắt, vừa tiện lợi, vừa biểu hiện sự vội vàng, bối rối trong lúc đau buồn).

Con trai thì đội mũ rơm, chống gậy. Tập quán này bắt nguồn từ tích xưa: Thời đó, có một anh chàng khi bố chết, vì thương cảm quá mà anh cứ đập đầu vào tường như có ý định chết theo. Hàng xóm láng giềng can ngăn, giữ anh ta lại, nhưng khi đưa đám thì không thể nào giữ được nữa, người ta liền nghĩ ra là dùng rơm hoặc lá chuối khô bện lại thành một cái vòng (như cái nùn rơm), đặt lên đầu, dùng hai dây hai bên buộc vòng xuống cằm, để cho vòng rơm không rơi được - đề phòng khi đưa tang anh ta vật vã, đập đầu vào xe tang, cũng không ảnh hưởng đến tính mạng. Từ đó, việc đội mũ rơm mang ý nghĩa rất thương cảm và sẵn sàng chết theo bố (mẹ). Chỉ có con trai mới đội mũ rơm, bởi vì khi đưa tang, con trai đi sát liền xe tang, lúc quá thương cảm dễ đập đầu vào xe tang, nếu không có mũ rơm thì dễ bị vập đầu.

Việc chống gậy cũng do quan niệm của người xưa là: khi bố (mẹ) qua đời, con cái phải túc trực bên linh cữu liên tục, đêm đến phải gối đất nằm rơm, không được ăn uống, đi đứng không vững, phải chống thêm cái gậy lúc điếu khách và đưa đám.

Từ việc chống gậy, người ta phân biệt thêm để biết người nằm trong quan tài là cha hay mẹ. Từ đó đặt thêm tục lệ "cha gậy tre, mẹ gậy vông". Gậy tre tròn (tượng trưng cho trời), tre rắn chắc là trụ cột, tre có nhiều đốt, mắt tre mọc ra phía ngoài - tượng trưng cho đối ngoại (chỉ chức năng người cha). Còn cây vông (cây ngô đồng), gọt vuông chỗ tay cầm (tượng trưng cho đất), vông có thân gỗ mềm, lá vông tượng trưng cho phái yếu, mắt cây vông mọc lẩn vào phía trong ruột - biểu hiện cho nội trợ (chỉ chức năng của người mẹ).

Lại phải nói thêm rằng: Tay cầm của gậy tre tròn, tay cầm của gậy vông phải đẽo vuông (cũng là biểu hiện của âm - dương). Nhưng gậy cao bao nhiêu là vừa? Các cụ ta xưa thường đo gậy từ mặt đất kéo thẳng đứng lên theo thân người, đúng chỗ trái tim - là chỗ đau đớn nhất - thì chặt ngang. Như vậy là người cao thì gậy dài, người thấp thì gậy ngắn, cho nên khi chống gậy, người phải cúi lom khom - mới là biểu hiện của người đau buồn.

Như vậy, việc đội mũ mấn (của nữ), mũ rơm (của nam) chỉ là biểu hiện của tang phục, và cũng là để phân biệt người chịu tang với những người đưa tang - là biểu hiện của một thể chế văn hoá lâu đời trong việc tang của nhân dân ta. Những nơi có tập quán này xét ra không có hại gì trong phong tục, tưởng cũng không nên bắt buộc phải bỏ hoặc cấm đoán.

Riêng việc chống gậy, với tư thế lom khom, khúm núm trông rất khổ ải, thiếu tư thế của con người, cần vận động nhân dân bỏ dần.

Hiện nay ở nhiều địa phương, các đám tang của các thành viên Hội cựu chiến binh, có các tiêu binh mặc lễ phục trắng, bồng súng đứng nghiêm trang trong lúc phúng viếng cũng như lúc đưa tang. Đây là vấn đề rất mới, rất hay, vì nó nâng giá trị của anh bộ đội cụ Hồ. Ngành văn hoá - thông tin cùng Hội Cựu chiến binh nên nghiên cứu hoàn thiện nghi thức này để hướng dẫn thống nhất cho cơ sở.

Nhân khi nói về tang phục, chúng tôi cũng muốn giới thiệu phép để tang theo sách *Thọ Mai gia lễ* (NXB Hưng Long) để mọi người nghiên cứu và tham khảo, ngõ hầu có thể chắt lọc những điều hay, áp dụng trong đời sống đương đại.

"Tang phục có 5 hạng theo đó mà để tang" như sau:

1- Quần áo *sổ gấu* là để tang cha mẹ, *áo sô, khăn sô* ba năm. Vợ để tang chồng cũng thế, nhưng cha mẹ chồng còn sống thì không được sổ gấu mà vẫn để 3 năm.

Lại như con để tang mẹ mà cha còn sống, thì cũng không được sổ gấu.

2- *Cơ phục* là để tang một năm.

3- *Cửu công* là để tang chín tháng.

4- *Tiểu công* là để tang năm tháng.

5- *Ty ma* là để tang ba tháng.

Tang cao, tằng, tổ:

1- Để tang cao tổ phụ mẫu: là ông hay bà sinh ra ông cụ mình, thì để tang 3 tháng, áo vén gấu.

2- Để tang tằng tổ phụ mẫu: là ông bà sinh ra ông mình, áo vén gấu để 5 tháng.

Nếu cha hay ông mình chết rồi, thì mình là người thừa trọng phải áo sổ gấu để 3 năm.

3- Tang tằng tổ bá thúc phụ mẫu: là ông bà cụ họ anh em ruột với ông cụ ấy, để tang 3 tháng.

4- Tang tằng tổ cô: là bà cụ họ chị em ruột với ông ấy thì 3 tháng, đã đi lấy chồng thì thôi.

5- Tổ phụ mẫu: là ông bà sinh ra cha mình, thì áo vén gấu tang 1 năm, không có gậy, nếu cha đã mất trước, mà mình là đích tôn thừa trọng, phải áo sổ gấu, mũ gậy trong 3 năm (thay cho bố).

6- Tổ bá thúc phụ mẫu: là ông bác, bà bác, ông chú, bà thím, bà cô đã xuất giá thì chỉ để tang 3 tháng.

7- Bá thúc phụ mẫu họ, cùng cô họ: là ông họ anh em con chú, con bác với ông ấy đều để 3 tháng, tộc tổ cô đã xuất giá thì thôi.

Tang phục cha mẹ

1- Tang cha sinh ra mình, thì khăn áo sô sổ gấu để 3 năm, gậy dùng tre.

Mẹ sinh ra mình thì vén gấu 3 năm, gậy dùng bằng gỗ vông.

Như cha đã mất trước rồi, thì tang mẹ cũng được mặc áo sổ gấu.

2- Đồng cư kế phụ: là cha ghẻ, nhưng mình ở chung thì tang 1 năm. Nếu trước có ở cùng, sau không ở nữa thì tang 3 tháng. Nếu không ở nghĩa là bất đồng cư kế phụ thì không tang.

3- Tòng kế mẫu giá phụ: là cha mất đi mà kế mẫu lại đi lấy chồng khác, mình có theo kế mẫu ở cùng cha ấy, thì tang cha ấy 1 năm, nếu chẳng ở cùng thì không tang.

4- Đích mẫu, kế mẫu, dưỡng mẫu: thì áo vén gấu, hay sổ gấu 3 năm, nếu kế mẫu phải chia rẽ thì không tang.

5- Từ mẫu: là mẹ sinh ra đã mất, mình còn tấm bé, cha lại khiến vợ hay vợ hầu khác nuôi làm con - ấy gọi là từ mẫu, thì tang áo vén gấu só gai sổ gấu 3 năm. Bằng cha cha chẳng khiến nuôi, có ở cùng thì phục 5 tháng.

6- Giá mẫu; xuất mẫu: là mẹ sinh ra hoặc cha chết mà đi lấy chồng khác, cũng phải chia rẽ. hai mẹ ấy cùng thứ mẫu thì đều tang 1 năm.

7- Vợ lẽ cha cùng nàng hầu cha, thì tang 3 tháng.

8- Nhũ mẫu: là vú cho bú mớm thì 3 tháng.

9- Con thứ, tang cha mẹ đẻ ra mình là con thứ, mẹ sinh ra mình lại là vợ lẽ cha, thì áo vén gấu, tang 3 năm.

10- Bá thúc phụ mẫu cùng cô: là tang bác trai, bác gái với chú thím, cùng cô là anh chị em ruột với cha thì đều 1 năm. Cô đã lấy chồng thì 9 tháng.

11- Đường bá thúc phụ mẫu cùng đường cô: là bác trai, bác gái, chú thím họ, cùng cô họ, đó là anh em, chị em con chú, con bác, thì đều 5 tháng, nếu cô đã lấy chồng thì 3 tháng.

12- Tộc bá thúc phụ mẫu cùng tộc cô: là chú thím bác trai, bác gái, cô họ, đó là anh chị em cháu chú, cháu bác với cha, thì đều 3 tháng, cô đi lấy chồng thì thôi.

Tang phục bằng (bầy) vai.

1- Vợ thì tang 1 năm có gậy, nếu cha mẹ còn sống thì không gậy.

2- Vợ lẽ hay nàng hầu hoặc có con hay không có con cũng để 3 tháng.

3- Anh em, chị em ruột thì đều 1 năm. Chị dâu, em dâu: 9 tháng; chị em đi lấy chồng mà chồng chết hay ruồng rẫy trở về, con lại không có, tang 1 năm.

4- Anh em, chị em con chú, con bác ruột thì 9 tháng, vợ anh em ấy thì 5 tháng, chị em ấy đã đi lấy chồng thì 5 tháng.

5- Anh chị em họ 4 đời thì 5 tháng, chị dâu, em dâu ấy có 3 tháng, chị em đã đi lấy chồng thì 3 tháng.

6- Anh chị em họ 5 đời thì 3 tháng, vợ anh em ấy cùng chị em đã xuất giá thì thôi.

7- Anh em, chị em cùng mẹ khác cha thì 5 tháng, vợ anh em ấy không tang. Đến đời con cũng không tang.

Tang về hàng con

1- Con cả, con thứ đều để tang một năm, không gậy, nàng hầu cả đi làm con nuôi nhà người, thì tang cũng thế.

2- Con gái tang 1 năm, đã xuất giá thì 9 tháng, nếu xuất giá mà bị chồng ruồng rẫy, hay chồng chết, con không có thì tang 1 năm.

3- Con rể tang 3 tháng.

4- Cháu trai họ là con của anh em thì 1 năm, vợ cháu trai ấy thì 9 tháng, dù cháu nào có đi làm con nuôi nhà người, thì 9 tháng, vợ nó thì 5 tháng, cháu gái cũng 1 năm, đã xuất giá thì 9 tháng.

5- Cháu trai, gái nhà chú bác thì đều 5 tháng, vợ nó thì 3 tháng, cháu gái đã xuất giá thì 3 tháng.

6- Chắt trai, gái ông chú, bác 3 tháng, vợ chắt ấy cùng chắt ấy đã xuất giá thì đều thôi.

Tang về hàng cháu

1- Cháu trai đích tôn thì 1 năm, vợ cháu trai ấy thì 5 tháng.

2- Các cháu trai, gái thứ đều 9 tháng, vợ các cháu thứ thì 3 tháng, cháu gái đã xuất giá thì 5 tháng.

3- Cháu trai, gái nhà anh em 5 tháng, vợ nó cùng người cháu gái đã xuất giá thì 3 tháng.

4- Cháu trai, gái nhà anh em chú bác 3 tháng, vợ nó cùng đứa cháu gái đã xuất giá thì không tang.

Tang cháu tằng

Đứa chắt vốn cháu trai mình sinh ra 3 tháng; vợ cùng đứa chắt gái đã xuất giá đều không tang.

Tang cháu huyền

Là đứa chút tứ đại mà chắt sinh ra thì chỉ có 3 tháng, vợ nó cùng đứa chút gái đã xuất giá thì không tang.

Tang người tòng thuộc

Tông nhân thì trong ngũ phục không có, nhưng cha nhà tông tử còn thì để 3 tháng, vợ thì đã hết tang, hai tông tử thì trông giữ từ đường, thừa tự tổ tiên, vậy tang phục mẹ cùng vợ người tông nhân ấy đều 3 tháng, để trọng tông thống.

Tám mẹ:

1- Đích mẫu: Vợ cả bố, các con vợ lẽ gọi là đích mẫu.

2- Kế mẫu: Là khi còn nhỏ mẹ chết, cha lấy vợ khác, nuôi nấng mình thì gọi là kế mẫu.

3- Từ mẫu: Là mẹ chết còn tấm bé, cha sai người vợ lẽ nuôi mình bú mớm.

4- Dưỡng mẫu: Là cha mẹ nghèo cho mình để người khác nuôi nấng.

5- Xuất mẫu: Là mẹ đẻ mình, cha ruồng bỏ.

6- Giá mẫu: Là mẹ đẻ mình, khi cha chết mẹ đi lấy chồng khác.

7- Thứ mẫu: Là mẹ sinh ra mình nhưng là vợ lẽ cha.

8- Nhũ mẫu: Là mẹ vú cho mình bú mớm từ khi còn tấm bé.

Tang các con chồng

1- Đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu, tang các con chồng và dâu cả thì đều 1 năm, dâu thứ 9 tháng. Kế mẫu lại đi lấy chồng mà con chồng ở theo thì tang

con ấy 1 năm. Người con ấy báo tang lại kế mẫu ấy cũng 1 năm, con ấy tang anh chị em của kế mẫu 5 tháng.

2- Giá mẫu, xuất mẫu, tang các con chồng và dâu cả thì đều 1 năm, dâu thứ 9 tháng, mà con gái ấy cũng báo tang chồng mình chín tháng. Con cha sau là chồng của giá mẫu, xuất mẫu ấy đều không tang.

Thứ mẫu tang con mình cùng con chồng đều 1 năm.

Tang họ ngoại (họ nhà mẹ)

1- Tang ông bà sinh ra mẹ cùng anh chị em ruột với mẹ - tục gọi là cậu hay bà dì, già thì đều 5 tháng. Vợ cậu, chồng dì thì không tang, nếu có cùng ở một nhà thì vợ cậu, chồng dì mình để tang 3 tháng.

Trong dân gian có câu:

"Chồng cô, vợ cậu, chồng dì

Trong ba người ấy chết thì không tang".

2- Ông bà sinh ra đích mẫu, cùng anh em, chị em ruột với đích mẫu thì 5 tháng.

3- Anh em, chị em con cô, con cậu ruột, cùng đôi con dì ruột tang 3 tháng.

4- Cậu tang cháu gái con nhà chị em ruột đều tang 5 tháng, không cứ đã đi lấy chồng, mà tang vợ cháu trai thì có 3 tháng.

5- Con của con gái mình và vợ cháu mình đều 3 tháng không cứ đã đi lấy chồng.

Vợ để tang họ nhà chồng

1- Cụ kỵ ông, cụ kỵ bà đều 3 tháng, còn như chú bác cùng cô của kỵ đều không tang.

2- Ông bà chồng tang 9 tháng.

3- Anh, em, chị, em ruột với ông chồng tang 3 tháng; bà cô ấy xuất giá thì thôi.

4- Ông bà sinh ra mẹ chồng tang 3 tháng.

5- Cha mẹ sinh ra chồng áo quần sổ gấu 3 năm, dù chồng có đi làm con

nuôi nhà người, thì tang theo như chồng.

6- Bác trai, bác gái, chú thím cùng anh em ruột với cha chồng thì 9 tháng, cô là chị em ruột với cha chồng tang 5 tháng.

7- Ông bác, bà bác, ông chú, bà thím họ, cùng bà cô họ tang 3 tháng. Cô ấy đã xuất giá thì thôi.

8- Vợ chở tang chồng cũng quần áo sổ gấu, tang 3 năm.

9- Anh em, chị em ruột với chồng cùng vợ của anh em đều 5 tháng.

10- Vợ chồng cùng chị em của con nhà chú bác tang 3 tháng. Nếu chị em đã xuất giá không tang.

11- Thứ mẫu để tang vợ lẽ cha chồng, cùng nàng hầu của cha chồng đều 1 năm.

12- Con đẻ cùng các con chồng, con dâu cả của chồng đều 1 năm: Các dâu thứ, cùng con gái đã xuất giá: đều 9 tháng. Nếu người con gái ấy bị chồng bỏ, hay chồng chết, con lại chưa cõ tang 1 năm.

13- Anh em trai, gái nhà anh em ruột của chồng đều tang 1 năm. Vợ nó hay cháu gái đã xuất giá tang 9 tháng.

14- Cháu chú, cháu bác tang 5 tháng, vợ nó cùng con gái đã đi lấy chồng: tang 3 tháng.

15- Cháu gái, cháu gái con nhà chú, bác tang 3 tháng. Vợ nó cùng con gái ấy đã xuất giá thì thôi.

16- Cháu trai, cháu gái tang 9 tháng. Cháu gái đã xuất giá tang 5 tháng.

17- Chắt, chút gái trai tang 3 tháng, vợ nó cùng chút gái đã xuất giá không tang.

18- Cậu chồng cùng dì chồng tang 3 tháng.

(Trở lên là tang họ nhà chồng, nếu ai bị chồng bỏ thì ơn nghĩa ấy cắt đứt, không phải để tang).

Chồng để tang nhà vợ

Chồng để tang cha mẹ vợ 1 năm, còn đều không phải để tang ai hết. Vợ chết lấy vợ khác cũng vậy.

Nàng hầu để tang bên chồng

1- Cha mẹ sinh ra chồng tang 1 năm.

2- Chồng Quần áo sổ gấu 3 năm, vợ cả chồng tang 1 năm.

3- Tang các con chồng cùng con mình 1 năm; con cái họ hàng bằng thân không tang.

Gái xuất giá tang họ mình

1- Cụ ky, ông bà để tang theo như anh em trai thế nào mình cũng thế.

2- Anh em, chị em ruột với ông tang 3 tháng; bà cô đã đi lấy chồng thì không tang.

3- Cha mẹ sinh ra mình, áo vén gấu, tang 1 năm.

4- Bác trai, bác gái, chú thím cùng cô ruột với cha tang 9 tháng.

5- Anh em con chú, con bác với cha đều 3 tháng. Cô ấy đã xuất giá thì thôi.

6- Anh, chị em ruột đều 9 tháng; chị dâu 5 tháng, duy trưởng nam 1 năm (cha đã chết rồi).

7- Anh em, chị em con chú, con bác tang 5 tháng; Vợ không tang; chị em đã đi xuất giá tang 3 tháng.

8- Con nhà anh em gọi là cô ruột tang 9 tháng.

9- Cháu chú, cháu bác tang 3 tháng. Vợ nó cùng con gái đã xuất giá không tang.

10- Con nhà chị, em gái nó gọi là dì tang 3 tháng.

Con gái đã xuất giá

Các tang có giáng song đều bị chồng bỏ, chồng chết lại không có con, trở về nhà, cũng như chưa lấy chồng tang không giáng.

Đang để tang cha mẹ chưa được 1 năm mà chồng bỏ thì phải để tang cha mẹ 3 năm, hoặc để tang cha mẹ được 1 năm đã trừ phục đoạn, thì chẳng được để lại 3 năm, dù phía chồng bỏ trước, sau mới để tang cha mẹ. Chưa đủ 1 năm mà chồng mới gọi về thì chẳng nên vội, nên để trọn 3 năm xong mới trở về.

Trường phục

Có 3 loại:

1- Trưởng trường: Từ 16 đến 19 tuổi.

2- Trung trường: Từ 12 đến 15 tuổi.

3- Hạ trường: Từ 8 đến 10 tuổi (đều lấy thứ tự giáng một bậc). Ví dụ: Trai đã lấy vợ, gái đã lấy chồng, dẫu còn trẻ cũng không thể gọi là trường được, như vốn mình phải tang 1 năm, trưởng trường giáng xuống 9 tháng, trung trường giáng xuống 7 tháng, hạ trường giáng xuống 5 tháng.

Như vốn giáng 9 tháng, trưởng trường giáng 7 tháng, trung trường giáng 5 tháng, hạ trường giáng 3 tháng. Các trường hợp khác đều như thế mà suy.

Tang bên cha mẹ nuôi

1- Kỵ bên cha mẹ nuôi: 3 tháng; cụ bên cha mẹ nuôi: 5 tháng; ông bà bên cha mẹ nuôi: 1 năm.

2- Cha mẹ nuôi có áo bằng gấu hoặc sổ gấu 3 năm, có cả gậy.

3- Từ ông bà trở lên, nếu mình thừa trọng cũng sổ gấu 3 năm.

4- Ông bà sinh ra mẹ nuôi: tang 5 tháng, còn thì đều không tang.

Tang họ nhà mình

(Đã làm con nuôi người để tang bên họ nhà mình)

1- Ông bà sinh ra cha: tang 9 tháng.

2- Cha mẹ sinh ra mình: tang 1 năm, có gậy.

3- Bác trai, bác gái, chú thím và cô là anh em ruột với cha: đều 9 tháng, cô đã xuất giá: tang 5 tháng.

4- Anh em, chị em ruột: tang 9 tháng; chị dâu, em dâu: tang 5 tháng; chị em đã xuất giá: tang 5 tháng.

5- Ông bà sinh ra mẹ: tang 5 tháng.

Trọng tang gặp trọng tang

Đang có tang cha chưa xong, không may lại bị đến mẹ thì ngay lúc trừ tang cha, mặc đồ trừ tang làm lễ đại trường; làm xong thì mặc đồ để tang mẹ.

Nếu mẹ chết mà chưa chồng, lại bị vào nhị trường cha, thì không được mặc đồ trường phục; đang có tang mẹ mà bị tang cha cũng thế, mặc đồ phục mà sau lại gặp tang, tức là tang trước có trọng (tường là cát lễ, lễ chưa chôn là hung, tuần tốt khốc mới gọi là cát, có quàn đó cũng không được mặc đồ trường phục, chớ nên đang lúc hung mà làm cát lễ).

Trường tang gặp khinh tang

Đang có tang cha mẹ mà gặp phải tang anh em, dẫu 3 tháng là *khinh tang;* cũng nên đến mà khóc; đến lúc thành phục, thì mặc áo tang mà khóc, xong rồi lại mặc đồ tang cha mẹ, nếu trừ trọng tang mà khinh tang chưa trừ thì lại phải mặc đồ khinh tang cho hết ngày tang kia.

Người đi xa xứ khác, biết tin thì khóc ngay ở đó. Đến hôm sau vào buổi sớm, mặc ngay đồ tang người mới chết, chưa thành phục thì ngay sau lập bàn thờ nhà khác mà khóc, khóc xong lại phải mặc đồ trọng tang.

Tang vợ gặp tang anh, em

Đang có tang vợ mà gặp phải tang anh em, dẫu 3 tháng là nhẹ, cũng nên đi thăm, còn các việc khác cứ đó mà suy.

Tang phục ngày thường:

Tang phục theo cổ lễ nói trên chỉ áp dụng cho ngày đưa đám và các ngày lễ trước khi mãn tang. Còn trong ngày thường tục lệ Việt Nam áp dụng cách để tang giản tiện hơn, nhất là từ ngày chịu ảnh hưởng của văn minh Âu Tây.

Đối với đại tang, ngày thường nữ chít khăn trắng, bỏ múi sau lưng; áo dài không dùng màu sắc sặc sỡ và may trái sống; đối với các tang khác chỉ chít khăn trắng quấn lại.

Nguyên tắc áp dụng:

Tùy theo liên hệ thân tộc xa gần, trên dưới, mỗi người sẽ để tang thân nhân quá cố theo tang chế ghi trên. Nguyên tắc tổng quát của việc áp dụng tang chế gồm những đặc điểm ghi sau:

- Đối với họ nội: tang các bậc tôn trưởng lên đến đời thứ năm; tang anh em họ đến họ bốn đời; tang con cháu đến đời thứ tư.

- Ở cùng một ngôi thứ trong thân tộc, người chết là nữ đã xuất giá chỉ được những người khác chịu tang thấp hơn một bậc so với người là nam cùng ngôi thứ.

- Nữ đã xuất giá cũng giảm một bậc trong việc để tang đối với thân nhân thuộc của bên mình và được giảm bớt một bậc đối với thân nhân thuộc bên chồng, ngoại trừ các tang trọng thì phải chịu tang như chồng.

- Nam để tang họ ngoại rất nhẹ và trong giới hạn rất hẹp.

- Con trưởng phải để tang tổ 3 đời (ông bà) hoặc bốn đời, năm đời theo bậc đại tang để thay thế cho cha hoặc ông - nếu những người tôn trưởng trung gian này đã chết trước vì người con trưởng ấy là thừa trọng của người vừa quá cố.

- Phải tang những người nào sẽ có bổn phận tang mình nếu mình chết, nhưng kém hơn ít bậc. Quy tắc này gọi là *báo phục*.

IV. PHÚNG VIẾNG, ĐƯA TANG, HẠ HUYỆT, ĐẮP MỘ

1. Phúng viếng

Ban tổ chức lễ tang thống nhất với tang chủ định giờ phúng viếng và làm lễ đưa tang. Có thể dùng bảng hoặc tờ bìa lớn (giấy dày) ghi thông báo với nội dung sau:

- Họ tên người mới qua đời.

- Ngày giờ mất.

- Thọ bao nhiêu tuổi.

- Thời gian phúng viếng từ mấy giờ đến mấy giờ.

- Giờ làm lễ truy điệu.

- Địa điểm chôn cất...

Thông báo này được treo trang trọng, nhưng phải treo ở những nơi thuận tiện dễ nhìn (có thể treo ở phòng khách đợi, phòng viếng tang, ở sân chờ...) để cho mọi người có thể xem dễ dàng, mà không cần phải hỏi tang chủ vừa đảm bảo khoa học, vừa trang nghiêm.

Trường hợp gia đình tang chủ ở sâu trong ngõ phố (có nhiều ngách đi thông nhau) hoặc ở trong khu nhà nhiều tầng, nhiều phòng biệt lập... Ban tổ chức lễ tang nên có các thông báo nhỏ những thông tin cần thiết, mang tính hướng dẫn ở trục đường chính đi vào, tạo điều kiện thuận lợi cho người đến thăm viếng.

Ở thành phố, thị xã, thị trấn, hoặc những nơi có phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, phát thanh, truyền thanh... Ban tổ chức lễ tang có thể phối hợp với gia đình tang chủ cùng đoàn thể và Hội người cao tuổi gửi thông báo qua các cơ quan thông tin đại chúng - vì đây là phương tiện thông báo tới đông đảo quần chúng nhanh nhất.

Nếu người qua đời là cán bộ quản lý ngành, cơ quan, xí nghiệp cấp tỉnh, thành phố... thì cơ quan chủ quản, ban tổ chức lễ tang và gia đình tang chủ nên đưa "tin buồn" trên các báo địa phương. (Phần này có quy định của Ban tổ chức chính quyền cấp tỉnh, thành phố và chế độ chính sách của Sở Lao động, Thương binh và xã hội về việc đăng "tin buồn" hay "cáo phó" trên các báo.

Các đám tang ở thành phố, hoặc ở những gia đình chật chội, ban lễ tang nên chủ động điều tiết nhịp độ phúng viếng cho hợp lý và khoa học (tránh tình trạng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể và họ hàng thân thích đến phúng viếng đông, lại tập trung vào thời điểm nhất định, khách viếng phải chờ lâu, lại không có chỗ ngồi, ảnh hưởng đến sự trang nghiêm khi viếng tang).

Trong khi khách chờ đợi viếng tang, ban lễ tang và gia đình tang chủ nên bố trí phòng đợi có bàn ghế để tiếp khách viếng - nên có nước trà, trầu cau tiếp khách - tùy thuộc vào điều kiện của gia đình tang chủ và tùy tập quán của địa phương. (Nhiều địa phương có quy ước nếp sống văn hoá là trong các đám tang không dùng thuốc lá và không ăn cỗ bàn là rất tiến bộ, nên vận động toàn dân thực hiện tốt điều này).

Trường hợp nhà tang chủ quá chật chội, không thể có phòng đợi, thì ban tổ chức lễ tang và gia đình tang chủ dựng tạm mái che, hoặc làm rạp che bạt để cho khách chờ viếng tang ngồi.

Ban tổ chức lễ tang và gia đình tang chủ cần cử người hướng dẫn để xe

và trông giữ xe đạp, xe máy và xe ô tô của khách đến viếng tang, để tránh sự lộn xộn, thất lạc hoặc mất mát tài sản của khách viếng tang.

Đúng giờ viếng tang, Ban tổ chức lễ tang mời thân nhân của gia đình tang chủ vào viếng trước. Tiếp theo là đoàn đại biểu của cơ quan chủ quản của người quá cố. Các đoàn khách khác và bà con thân tộc, bè bạn... đến viếng tang cần đăng ký với ban tổ chức, để ban tổ chức sắp xếp và điều hành theo thứ tự. Khách đến viếng nếu có đem theo vòng hoa, khi chưa đến lượt mình, thì vòng hoa được để bên ngoài, không làm ảnh hưởng đến đoàn khách đang viếng. Khi có thông báo đến lượt đoàn mình, thì vòng hoa được trao cho ban tổ chức, mọi người bỏ mũ nón, chỉnh tề vào viếng tang.

Nhân dân ta nhiều nơi vẫn có tập quán phúng viếng bằng nhang, nến, phong bì (tiền), những thứ này được để lên chiếc đĩa đặt ở bàn thờ trước linh cữu.

Lúc này, khách viếng tang có thể thắp nhang (hoặc được ban tổ chức đưa cho thẻ nhang) - nếu đoàn viếng tang đông người, thì chỉ người đại diện của đoàn thắp nhang mà thôi. Sau khi thắp nhang, khách viếng có thể mặc niệm hoặc chắp tay vái người quá cố trước linh cữu.

Xin lưu ý: Khi phúng viếng người quá cố thì khách viếng tang chỉ vái người quá cố hai vái (theo quan niệm của nhân dân ta là mặc dù người đã chết nhưng chưa chôn xuống đất thì chưa thành ma thì cũng như người sống. Trước đây nhiều nơi có tập quán "lễ sống bố mẹ" cũng chỉ vái hai vái mà thôi). Khi khách phúng viếng bố mẹ mình hai vái, thì thân nhân của người quá cố đáp lại một vái, hàm ý là: Xin nhận một vái và xin gửi lại một vái.

Khi phúng viếng xong, khách đi vòng linh cữu để nhìn mặt người quá cố, rồi chia buồn với thân nhân, và đi tiếp ra phòng ghi sổ tang hoặc phòng tiếp khách của tang chủ, để chờ làm lễ truy điệu và đưa tang.

Hầu hết các gia đình tang chủ hiện nay đều bố trí có bàn ghi sổ tang. Khi viếng xong, trưởng đoàn hoặc bạn bè thân thích có thể ghi sổ tang tại bàn. Lời văn ghi trong sổ tang thường rất ngắn gọn, súc tích, thông thiết nghĩa tình.

Từ lúc khâm liệm, phúng viếng, đưa tang, hạ huyệt... tang chủ có thể chụp ảnh, quay băng hình (đặc biệt đối với các đoàn viếng tang và khách viếng tang) để lưu giữ lâu dài.

Lại phải nói thêm rằng: Vị trí đứng của gia đình tang chủ ở phía bên trái linh cữu. Người chủ trì (quan trọng nhất, gần gũi nhất) đứng phía đầu linh cữu, rồi tiếp theo là những người vợ hoặc chồng của người quá cố, thứ đến là con trai, con gái, con dâu, con rể, cháu chắt, họ hàng gần...

Bà con, anh em, bạn bè thân tình - theo truyền thống lâu đời của dân tộc đùm bọc nhau, đỡ đần nhau khi hoạn nạn, lúc tang gia thì tùy khả năng mà có hình thức giúp đỡ thiết thực cho tang chủ (đây là tập quán tốt đẹp cần phát huy) nhưng không được coi là món nợ phải trả về sau. Tuy nhiên, ở thôn quê và ngay cả ở thành thị hiện nay, người ta vẫn phúng viếng phong bì (tiền) để trực tiếp giúp đỡ tang chủ lúc cần thiết. Đây là một việc rất thực tiễn. Mọi món tiền hoặc đồ lễ phúng viếng của ai đều được gia chủ ghi rõ ràng vào trong một quyển sổ, để về sau tang chủ theo đó mà cám ơn, trả ơn, hoặc khi có người nào khác lâm vào cảnh tình tang chế như mình, thì phúng viếng giúp đỡ lại. Đây là một đặc điểm của tương quan giao tế xã hội mà người Việt ta đã ý thức từ lâu trong cuộc sống cộng đồng tập thể.

Nên bỏ lệ phúng viếng bằng thịt và thức ăn chín. Đặc biệt cần bỏ việc bày mâm cúng trước quan tài. (Một số vùng đồng bào dân tộc ít người đã có tập quán này từ lâu đời, chúng ta cần giải thích, vận động để quần chúng hiểu ra và bỏ dần, không nên dùng mệnh lệnh cứng nhắc, tạo nên sự phản ứng không có lợi).

Các cơ quan, đoàn thể, họ tộc... có thể viếng bằng vòng hoa (nếu như thật thân tình). Tránh tình trạng cơ quan, đoàn thể, cá nhân không có quan hệ trực tiếp với người quá cố nhưng vì phải đối ngoại, hoặc vì người quá cố là bố, mẹ của cán bộ cao cấp, hoặc thủ trưởng một đơn vị (dù là nhỏ, nhưng có quan hệ đến "bát cơm manh áo" của mình) mà viếng vòng hoa quá nhiều, gây lãng phí và phô trương không cần thiết.

Dân ta có tập quán phúng viếng bằng đối, trướng. Đây là nét đẹp của xã hội Việt Nam xưa, bởi vì thời xưa báo chí còn quá ít, các đám tang hầu hết

lại chưa có điếu văn để nói về thân thế, sự nghiệp của người chết cho nên, người ta phải dùng câu đối để nói về thân thế và gia cảnh của người qua đời bằng hình thức khái quát nhất. Câu đối, dân ta thường dùng hai mảnh vải vuông (loại vải chiều ngang 40 phân), mỗi mảnh dài khoảng 1,2m, viết chữ vào đấy nhằm ca ngợi nhân cách của người quá cố. Sau 49 ngày hoặc 100 ngày, gia chủ giặt các câu đối đi, lấy vải đó may quần áo cho trẻ nhỏ, thực là tiết kiệm.

Dân ta còn phúng các bức trướng. Trên bức trướng người ta viết những lời cầu mong sự tốt đẹp cho người mới qua đời. Nhưng cần lưu ý là đối hoặc trướng phải phù hợp với trình độ hiểu biết và nhân cách của người quá cố khi còn sống.

Ngày xưa, những bức trướng và câu đối phúng viếng được treo ngay ở chung quanh tường nơi đặt linh cữu để hương hồn người khuất có thể nhận thấy được, và cũng để những khách tới viếng có thể đọc thưởng thức nghệ thuật văn chương với ý hay, lời đẹp.

Xưa, người ta rất trọng văn nho, đối trướng, cho nên mỗi người con trai, con gái đều có câu đối khóc cha mẹ, vợ khóc chồng và cả anh em cũng có thể khóc lẫn nhau.

Trong đám tang ngày nay, câu đối người ta rất ít dùng, nhưng trướng thì quá nhiều. Mặt khác, nội dung chữ viết trên trướng thường là rất chung chung, chẳng nói được điều gì. Và trướng thì đám nào cũng giống đám nào; cũng mẫu vải ấy, nội dung chữ nghĩa ấy, vừa sáo rỗng, vừa đơn điệu, nghèo nàn, nhàm chán như "Tiên cảnh nhàn du", "Thiên thu vĩnh biệt", "Tây phương cực lạc", "Quả phúc viên thành", "Nghĩa trọng tình thâm"... Trớ trêu thay, có đám người chết là một thanh niên, mà trướng lại viết: "Tiên cảnh nhàn du". Thậm chí, có đám tang lại có người phúng bức trướng viết "Phước như Đông Hải - Thọ tựa Nam Sơn" thì thật là cả một sự mỉa mai.

Tuy nhiên, đối với đám tang những người có tuổi, nên có bức trướng của Hội người cao tuổi, với hàng chữ "Thiên thu vĩnh biệt" là đủ. Nhìn chung, nội dung các bức trướng nên ngắn gọn, súc tích, có ý nghĩa sâu sắc. Màu sắc của bức trướng không nên loè loẹt (có thể dùng nền đen, chữ

trắng; hoặc nền trắng, chữ đen, bởi vì màu sắc cũng tạo nên sự tôn kính và thiêng liêng. Nên dùng chữ quốc ngữ, viết chân phương trên bức trướng, hoặc viết theo lối chữ triện - để tạo nên sự cân đối, hài hoà và quen mắt đối với mọi người.

2. Đưa tang

Trước giờ đưa tang, Ban lễ tang thông báo cho khách đã viếng tang và thân nhân về kế hoạch cụ thể và giờ giấc đưa tang.

Đúng giờ quy định, Ban lễ tang mời thân nhân và khách đưa tang tập trung trước linh cữu để làm thủ tục lắp cá và đóng chốt ván thiên của áo quan để chuẩn bị làm lễ truy điệu.

Hiện nay, lễ truy điệu thường được tổ chức tại nơi quàn thi hài (vì nơi đó bà con đến phúng viếng và đưa tang đông đủ nhất, trong số đó có một số người chỉ đưa tang một đoạn thôi). Tuy nhiên, ở các làng quê Việt Nam, nhiều đám tang khi hạ huyệt mới đọc lời điếu vì rằng, mọi người đều đưa tang ra tới huyệt, nên tại nghĩa trang địa phương, bà con họ hàng, bạn hữu, thân thích có mặt đông đủ nhất - lúc đó cũng là giờ phút vĩnh biệt cuối cùng. Đây cũng là hình thức lễ truy điệu, tuy không phải là phổ biến, song cũng hợp lẽ và được chấp nhận.

a. Điếu văn

Thường khi có người nằm xuống, tang chủ bao giờ cũng phải chuẩn bị điếu văn ngay. Điếu văn có thể do Hội người cao tuổi cơ sở chuẩn bị và do tang chủ cung cấp tư liệu. Điếu văn cũng có thể do cơ quan chủ quản người quá cố soạn thảo, rồi được gia đình tang chủ bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện.

Nội dung điếu văn, lời điếu hoặc lời vĩnh biệt phải nói lên được tình cảm thương tiếc, nhớ thương của những người đang sống đối với người quá cố.

Tùy theo công trạng, đức độ và những đóng góp của người quá cố đối với đất nước, đối với dân tộc, quê hương làng xóm, đối với gia đình, họ tộc... mà soạn điếu văn cho sát hợp.

Điếu văn hoặc lời điếu chỉ nêu những nét chủ yếu trong cuộc đời người quá cố, để con cháu tự hào và mọi người lấy đó làm tấm gương trong cuộc

sống hàng ngày (không nêu khuyết điểm, nhược điểm và cũng đừng tâng bốc quá mức hoặc lời văn quá sáo rỗng).

Trình tự điếu văn như sau:

+ *Về người quá cố:*

- Họ, tên, bí danh (nếu có).

- Ngày, tháng, năm sinh.

- Sinh quán.

- Hoàn cảnh gia đình...

- Quá trình trưởng thành và những cống hiến đối với Tổ quốc, với dân tộc, xã hội. (Phần này cần nói rõ quá trình học tập mẫu mực từ thời học sinh; những cống hiến, hy sinh, dũng cảm trong chiến đấu (nếu đã tham gia quân đội; những đóng góp, sáng tạo, kiên trì, nhẫn nại để hoàn thành những công trình và những công việc được cơ quan, xí nghiệp giao cho (nếu là cán bộ, viên chức); hăng say lao động sản xuất ở đồng ruộng hoặc nhà máy, xí nghiệp...; những công việc được giao đã vượt mọi khó khăn, chịu đựng gian khổ, hy sinh quyền lợi cá nhân để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Tình cảm và uy tín của người quá cố trước đây đối với gia đình, họ hàng, bà con xóm phố, đồng đội, bè bạn...

- Trường hợp lâm bệnh và đã hết lòng cứu chữa, nhưng do ... không qua khỏi, nên đã từ trần vào hồi ...... giờ, ngày ... tháng, ... năm ... thọ ... tuổi.

+ *Về những người đang sống:*

- Vô cùng thương tiếc,

- Mất mát lớn lao của những người đang sống,

- Lời hứa của những người đang sống, sẽ tiếp tục những công việc dở dang của người quá cố và trước giờ phút vĩnh biệt...

Lời văn ngắn gọn, khúc triết, văn viết theo lối biền ngẫu, lời lẽ xúc động.

Người thay mặt Ban lễ tang đọc điếu văn, mọi người bỏ mũ nón, chỉnh tề y phục và đứng nghiêm trang lắng nghe.

Dứt lời điếu, mọi người mặc niệm một phút trước giờ vĩnh biệt và nhạc tang tiếp tục cử hành.

Lại phải nói thêm rằng: Nếu người quá cố là cán bộ, viên chức thì thủ trưởng cơ quan đọc điếu văn; nếu là xã viên Hợp tác xã thì chủ nhiệm HTX đọc; nếu là Đảng viên thì Bí thư đảng uỷ đọc. Ở cấp Bộ, nếu là cán bộ cấp vụ, thì thứ trưởng đọc; nếu thứ trưởng hoặc Bí thư đảng uỷ qua đời thì Bộ trưởng đọc điếu văn...

(Không nhất thiết mọi người qua đời đều phải có điếu văn. Nếu người quá cố không có gì đặc biệt thì trước khi chuyển cữu, ban lễ tang chỉ nên nói vài lời vĩnh biệt hoặc nói lời điếu).

Trước khi đưa linh cữu ra xe tang, người điều hành tang lễ mời mọi người đi vòng thi hài để nhìn mặt người quá cố lần cuối, đi theo trình tự sau: Trước tiên là gia đình tang chủ, tiếp theo là họ hàng và thân bằng cố hữu...

b. Đưa linh cữu ra xe tang

Chọn những người khoẻ mạnh trong số con cháu, trừ trưởng nam (con trưởng không trực tiếp khiêng quan tài), đồng sự, đồng nghiệp, đại diện chính quyền địa phương, long trọng viên... dùng tay khiêng linh cữu ra xe tang theo sự điều khiển của một thành viên trong ban lễ tang.

Khi khiêng linh cữu, người điều hành phải phân bố lực lượng cho đều (ai đứng ở vị trí đầu, ai cuối, người cao, người thấp như thế nào cho hợp - nếu ở nhà cao tầng phải di chuyển thi hài xuống cầu thang, thì những người đi trước phải khoẻ mạnh, cao...). Trước khi chuyển linh cữu, mọi người đều dùng tay nhấc bổng linh cữu lên một lần - nhằm kiểm tra xem linh cữu đã thật chắc chắn chưa, rồi lại đặt xuống. Những người khiêng linh cữu đều nhất nhất theo hiệu lệnh của người điều khiển (người điều khiển mà thời xưa gọi là người chấp hiệu). Người điều khiển thường dùng hiệu lệnh để chỉ huy mọi người (thời trước, người chấp hiệu nhất thiết phải chỉ huy bằng mõ hoặc trống khẩu; ngày nay, nếu không có phương tiện ấy thì dùng một thanh tre làm mõ). Mọi người khiêng linh cữu phải trông người chỉ huy và theo những quy định chặt chẽ, cốt làm sao khi di chuyển linh cữu phải giữ được thật thăng bằng, tránh tình trạng không có người chỉ huy, gây ồn ào,

lộn xộn; lúc gặp tình huống khó khăn, những người chuyển linh cữu không biết theo ai, làm giảm sự trang nghiêm.

Thời xưa, người chấp hiệu dùng trống khẩu hoặc hai thanh tre phát ra những tiếng *cắc, cắc* đều đều nghĩa là mọi việc ổn thoả, cứ thế mà đi. Khi có hai tiếng *cắc, cắc* từng nhịp là nâng lên hoặc hạ xuống một chút...

"Một tiếng bỏ đi, hai tiếng rù rì mà lên"

Người chấp hiệu phải chỉ huy làm sao để cho linh cữu đi thật thăng bằng. Trước đây, người ta còn để trên nắp quan tài chén rượu, hoặc bát nước đầy, người chấp hiệu phải chỉ huy làm sao mà khi chuyển linh cữu (kể cả lúc lên xuống cầu thang) rượu và nước cũng không sánh ra ngoài mới đạt yêu cầu.

Nhất Thanh có viết về lúc đưa linh cữu như sau:

"Ta có tục muốn giữ cho thi hài người chết như được nằm yên, cho nên khi di chuyển cần phải êm ả nhẹ nhàng chẳng khác gì để nguyên một chỗ không động đến. Nhà giàu có, thường hay treo giải cho đô tùy (người khiêng thi hài), để một bát nước đầy trên nắp quan tài, khiêng đi, nhấc lên, đặt xuống sao cho không sóng sánh nước ra mới là khéo.

Lại còn có tục lúc đưa đám thì đi thật chậm là như có ý dùng dằng lưu luyến không đành mai táng cho nhanh. Ở nhà quê có đám một cây số đường mà đi mất nửa ngày trời, chẳng bù cho Âu Tây người ta chở xác đi xa chẳng khác gì những kiện hàng không cần êm tay mà cần mau lẹ, trừ lúc táng làm lễ theo nghi thức trọng thể".

Người chỉ huy điều khiển mọi người nhấc quan tài lên lần thứ hai, nhẹ nhàng xoay quan tài để đầu đi trước (ông cha ta có câu "*đầu có xuôi thì đuôi mới lọt*").

Khi ra tới xe tang hoặc đòn khiêng thì nhẹ nhàng đặt linh cữu vào một cách cẩn trọng. Đầu linh cữu chuyển vào xe trước, chân ở phía sau.

c. Thứ tự đưa tang

Thông thường một đám tang, khi đưa tang được xếp theo đội hình như sau:

- Đi đầu là cờ tang chung.

- Phướn, đối, trướng của Hội người cao tuổi hoặc của ban tang lễ (nếu có).

- Bàn để ảnh (chân dung người quá cố), hương hoa (trước đây gọi là long đình hay hương án, ngày nay có thể đơn giản hơn là chỉ có người mang chân dung (có khung) người quá cố).

- Vòng hoa và các bức trướng khác (nếu có).

- Đội nhạc tang (kèn, trống, bát âm...).

- Linh cữu. (Theo cổ lệ là "cha đưa, mẹ đón", nghĩa là: nếu người chết là cha thì con trai chống gậy tre đi theo sau quan tài. Nếu người chết là mẹ thì con trai chống gậy vông đi giật lùi, con gái và con dâu phải gào khóc và lăn mình trên đường trước xe tang làm như cản lại, để tỏ lòng hiếu thảo! Việc đi giật lùi, dân ta đều nói đó là biểu hiện của sự thương cảm, con cái không muốn cha mẹ ra đi - ý muốn cản lại. Thực ra khi nghiên cứu kỹ vấn đề này, nhiều nhà nghiên cứu văn hoá dân gian cho rằng: Người phụ nữ qua đời trước khi khâm liệm người ta đã dùng bông gòn nút hai lỗ tai, hai lỗ mũi và hậu môn để không cho tà khí thoát ra; riêng âm hộ thì không dám nhét cái gì vào, nên tà khí sẽ bốc ra từ đường âm hộ - gây ô nhiễm cho con cháu - vì họ đi liền sau đó). Ngày nay, ở các đám tang thì con trai, con gái đều đi theo sau quan tài.

- Tiếp theo là thân nhân người quá cố (theo trình tự: con trai, con gái, con dâu, con rể, cháu, chắt...).

- Tiếp đến là họ hàng, bà con xóm phố, bè bạn... (khách đưa tang).

Ở nông thôn, nghĩa trang thường không xa khu dân cư sinh sống, nên không cần có phương tiện cơ giới đưa linh cữu đi, chỉ có xe tang kéo tay, hoặc có nơi còn khiêng bằng đòn khiêng thì đội hình đưa tang đi từ nơi cất quan đến mộ huyệt vẫn theo thứ tự như trên.

Mọi người qua đường gặp đám tang, nhường đường cho đám tang đi qua và ngả mũ nón chào vĩnh biệt. Xe cơ giới (kể cả xe máy) khi gặp đám tang thì tắt máy, ép xe sát vào bên đường, nhường cho đám tang đi qua... Tất cả những điều nói ở trên là biểu hiện của văn hoá - văn minh.

Ở thành phố, thị xã, nghĩa trang xa hàng chục cây số, thường phải có xe

tang bằng cơ giới phục vụ, thì đội hình đưa tang cũng như trên. Xe đưa linh cữu và xe chở khách đưa tang thường đi chậm. Sở dĩ xe phải chạy chậm vì tang chủ muốn níu kéo người quá cố ở với con cháu lâu hơn, để tỏ lòng thương tiếc. Quãng đường đám tang đi chậm khoảng 200 mét, nếu địa thế đoạn đường quá hẹp, lại là nơi giao thông qua lại đông đúc, thì chỉ nên đi chậm một đoạn ngắn khoảng 100 mét, rồi dừng lại. Lúc này, người thay mặt ban lễ tang hoặc đại diện gia đình tang chủ nói lời cảm ơn đối với những người đưa tang và mời những ai có điều kiện thì lên xe đi ra nghĩa trang. Lúc này, tùy theo tập quán từng nơi, ban lễ tang hoặc gia đình tang chủ cử người mời trầu, mời thuốc lá đối với những người đưa tang một đoạn ngắn để vừa đáp lễ, vừa từ biệt. Đây cũng là phong tục đẹp được định hình ở nhiều địa phương, cần phát huy. (Nơi nào hoặc gia đình nào không có điều kiện, hoặc không có tập quán này thì không nhất thiết phải làm theo).

Những người có điều kiện đi tiếp ra nghĩa trang thì được ban tang lễ sắp xếp lên các xe đã được bố trí trước để đưa khách viếng ra nghĩa trang. Lúc này xe chạy hanh hơn, nhưng ngay ở những đoạn đường tốt, tốc độ của xe cũng không nên chạy không quá 25km/giờ. Ở những đoạn đường xấu, hoặc đoạn đường có nhiều ổ gà, người lái xe phải chạy chậm và chạy thật cẩn thận, để đảm bảo cho sự an toàn và trang nghiêm của đám tang.

Nhiều đám tang khi chuyển linh cữu từ nhà tang lễ về nơi an nghỉ cuối cùng, thường vòng về qua nhà, rước ảnh lên bàn thờ, thắp hương, làm lễ, sau đó mới đi tiếp ra nghĩa trang. Tuy nhiên, có những đám tang không thể đưa xe tang về qua nhà được vì đường phố quá chật hẹp - nhất là ở các khu nhà cao tầng. Mặt khác, tục đưa linh cữu về qua nhà cũng là mới đặt ra gần đây, không nhất thiết cứ phải làm theo. Trong trường hợp gia đình tang chủ nào thấy cần thiết, thì ban tang lễ và tang chủ phải chuẩn bị trước thật chu đáo, để xe tang đưa qua nhà được thuận lợi, không làm tắc nghẽn giao thông ở khu dân cư.

Bỏ tục "khóc mướn" (thuê người khóc), vì biểu hiện sự giả dối, làm trò cười cho thiên hạ, không phù hợp với đạo đức của người Việt Nam chúng ta.

Hầu hết các đám tang ở nông thôn cũng như thành phố, khi đưa quan tài

đi đường (từ nhà đến nghĩa trang), các gia đình tang chủ thường rắc vàng mã dọc đường - đó là loại vàng thoi bằng giấy có cốt nan. Theo quan niệm của người xưa, thì đây là tiền mãi lộ cho ma cũ, để không bắt nạt ma mới, không gây rắc rối lúc đi đường. Mặt khác, phải rắc vàng để đánh dấu, thì sau này linh hồn người chết mới biết lối mà trở về nhà trong những ngày giỗ, tết, tuần tiết... Việc làm đó thật ra không có cơ sở khoa học.

Tuy nhiên, khi quan sát thực tế thì hầu hết các đám tang ở nước ta (kể cả các đám tang của các cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước) cũng đều rắc vàng mã dọc đường. Chúng tôi nghĩ rằng, trong tâm thức nhiều người hẳn là không tin việc rắc vàng mã dọc đường có ý nghĩa như vậy, nhưng tập quán này đã ăn sâu vào tiềm thức nhân dân ta ở nhiều thời kỳ, ở nhiều thể chế chính trị - xã hội, nên khó mà bỏ được ngay.

Vài năm gần đây, ở một vài đám tang còn có tình trạng là rắc cả tiền giấy dọc đường lúc đưa tang (loại tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành mệnh giá 200, 500, 1000 và thậm chí 2000 đồng). Đây là hiện tượng kỳ lạ, có thể do thiếu hiểu biết về phong tục, không hiểu được triết lý âm - dương, mà dẫn đến vi phạm pháp luật của Nhà nước (huỷ hoại đồng bạc ngân hàng). Những trường hợp này cần phải xử lý bằng pháp luật hiện hành.

Để khắc phục tình trạng nêu trên, ngành văn hoá thông tin cần tuyên truyền sâu rộng và giải thích cặn kẽ để quần chúng hiểu, nhận biết những điều phải, trái, đúng, sai nhằm tự điều chỉnh những công việc về lễ tang khi gia đình mình gặp phải. Mặt khác, các cơ sở, các địa phương nên đưa vào Quy ước nếp sống văn hoá cộng đồng, để dùng dư luận xã hội mà điều chỉnh hành vi cá nhân trong đời sống hàng ngày, chống hủ tục lạc hậu, bài trừ mê tín dị đoan và giữ gìn vệ sinh môi trường.

Trước đây, ở nhiều địa phương khi linh cữu được chuyển ra xe tang thì trong nhà đốt một bánh pháo. Theo quan niệm của dân ta là đốt pháo để trừ tà, nhưng thực chất, chúng tôi cho rằng đốt pháo để trừ uế khí, nhằm phá tan bầu không khí lạnh lẽo, chết chóc mà thôi. Tuy nhiên, nhà nước ta đang thực hiện chủ trương cấm đốt pháo, mà lâu nay các địa phương đã thực hiện rất nghiêm chỉnh, cũng là rất hợp với điều kiện và hoàn cảnh hiện nay.

3. Hạ huyệt

Khi chuyển linh cữu ra tới huyệt, linh cữu được hạ xuống cạnh huyệt. Ban lễ tang chờ cho mọi người đến đông đủ (nếu trước khi cất quan chưa đọc điếu văn, thì điếu văn được đọc vào lúc này), mọi người cúi đầu vĩnh biệt người quá cố.

Theo tập quán của dân tộc, trước khi hạ huyệt, người ta phải làm lễ cúng *thổ thần* ở ngoài nghĩa địa. Tang chủ thường chuẩn bị trầu, rượu, vàng hương và đĩa xôi, miếng thịt lợn hoặc miếng thịt chân giò, để xin phép được an táng người chết tại nơi đây. Các nghĩa địa thường có một cái miếu nhỏ, cũng có nơi chỉ có ban thờ *thổ thần* bằng một bệ thờ ngoài trời được xây cẩn thận bằng gạch. Nếu trường hợp nghĩa địa cũng không có bệ thờ thần thổ địa, thì tang chủ chuẩn bị một cái ghế đẩu, rồi đặt mâm cúng lên đấy để thực hiện nghi lễ.

Cần lưu ý: Để khi hạ huyệt được trang trọng, đúng nghi thức truyền thống, Ban lễ tang hoặc tang chủ cần chuẩn bị 3 chiếc đòn khiêng, mỗi đòn dài khoảng 1,5m bắc ngang miệng huyệt, rồi đặt linh cữu lên 3 đòn đó. Đồng thời bên cạnh 3 đòn cũng luồn 3 dây thừng tốt, để khi hạ huyệt, người ta cầm các đầu dây thừng nâng linh cữu lên, rút đòn khiêng phía dưới rồi từ từ hạ linh cữu xuống huyệt (như vậy là phải có 6 người hoặc 12 người cầm đầu dây thừng khi hạ huyệt).

Để giữ thăng bằng khi hạ huyệt, vẫn cần có người chỉ huy bằng mõ (hoặc trống khẩu) như lúc cất quan và chuyển cữu bằng tay.

Khi đặt linh cữu xuống huyệt, nếu thấy linh cữu bị lệch thì phải chỉnh bằng các đầu dây thừng và kê cho bằng phẳng. Trước khi lấp đất, để tỏ lòng thương kính, người thân thiết nhất của người mới qua đời ném những viên đất đầu tiên xuống nắp linh cữu, tiếp theo là thân nhân, bà con, bè bạn... mở đầu việc chôn cất.

4. Đắp mộ

Lấp đất, đắp thành mộ. Cần lưu ý là khi đắp đất lên mộ, muốn cho đất chắc lại, kết dính thành khối, không được dùng chân xéo lên để ép đất xuống, mà chỉ được phép dùng lưng của xẻng đập nhẹ vào. Những góc nào thấy lép

đất thì phải vạ cho đủ, để tạo dáng ngôi mộ cân đối, đầy đặn. Độ to, nhỏ, cao, thấp của nấm mộ tùy thuộc vào điều kiện đất đai ở nghĩa trang và cũng tùy thuộc tập quán của từng địa phương, nhưng thường thường chiều cao của nấm mộ không dưới 0,80m so với mặt bằng của đất nghĩa trang.

Những vùng đất màu tơi, muốn đắp thành những nấm mộ cao, người ta thường cuốc lấy những tảng đất có lẫn bề mặt cỏ úp lên nấm mộ. Ở những vùng ven biển (cát nhiều), người ta thường xếp đá thành hình nấm mộ, rồi đổ cát lên, để cát không trôi đi.

Đặt bia ở phía chân mộ. Cắm hương ở trước bia và ở giữa mộ. Người ta thường cuốc một tảng đất có bề mặt cỏ, rồi chặt theo hình tròn, đặt phía trên giữa mộ, để cắm hương.

Khi ngôi mộ đã đắp hoàn thiện, những vòng hoa viếng tang được đặt xung quanh mộ. Ở các tỉnh phía Nam, những năm gần đây bên cạnh việc viếng tang bằng vòng hoa tươi, người ta còn phúng điếu bằng vòng hoa cườm. Những vòng cườm này không để lại nơi mộ, mà đem về nhà cùng các đối, trướng treo trên tường chung quanh bàn thờ người mới qua đời. Ảnh người quá cố cũng được rước về nhà, đặt vào đúng vị trí thờ ở bàn thờ.

Khi đã hoàn tất mọi công việc chôn cất, ban lễ tang hoặc tang chủ nói lời cảm ơn cuối cùng trước tất cả những người đưa tang.

Những đám tang theo nghi lễ nhà Phật thì các phật tử chờ khi lấp đất xong, mỗi người cầm một nén nhang, tụng kinh, niệm phật đi chung quanh ngôi mộ, rồi mỗi người cầm một hòn đất ném vào mộ - gọi là *dong nhan.*

Những đám tang tử sĩ và tang các lãnh tụ quốc gia mà quan tài được phủ quốc kỳ, thì khi hạ huyệt phải nâng quốc kỳ lên, gấp lại và rước về nhà cùng với ảnh, không chôn cùng linh cữu.

Buổi tang lễ kết thúc, mọi người ra về.

Cần lưu ý: Đối với đồng bào các dân tộc ít người, có những nghi lễ và phong tục tập quán riêng, nhưng các bước của đám tang vẫn theo trình tự như trên.

Khi chôn cất xong, thân quyến có thể họp mặt riêng khi trở về nhà để rà soát lại các công việc, xem có gì còn thiếu sót, hoặc việc gì phải làm tiếp,

rồi chuẩn bị nội dung để đưa tin cảm ơn trên báo, trên đài...

Bỏ hủ tục "ăn cỗ đám ma" hoặc các hình thức chè chén, cỗ bàn bên cạnh linh cữu - vừa mất vệ sinh, vừa thiếu văn hoá (ăn uống, nói cười bên cạnh những người đang khóc than, lúc tang gia bối rối).

Bàn thêm về cách ứng xử của người sống đối với người qua đời

Khi có người qua đời, con cháu, họ hàng thân tộc... phải tỏ lòng thương xót, hiếu thảo và chu tất đối với người đã khuất. Nếu người qua đời có trối trăng điều gì thì cố gắng thực hiện để thỏa vong linh họ. Khi tang gia bối rối, mọi người trong gia đình, họ tộc phải hết sức bình tĩnh để giải quyết mọi công việc.

Bạn bè, đồng nghiệp... nên sắp xếp thời gian đến phúng viếng, tiễn đưa người qua đời một cách chu đáo và thân tình. Những mâu thuẫn trước đây, những điều không vừa lòng, thậm chí có cả những cãi cọ với người quá cố cũng nên bỏ qua. Câu "nghĩa tử là nghĩa tận" đã là sự nhắc nhở việc ứng xử của người sống đối với người quá cố.

Mọi người đến dự tang phải hết sức nghiêm túc, biểu lộ lòng thành kính đối với người qua đời, chia sẻ nỗi buồn biệt ly đối với tang quyến. Cần tránh những cử chỉ thiếu văn hoá như: ăn mặc không nghiêm túc, cười nói bô bô, nô đùa trong thời gian thực hiện tang lễ. Khi tang gia có những sơ suất và thiếu sót, nên cảm thông và bỏ qua với lòng bao dung.

Thân nhân và bà con xóm phố khi đưa tiễn người quá cố cần trật tự, đi có hàng lối, không đi lại lộn xộn. Ở thành phố nên đi theo phần đường bên phải để tránh ùn tắc giao thông. Nếu gặp đám tang đi ngược chiều, nên dừng lại, dắt xe đi bộ, ngả mũ nón chào vĩnh biệt. Ô tô, xe máy gặp đám tang nên đi chậm lại và nhường đường, không bóp còi inh ỏi...

V. NGHI LỄ ĐỐI VỚI MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP QUA ĐỜI KHÁC

1. Đối với những người chết đường, chết chợ

Đây là những trường hợp chết bất đắc kỳ tử ở dọc đường, chết do tai nạn xe cộ, chết đuối... Những trường hợp này, nhân dân ta từ lâu đời đã có tập quán kiêng không đưa xác về nhà, thậm chí còn kiêng không đưa xác về

làng. Thông thường, người chết được đưa xác đến rìa làng, rồi dừng ở đó để chuẩn bị các thủ tục an táng. Mọi thủ tục khâm liệm đều được thực hiện như đã nói ở phần trên, nhưng nhẹ nhàng và đơn giản hơn. Dù là chiều tối hay đêm hôm, lễ an táng cũng được cử hành ngay, vì không thể để thi hài quàn ngoài trời qua đêm được.

Ngày nay, nhiều gia đình gặp trường hợp này đều thực hiện "nghĩa tử là nghĩa tận", bỏ những quan niệm xưa, thi hài vẫn được đưa về nhà làm lễ an táng cho thật chu đáo. Đây là những điều rất tiến bộ, dư luận xã hội đều hoan nghênh. Cơ quan văn hoá cũng cần hướng dẫn các địa phương bỏ các quan niệm cũ, thực hiện những nghi thức tang lễ như những người bình thường khác lúc qua đời.

2. Đối với những người chết trong những ngày tết

Tết Nguyên đán là ngày vui mừng của mọi người, dân ta còn gọi là *Tết cả*, vì nó là tết lớn nhất trong năm. Mọi người, mọi gia đình, mọi cộng đồng, sau một năm làm ăn vất vả được nghỉ ngơi, vui chơi thoải mái, làm cỗ bàn, cúng bái tổ tiên, ăn uống linh đình. Vì vậy, nhà nào có người qua đời vào ngày 30 tết, thường tang chủ lập tức tổ chức thủ tục nghi lễ khâm liệm, nhập quan rồi an táng ngay, không để đến hôm sau là mồng một tết. Nếu thời gian quá gấp, tang chủ tính toán không thể nào làm kịp trước thời khắc giao thừa, thì lui lại đến mồng ba (thủ tục khâm liệm vẫn được thực hiện ngay, nhưng chưa làm lễ phát tang).

Trong thời gian lưu lại, gia đình tang chủ phải chuẩn bị các phương tiện bảo quản thi thể chu đáo, nếu không đủ điều kiện thì tạm gửi ở phòng lạnh của bệnh viện hoặc nhà tang lễ.

Nếu chết vào ngày mồng một, thì dân gian vẫn kiêng không phát tang vào ngày này, mà có thể để lại một hai ngày sau đó. Tất cả những trường hợp trên có thể vi phạm đến Quy ước nếp sống văn hoá của làng xã hiện nay. Tuy nhiên, mọi người phải nhận thức rằng: đây là trường hợp đặc biệt "bất khả kháng". Cơ quan y tế địa phương nên hướng dẫn gia đình tang chủ các phương pháp bảo quản thi hài, để đảm bảo giữ vệ sinh chung.

3. Đối với những người chết vì bệnh dịch hoặc vì căn bệnh nguy hiểm

Những trường hợp chết kể trên thì phải thực hiện khâm liệm ngay, không để lâu trong nhà, không tổ chức nghi lễ viếng tang, không tập trung đông người và phải đưa đám vào ban đêm. Những trường hợp này, khi an táng, huyệt phải đào thật sâu (khoảng 1m đến 1,2m), đổ vôi bột chung quanh (đào sâu, chôn chặt - kể cả những địa phương có tục cải táng cũng không được bốc mộ) để tránh mầm bệnh và uế khí, giữ vệ sinh môi trường.

Những người làm nhiệm vụ chuyển linh cữu và thực hiện an táng phải có khẩu trang và những phương pháp phòng ngừa cần thiết (xin ý kiến chỉ đạo của phòng y tế, hoặc bệnh viện cấp huyện, thị).

4. Đối với những người chết mất xác

Đây là những trường hợp rủi ro như: bị chết vì đắm thuyền, đắm tàu ngoài biển cả, chết do tai nạn máy bay rơi ngoài biển mất xác, chết do sóng thần bị cuốn mất xác, chết do bị hổ, báo ăn thịt... sau khi đã chú tâm tìm kiếm bằng nhiều cách mà không thấy. Các trường hợp chết như thế này, người ta vẫn đóng quan tài cho người quá cố, người ta nhập quan và chôn cất tượng trưng. Thời xưa và ngay cả bây giờ, nhiều nơi người ta vẫn làm hình nhân với xương cốt bằng que dâu, đầu bằng gáo dừa (tượng trưng xương cốt của con người), Tất nhiên, tang chủ phải mời thầy về làm lễ "chiêu hồn nhập cốt", rồi mới tiến hành các nghi lễ của việc tang.

Đối với người chết ở dưới nước, ngoài các nghi lễ như đã kể ở trên, thầy cúng (thầy pháp) còn làm cầu dẫn bằng một tấm vải trắng, thả từ trên bờ xuống nước, rồi làm lễ "chiêu hồn" từ dưới nước lên. Người ta quan niệm rằng, khi hồn ở dưới nước đã lên bờ rồi, thày phải dùng kéo cắt đứt cầu, để hồn hết đường về (cõi nước). Đây là một lễ thức dân gian còn rơi rớt ở một số nơi, nhằm biểu hiện tình cảm giữa người sống đối với người chết, và cũng thực hiện "nghĩa tử là nghĩa tận" mà thôi. Tuy nhiên, lễ thức này dễ dẫn đến những điều huyễn hoặc, mê tín dị đoan, chúng ta nên vận động nhân dân loại bỏ trong đời sống hiện đại.

5. Đối với người chết bị sét đánh

Theo quan niệm dân gian thì đây là loại chết không bình thường. Các nghi lễ an táng trong trường hợp này cũng không có gì khác với các trường hợp chết thông thường nhưng gia đình tang chủ rất sợ kẻ gian đào trộm. Dân gian kể rằng: bạn đạo tặc thường tìm cách đào trộm mả người chết bị sét đánh, rồi chặt lấy cánh tay trái (nếu người chết là nam), hoặc chặt cánh tay phải (nếu là nữ), để đi ăn trộm, tránh được sự phát giác của chủ nhà. Vì vậy, mộ của người qua đời do bị sét đánh thường được canh phòng rất cẩn thận tới ba tháng... Ngày nay, tuy không ai tin như vậy cả, nhưng quan niệm xưa vẫn ám ảnh ở một số người. Chúng ta cần tuyên truyền để mọi người dân hiểu được vấn đề này, chống mọi luận điệu tuyên truyền xằng bậy, ảnh hưởng đến đời sống bình yên của nhân dân.

6. Đối với người chết khi con cháu chuẩn bị làm lễ cưới

Tập quán xưa của dân ta là cấm kỵ con cháu làm lễ cưới trong thời kỳ để tang (mà đại tang là 3 năm). Đối với 3 năm trời là thời gian dài, mà đối với người con gái thì "cái tuổi đuổi cái xuân". Rồi đến khi gần hết tang, lại có tang mới, thì người con gái già mất. Vì vậy, các cụ thời xưa nghĩ ra cách "cưới chạy tang". Có nghĩa là việc hiếu tạm hoãn, dành cho việc hỷ. Người mới qua đời vẫn nằm trên giường, đắp chăn chiếu, "để đấy". Chưa nhập quan, cũng có thể gia đình làm thủ tục khâm liệm, nhập quan - nhưng chưa làm lễ phát tang và trong nhà không ai được khóc và tất nhiên mọi người chưa đến phúng viếng.

Một đám cưới như vậy thì được tổ chức rất nhanh gọn, giản lược nhiều thủ tục (như xin dâu, đón dâu, lễ tơ hồng...). Khách dự chủ yếu là người thân trong gia đình. Sau khi tổ chức xong đám cưới thì mới làm lễ phát tang. Lúc bấy giờ cô dâu (chú rể) đã là thành viên của gia đình, và tùy mối quan hệ mà chịu tang theo tập quán.

Ngày nay, việc để tang không ảnh hưởng tới việc cưới vợ, cưới chồng, việc làm nghĩa vụ quân sự... Chúng tôi nghĩ rằng, không cần phải cưới chạy tang nữa, mà có thể lui ngày cưới lại một thời gian ngắn (nên để hết 49

hoặc 100 ngày là được). Và thực tế, hiện nay nhiều đám cưới đã thực hiện như vậy mà vẫn rất vui vẻ, hạnh phúc.

VI. NHỮNG TUẦN TIẾT TIẾP THEO CHO ĐẾN KHI ĐOẠN TANG, CẢI TÁNG

1. Những tuần tiết tiếp theo

Ở một số địa phương, các gia đình tang chủ có tập quán "cúng chiều hôm". Ba ngày đầu, cứ chiều đến, một số thân nhân mặc tang phục đem cơm, canh ra mộ cúng người quá cố. Tập quán này đáp ứng được nguyện vọng của người đang sống đối với người mới qua đời, làm vơi dần sự thương tiếc của con cái, cháu chắt đối với cha mẹ, ông bà, tránh sự hụt hẫng trong nếp sinh hoạt hàng ngày của những người đang sống đối với người mới qua đời. Xét ra cách làm này không có biểu hiện mê tín dị đoan, nhưng quá phiền phức, chúng ta nên vận động bỏ dần; nếu có cúng thì cũng chỉ nên cúng tại bàn thờ vong ở nhà để tưởng-nhớ mà thôi.

Khi đọc Gia lễ xưa và nay của tác giả Phạm Côn Sơn, Nxb Thanh niên ấn hành, 1999, có đoạn viết như sau: "Việc cúng cơm mỗi ngày suốt thời kỳ để tang, hoặc là 1 năm, hoặc là 3 năm tùy theo hoàn cảnh và quan niệm gia đình. Cúng cơm mỗi ngày trong thời kỳ để tang - kể cả việc mời cơm với chén đũa để dành riêng trong mỗi bữa ăn của gia đình, có tính chất nhắc nhở bổn phận con cháu trong tình thương kính đối với người mãn phần, là một tục lệ đặc biệt của người Việt Nam, có đời sống tình cảm sâu sắc thâm trầm". Tôi thấy đoạn văn này cũng đã nói lên được tình cảm của người sống đối với người mới qua đời.

Theo tập quán của nhiều dân tộc anh em sống trên đất nước ta, những gia đình có tang đều giữ lệ cúng 3 ngày, 49 ngày (hoặc 50 ngày), 100 ngày. (Theo thuyết duy tâm, dân ta quan niệm phải cúng 3 ngày, vì sau khi chết linh hồn lìa khỏi xác và đi phiêu diêu (chưa ổn định). Sau 3 ngày con cháu cúng lễ, linh hồn mới ổn định lại - định hình - lúc này con cháu ra sửa sang lại mộ.

Quan sát trong những năm gần đây, ở nước ta, từ thành thị đến nông

thôn (thậm chí cả các gia đình đảng viên và cán bộ trung cao cấp) đều vẫn giữ tục lệ này. Cũng trong ngày này, bạn bè, thân nhân, cơ quan... vì lý do nào đó mà không có điều kiện phúng viếng và đưa tang, cũng chờ dịp cúng 3 ngày, 49 ngày hoặc 100 ngày đến thắp hương hoặc ra thăm mộ phần.

Sở dĩ có sự khác biệt là 49 hoặc 50 ngày là dựa vào câu thành ngữ của nhân dân ta "trẻ dôi ra, già quặp lại". Nghĩa là lễ tuần 49 ngày cho những người mất có tuổi thọ từ 60 tuổi trở lên, còn người mất dưới tuổi này thì lễ tuần đúng 50 ngày. Gia lễ xưa gọi lễ này là *chung thất*. Phật giáo cũng cho rằng, tuần này là đưa hương hồn người chết lên chùa để nương nhờ cửa Phật. Người ta thường đem vào chùa làm chay, nhờ nhà sư tụng kinh sám hối để cho vong hồn người quá cố được siêu thăng tịnh độ. Một số địa phương, đối với các già đã "ăn mày cửa Phật" thì tuần chung thất có thể vào thời kỳ 35 ngày.

Người ta thường giải thích 7 ngày 1 vía (nam 7 vía, nữ 9 vía). Lúc cúng 49 ngày cũng là dịp con cháu ra chăm lo phần mộ và nếu trước đây chưa đặt bia, thì đặt bia vào lúc này. Thật ra trong lĩnh vực này, còn có nhiều thuyết giải thích khác nhau.

Tôi xin nêu ra một phần tham luận của nhà văn chuyên viết tiểu thuyết lịch sử, nhà nghiên cứu văn hoá Hoàng Quốc Hải, đọc tại "Hội thảo khoa học - thực tiễn về Tang lễ" do Bộ Văn hoá Thông tin tổ chức tại Hà Nội, năm 1996 như sau: "Về tang lễ, nhìn bề ngoài là hành vi ứng xử xã hội của người sống đối với người chết, nó thuộc phạm trù văn hoá tang lễ (cũng có người gọi nó là văn hoá sinh tử). Nhưng kỳ thực, văn hoá tang lễ là văn hoá dành cho người sống, chứ không phải cho người chết. Vì một khi con người đã qua đời, thì mọi nhu cầu về vật chất đến tinh thần của bản thân họ đều khép lại.

Tất cả mọi việc cúng lễ dành cho người chết, từ khi chôn cất đến giỗ đều do người sống tiến hành. Mọi việc làm này xét theo nguồn gốc đều xuất phát từ nhân sinh quan của người sống, nhằm nâng đỡ người chết. Suy cho cùng, đó là tính nhân văn cố hữu của nhân loại. Tuy nhiên, nó biểu hiện ở mỗi tộc người, mỗi cộng đồng người đều mang những đặc trưng riêng, xuất

phát từ tín ngưỡng hoặc tôn giáo mà cộng đồng đó tôn thờ.

Ở nước ta, trước hết là dân tộc Kinh, người ta làm đủ các tuần tiết lễ lạt như cúng ba ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu, giỗ hết... Song, người ta cúng theo phong tục, chứ thật ra ít người biết từ nguồn gốc. Nếu như nhân dân được hướng dẫn việc cúng lễ này xuất phát từ quan niệm nhân sinh vũ trụ nào, thì hẳn là các thầy phù thủy hết đường bịp bợm và những nhận thức mê lầm về ma qủy và thần trùng, khó có thể ám ảnh con người.

Đáng tiếc, các nhà khoa học không chịu giới thiệu cho nhân dân biết. Các cán bộ ngành văn hoá không được trang bị loại kiến thức này, bởi các trường học của chúng ta, không chịu giảng dạy về văn hoá cổ xưa của chính chúng ta...

Phương Đông ta có quan niệm "sinh ký, tử quy", tức là sống ở cõi đời chỉ là nơi tạm gửi tấm thân, còn khi chết mới là về. Về đây tức là về cõi vĩnh hằng, cực lạc. Hoặc nếu chưa đạt tới cõi phúc thì lại phải đầu thai qua kiếp khác. Do đó, khi trong nhà có người chết, việc trước tiên phải lập ban thờ riêng cho người đó, treo ảnh và thắt hồn bạch cùng các đồ tang lễ, đối, trướng...

Người chết được ba ngày thì cúng tam tiêu, xưa người ta còn tế - gọi là tế ngu. Ngu là yên. Ba ngày, con số 3 gồm một âm một dương, cúng để cho âm dương biến hoá, tiêu trưởng.

Tới 7 ngày cúng tuần đầu, gọi là cúng giải vía. Theo quan niệm cổ xưa, con người có 7 lỗ (thất khiếu), để hấp thụ vật chất, tinh thần mà trưởng thành. Bảy lỗ đó là: hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, mồm. Đàn bà có thêm lỗ vú và lỗ sinh dục để đẻ và nuôi con. Khi hết chức năng sinh đẻ lại trở về thất khiếu. (Phật giáo phân biệt các động vật cao cấp hễ đã có cửu khiếu (9 lỗ) đều có thể tu Phật. Vì vậy, trong lịch sử có Tôn Hành Giả gốc từ con khỉ. Cửu khiếu ở đây kể cả đàn ông đàn bà, tính theo thế ổn định: 2 lỗ tai, 2 lỗ mắt, 2 lỗ mũi, mồm, lỗ sinh dục, lỗ bài tiết).

Khiếu có nghĩa là vía. Cúng 7 ngày là cúng giải 1 vía. Giải đủ 7 vía phải 7 tuần. Bảy tuần là 49 ngày. Cũng gọi là cúng "chung thất". Chung thất là hết 7 tuần.

Cúng lễ cho người chết tức là cầu cho họ sự mát mẻ, luân chuyển qua 10 cửa ngục (thập điện diêm vương).

Cúng 7 tuần tương ứng với 7 cửa ngục, cúng 100 ngày qua cửa ngục thứ 8. Giỗ đầu (tiểu tường) là cửa thứ 9. Giỗ hết (đại tường - lành nhiều) là cửa thứ 10 cũng gọi là cửa chuyển luân, để đi đầu kiếp khác.

Về cúng 49 ngày, theo Phật giáo Mật tông Tây Tạng, người chết ý thức chìm trong giấc ngủ say 3 ngày, sau đó lang thang trong vũ trụ cho đủ 49 ngày, nên các ngày đó người sống phải cúng, linh hồn người chết mới có cái ăn.

Cũng theo học thuyết này, mọi người sống trên trái đất chịu sự chi phối của 7 vị tinh quân: mặt trời, mặt trăng, sao thủy, sao hoả, sao mộc, sao kim, sao thổ. Mỗi vị tinh quân cai quản một cung, trong mỗi cung lại có 7 phân bộ, cả thảy gồm 49 phân bộ. Con người sống không biết chịu sự chi phối của phân bộ nào, bởi vậy khi chết, muốn linh hồn siêu thoát phải cúng đủ 49 phân bộ.

Theo quan niệm phương Đông, số 49 là số đại diện bao hàm cả lưỡng nghi (âm dương), tứ tượng, bát quái của đại vũ trụ, cũng là số của tiểu vũ trụ: con người.

Lưỡng nghi: dương - số 1, âm - số 2. 1+2 = 3.

Tứ tượng: gồm: Thái dương: 1; Thiếu dương: 2; Thiếu âm: 3; Thái âm: 4.

Như vậy: 1+2+3+4 = 10

Bát quái: gồm: Càn (1), Cấn (2), Ly (3), Chấn (4), Tốn (5), Khảm (6), Đoài (7), Khôn (8).

Như vậy: 1+2+3+4+5+6+7+8 = 36.

Lưỡng nghi + Tứ tượng + Bát quái = 3+10+36 = 49.

Vậy là theo cả ba học thuyết Nho - Phật - Lão đều quy vào con số 49.

Ở đây có một ý nghĩa rất huyền bí, cho tới nay vẫn chưa lý giải được song hãy cứ nên tôn trọng. Còn tục cúng các lễ cho người chết như vậy là biểu hiện nơi cái tình của người sống, nhằm giúp đỡ người chết trong quá

trình chuyển kiếp - nó cũng là đạo lý chứ không có gì là dị đoan. Và trong lễ cúng, không có sách nào dạy phải tam sinh hiến sinh gì hết mà cốt ở lòng thành, chứ không trọng nơi lễ vật. Người đời hiếu sự, bày vẽ ra, nên tốn kém. Ta nên trở về với tinh thần hồn nhiên giản dị, là hợp lẽ nhất. Và cũng trả lại sự trong sáng cho nét đẹp văn hoá sinh tử...".

Cũng xin nói thêm: Một trăm ngày là tuần "tốt khốc" - có nghĩa đến tuần này mới thôi khóc.

Toàn bộ phần trên, chúng tôi giới thiệu những nghi lễ trong việc tang, nhằm cung cấp với bạn đọc những hiểu biết cơ bản, không có nghĩa là để áp dụng đầy đủ. Vì nghĩa tình với người quá cố, trước tiên là ở tình nghĩa giữa con người với con người từ những năm tháng còn sống, việc làm lễ tiết cốt ở lòng thành, không phải làm cỗ bàn to tát, khách khứa tấp nập mới là hiếu nghĩa. Và như chúng ta đã thấy, tục lệ nào cũng có thay đổi theo thời gian và trình độ nhận thức của mọi người.

Ở nước ta khí hậu nhiệt đới, mưa gió thất thường, đất đai dễ sụt lở, nhân những ngày lễ có tính định kỳ này con cháu, họ hàng, bè bạn chăm lo phần mộ (đắp lại những chỗ sụt lở, phát cây, rẫy cỏ, thắp nén nhang...) cũng là điều nên làm. Nếu như lại lợi dụng những ngày này mà ngồi đồng, gọi hồn, cầu đảo... thì đáng phê phán và cần phải xoá bỏ.

Việc có tang cha mẹ và người thân, không ngăn cản bất cứ công dân nào thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng, nếu hoàn cảnh không cấp bách, những người ruột thịt của người mới qua đời nên lui các cuộc vui riêng tới một thời gian thích hợp, được xã hội chấp nhận (như cưới hỏi, ăn mừng, liên hoan...). Thời gian ngừng các cuộc vui như vậy, không chỉ là tập quán riêng ở nước ta, mà còn là tập quán của nhiều dân tộc khác trên thế giới. Đó cũng là thể theo tâm lý, tình cảm chung, thể hiện đạo lý và trình độ văn hoá của những người trong xã hội văn minh.

2. Ngày giỗ

Theo phong tục Việt Nam, để tưởng nhớ sâu sắc và lâu dài công ơn cha mẹ, hàng năm đúng vào ngày qua đời của cha mẹ, ông bà... người ta đều

làm giỗ. Mặc dù, dân ta không có tập quán kỷ niệm ngày sinh (sinh nhật), nhưng tập quán làm giỗ lại rất trọng hậu. Khi ông bà, cha mẹ "ra đi" thì sự tử cũng như sự sinh, phụng dưỡng người đã chết như người còn sống.

Việc cúng giỗ người đã chết không phải là một tôn giáo, mà là một tập tục. Nhà nước không hề ghi thành phép tắc, song nó lại là một điển lệ trong phong tục. Phong tục nhiều khi ràng buộc hành vi của con người chắc chắn hơn luật pháp rất nhiều.

Ngày giỗ là ngày kỷ niệm lúc lâm chung của người quá cố hàng năm, anh em, con cháu, bà con họ hàng thân thích tưởng nhớ đến người đã khuất, ôn lại cội nguồn, giáo dục truyền thống. Nhận thức đúng ý nghĩa của ngày giỗ, thì không nên bày vẽ cỗ bàn linh đình, ăn uống chè chén lãng phí, xa hoa.

Trong dịp ngày giỗ, con cháu thường tổ chức ra thăm mộ, đắp thêm đất vào mộ, bù vào những đất thiếu hụt do mưa nắng lâu ngày sụt lở (nếu như mộ chưa xây) và thắp lên mộ những nén nhang tưởng niệm.

Ngày giỗ cũng là dịp gia đình, thân tộc kiểm lại việc thực hiện di chúc của người quá cố. Nếu có việc gì chưa làm được thì phân công, nhắc nhở nhau làm cho tròn những điều ước vọng của người đã khuất. Thiết tưởng đó là một trong những cách tốt nhất để tưởng nhớ và trả ơn ông bà, cha mẹ... đã có công sinh thành và nuôi dưỡng mình.

Trong tập quán cổ truyền về việc tang, người ta còn phân ra các ngày giỗ như sau:

Lễ ba ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu (tiểu tường), giỗ hết (đại tường) và cuối cùng là lễ đàm (đàm tế). Tất cả các ngày lễ kể trên đều là lễ trọng, không được bỏ qua một loại lễ nào, dù trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào. Lễ ba ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày đã được trình bày ở phần trên. Dưới đây xin được trình bày giỗ tiểu tường, đại tường và giỗ đàm.

Giỗ đầu (tiểu tường)

Tiểu tường có nghĩa là điềm lành nhỏ. Theo tập quán xưa, các cụ thường giải thích rằng: người chết sau một năm thì hương hồn đã được yên vị nơi cửu tuyền (chín suối), tà ma không dám tới quấy nhiễu nữa. Có người

đã thành thần hay đi đầu thai kiếp khác - nếu như trong đời sống trần thế trước đây có công đức và đạo hạnh cao. Cũng trong lúc ấy, ở trần thế, sự đau đớn của con cháu đã vơi đi nhiều phần.

Giỗ đầu là đúng tròn một năm (theo âm lịch), con cháu tụ tập để làm giỗ, dù cho những ngày này con cháu có bận rộn đến đâu, cũng phải thu xếp mọi công việc để làm giỗ đầu cho thật chu đáo. Từ sau lễ này con cháu mới bỏ các hung phục (tang phục khi người qua đời) như đồ sô gai, mũ, gậy... Ngày nay, nhiều gia đình thường bỏ mũ, áo trong dịp lễ bốn chín ngày hoặc một trăm ngày, mà trong ngày này chỉ còn giữ tục cúng lễ.

Theo tập quán xưa, trước ngày giỗ chính thức, con cháu phải làm lễ "cáo giỗ" - ngày cáo giỗ còn gọi là ngày "tiên thường". Ngày này, con cháu báo cáo cho người đã khuất việc cúng giỗ ngày hôm sau. Tất nhiên, trong ngày cáo giỗ, gia chủ phải làm lễ cáo với Thổ công, Thần linh, xin phép cho vong hồn được cúng giỗ về thụ hưởng. Đồng thời, cũng xin Thổ công cho phép các linh hồn gia tiên nội, ngoại nhà mình về dự giỗ - người ta tin rằng "đất có Thổ công, sông có Hà bá", những hương hồn muốn về thăm con cháu đều phải xin phép Thổ công vào ngày "tiên thường" - tức là trước ngày giỗ chính.

Ngày "tiên thường" này, con cháu phải ra mộ khấn mời vong hồn người chết về hưởng giỗ, sửa sang lại phần mộ cho chu đáo (nếu mộ chưa xây thì phát cỏ, đắp đất thêm, dọn dẹp xung quanh...), lau rửa bàn thờ, chuẩn bị các đồ lễ. Tất nhiên, khi cúng cáo giỗ phải khấn Thổ công trước, rồi sau đó mới khấn tổ tiên và người được cúng giỗ.

Theo cổ lệ, chỉ có những ngày giỗ lớn mới có cáo giỗ, còn những ngày giỗ nhỏ, con cháu chỉ cúng ngày chính giỗ. Những ngày giỗ lớn là giỗ ông bà nội, cha mẹ, chồng vợ.

Tục xưa, trong "tiểu tường" gia chủ thường sắm đồ mã bằng giấy, biểu trưng những đồ dùng hàng ngày của người đã qua đời ở thế giới bên kia cần đến như: quần áo, vàng, bạc (ngày nay, người ta còn làm cả tủ lạnh, ti vi, nhà lầu, xe hơi... để đốt cho người chết. Thực ra vàng mã chỉ là tượng trưng ý niệm của con người mà thôi.

Thời cổ đại, khi chôn cất người chết, người ta thường chôn theo những đồ vật thường dùng (gọi là đồ tùy táng). Có một số đồ vật quá lớn như nhà ở, giếng nước, trâu bò, ngựa xe... không thể chôn theo trong mộ được, người ta làm mô hình nhỏ lại để chôn theo những thứ này gọi là đồ minh khí). Rồi về sau này, do tư duy trừu tượng của con người phát triển, người ta mới làm bằng giấy thay thế cho các đồ tùy táng và đồ minh khí (gọi chung là đồ mã). Đến ngày giỗ, hoặc ngày rằm tháng bảy, sau khi cúng kiếng, người ta đốt đi - để người ở thế giới bên kia nhận được. Riêng đối với ngày rằm tháng bảy, người ta thường đốt mã trước ngày 14 tháng 7 âm lịch để đồ mã được kịp chở đến cho người ở cõi âm.

Nhân nói về đồ mã, thiết nghĩ cũng cần phải giải thích thêm về Tiết Trung nguyên (rằm tháng bảy). Nhân dân ta thường quen gọi là ngày "xá tội vong nhân". Dân gian cho rằng, sống trên đời khó có ai vẹn toàn, không tội này thì cũng tội khác (cũng như ta nói: người sống không ai là không có khuyết điểm cả), chắc khi về cõi âm sẽ vướng phải ngục hình. Nhưng dù tội lỗi gì thì dịp rằm tháng bảy đều được "xá tội vong nhân". Bởi vậy, trên dương thế mọi gia đình đều làm cỗ bàn cúng gia tiên và đốt vàng mã. Những gia đình có người mới chết cũng nhân dịp này mời tăng ni tới làm chay, tụng kinh, đốt vàng mã. Ngày nay, tục này cũng vẫn phổ biến, người ta sắm cho người đã khuất các đồ mã như: áo, quần, mũ, giày, tiền, vàng, bạc... thêm các tiện nghi hiện đại như: nhà lầu, xe hơi, ti vi, tủ lạnh... rất tốn kém. Thiết nghĩ, đồ mã chỉ là biểu trưng, mà làm thế nào để thể hiện tốt tâm ý của mình nhớ về cội nguồn là được, chứ lãng phí vô ích thì các cụ chắc cũng chẳng bằng lòng.

Nhân đây, cũng xin giải thích thêm về sự ra đời và ý nghĩa của ngày *xá tội vong nhân* - Rằm tháng 7 âm lịch như sau: "Là một lễ của nhà Phật cúng cô hồn và phổ độ chúng sinh. Người ta dâng các phẩm vật đựng trong chiếc Vu Lan để cúng chư tăng với mục đích cầu xin cho vong hồn người thân của mình được thoát khỏi nơi địa ngục. Vu Lan chính là cái chậu dùng để đựng hoa quả, phẩm vật dâng cúng. Vì vậy, lễ này còn được gọi là Lễ Vu Lan.

Theo Phật thoại thì sự tích Lễ Vu Lan như sau: Trong những người tháp

tùng đức Phật có ngài Mục Kiều Liên là một vị Tôn giả đã tu được nhiều thần thông. Ngài muốn báo công sinh thành của cha mẹ, bèn dùng nhỡn tuệ soi xuống âm phủ, thấy mẹ đang bị giam cầm, chịu cực hình quả báo. Ngài dùng phép màu dâng cơm xuống cho mẹ, nhưng cơm đến nơi thì đã hóa đá (có tài liệu lại nói là cơm hóa thành khối lửa) không sao ăn nổi. Mục Kiều Liên quay về kêu van đức Phật, Phật dạy rằng ngày rằm tháng bảy, nhân lúc chư tăng mãn hạ, nên sắm sửa hoa thơm quả ngọt để vào chiếc chậu Vu Lan, mang đến cúng dâng chư tăng, ăn mày công đức của chư tăng để chuyển nghiệp tham si nơi vong nhân, mới mong cứu thoát được vong nhân khỏi nơi địa ngục. Ngài Mục Kiều Liên tuân theo lời Phật dạy quả nhiên đã cứu mẹ khỏi âm cung.

Trong Lễ Vu Lan, các Phật tử diễn lại các trò về Mục Kiều Liên nêu gương hiếu thảo, vạch ra con đường tội lỗi và cách diệt trừ, đều do chữ Tâm, nhân duyên quả báo. Phật có thể dạy cách thoát khỏi ngục, nhưng muốn thoát được cần phải theo đúng lời Phật dạy, nghĩa là chính vong nhân phải tự chuyển nghiệp lấy cho mình để tìm thấy con đường thoát khỏi địa ngục.

Như trên đã nói, địa ngục hay thiên đường đều do mình tự tạo ra và đều ở trong lòng mình hết. Mình là thủ phạm gây ra tội ác, phải chính mình có chuyển nghiệp mới cứu nổi mình. Chuyển nghiệp để phá tan gốc rễ của tội ác, do đó mà vong nhân thoát khỏi nơi địa ngục.

Như vậy, phá địa ngục không phải dùng một sức mạnh nào ở ngoài phá vào, mà phải phá từ trong phá ra, tức là làm thế nào cho tội nhân chuyển được "thức tâm thành thánh chí". Công việc lớn lao, khó khăn chuyển "thức tâm thành chí" ấy của tội nhân, Phật đã trông cậy cả vào chư tăng. Nhờ sự gia hộ của chư tăng mới chuyển nổi nghiệp thức nơi chúng sinh. Tín chủ phải tin phép Phật, tin ở nhân quả thiện ác, tin ở giáo lý nhà Phật. Đức tin đã khiến tất cả tâm hồn được chuyển thành một nguồn thương không phân biệt thân, sơ, một suối hỷ xả không bờ bến, điều kiện.

Về lý thuyết thì có chúng sinh nên mới có Phật. Phật nguyện cứu độ hết chúng sinh để chúng sinh cũng thành Phật, và lúc đó giữa Phật và chúng sinh không còn gì là phân biệt nữa. Do đó danh từ Phật chỉ là gia danh và

Phật pháp cũng chỉ là giả lập để tận độ chúng sinh, theo đúng ý nguyện của mười phương chư Phật. Lễ Vu Lan ở nước ta ngoài ý nghĩa dùng từ bi làm một phương tiện phá ngục, còn là tết Trung nguyên...".

Tục xưa thì như vậy, nhưng ngày nay, do sự hiểu biết về khoa học mà nhiều nơi đã bỏ lệ này, chỉ còn tàn dư của đốt mã mà thôi. Chúng ta cần vận động nhân dân bỏ cổ tục này nếu có làm thì cũng nhẹ nhàng và cũng chỉ là biểu trưng của ý niệm mà thôi tránh tốn kém, lãng phí tiền của vào việc đốt quá nhiều vàng mã.

Giỗ hết (đại tường)

Người ta còn gọi là giỗ đoạn (lành nhiều), giỗ hết tang (hoặc đoạn tang) có nghĩa là đúng hai năm kể từ ngày chết, và là giỗ lần thứ hai, được coi là chấm dứt (hết việc). Mặc dù hết việc, nhưng theo tục lệ, phải hai ba tháng sau, người ta chọn một ngày để làm lễ *trừ phục*, hay còn gọi là *lễ đàm* (đàm tế) thì mới thực sự là hết việc. Gọi là lễ trừ phục bởi vì sau lễ này, tất cả các đồ tang phục đều được đem đốt. Từ đấy, những người để tang trong nhà mặc lại thường phục như trước kia.

Cũng trong ngày "lễ đàm", người ta rước linh vị vào bàn thờ chính, bỏ bàn thờ tang (thờ vong). Linh vị mới thường phải được chép sẵn từ trước, phủ giấy hay vải đỏ. Khi "đàm tế" ở bàn thờ tang xong thì đốt linh vị cũ, đốt cả băng đen phủ khung ảnh và văn tế. Sau đó, rước linh vị, bát hương, ảnh chân dung đặt lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới.

Thực tế là thời gian từ "đại tường" tới lễ "trừ phục" (lễ đàm) chỉ trong vòng 3 tháng trở lại, cộng với 2 năm trước, là hai mươi bảy tháng. Dân gian có câu vợ khóc chồng rằng: "Ba năm hai mươi bảy tháng chàng ơi!". Trong thơ văn Việt Nam, nhiều tác phẩm cũng nói tới thời gian này. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương khóc chồng có hai câu kết như sau: "Hai mươi bảy tháng trời là mấy chốc. Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!". Như vậy, vợ để tang chồng cũng hai mươi bảy tháng, giống như con để tang cha mẹ.

Theo tập quán của nhân dân ta, thì sau khi đoạn tang (lễ đàm), bàn thờ người quá cố mới được hủy bỏ và nhập vào bàn thờ chung. Bát hương sau khi đoạn tang, mới được nhập vào bát hương chung của tổ tiên. Nếu không

nhập vào bát hương chung, thì bát hương này phải nhỏ hơn và thấp hơn bát hương chung của tổ tiên.

Từ ngày giỗ đầu (tiểu tường), đến các giỗ những năm sau, việc cúng giỗ đều do người con trai trưởng thực hiện. Nếu người này đã chết thì do cháu đích tôn (tức cháu nội - con của anh cả) đảm nhiệm, vì rằng, hai người này là trưởng một chi nhánh trong họ. Những người con thứ, cháu thứ, con gái và cháu ngoại vẫn có bổn phận, và không thể quên được giỗ cha mẹ, ông bà. Những người con thứ, cháu thứ, con gái, cháu... trước ngày giỗ đều "gửi giỗ" bằng tiền mặt hoặc đem lễ vật đến cúng. Con cháu ở xa hay vì một lý do nào đó mà không về được, người ta cũng "gửi giỗ", và thậm chí hàng xóm cũng "gửi giỗ". Tiền mặt "gửi giỗ" hoặc lễ vật nhiều hay ít thường do khả năng tài chính của từng gia đình, hoặc do mối quan hệ gần hay xa giữa người sống với người chết. Ở xa không về được, dầu có "gửi giỗ" hay không cũng có thể làm giỗ ở nhà mình, gọi là *cúng vọng*, vì quan niệm "con ở đâu, cha mẹ ở đó".

Ngày giỗ, ngoài con cháu họ tộc, người ta vẫn mời bà con xóm phố, bè bạn thông gia... Khách khứa đến "ăn giỗ" luôn mang đồ lễ tới cúng, khá giả thì có nhiều thứ trên một cái mâm, cái đĩa; nếu không thì chai rượu trắng cũng là quý. Ngày nay, một số khách đến đám giỗ còn đem thẻ nhang và cái phong bì (tiền) - (vì cũng không biết mua cái gì cho hợp), cũng là góp vào để tùy gia chủ mua sắm cho thiết thực. Tất cả lễ vật này đều được đặt trên bàn thờ trước khi khách làm lễ. Khách thắp hương, lễ trước bàn thờ (có thể lạy hoặc vái). Khi khách lễ, gia chủ phải tự thân đáp lễ. Ngoài tính cách lễ nghi, chuyện này còn có liên quan tới trình độ kiến thức của con người Việt Nam, và cũng là một phép xã giao, phù hợp với hành vi đẹp của thuật đối nhân xử thế (nếu hiểu theo quan điểm thời nay).

Lễ vật trong ngày giỗ thường bao gồm: rượu, các món ăn, hương hoa, oản quả, đồ mã... Nhiều gia đình còn chuẩn bị các món ăn mà lúc sinh thời, người quá cố ưa thích.

Cúng giỗ phải có khấn vái. Người xưa có văn khấn riêng. Lời khấn cho dầu thế nào, hương hồn người chết cũng cảm thông và hưởng những lễ vật

của con cháu dâng lên. Khấn vái do tâm thành mà có. Tâm có thành cả quỷ thần cũng chứng giám *(Tâm động quỷ thần tri).*

Ngày giỗ năm thứ hai, còn được gọi là *giỗ hết.*

Theo quan niệm dân gian, trong ngày *giỗ hết*, người ta cũng đốt mã cho người đã khuất và năm nay đốt lại nhiều hơn năm trước. Người ta tin rằng, đốt mã năm trước là *mã biếu* - vì người nhận đồ dùng của con cháu đốt trong ngày *Tiểu tường* phải đem biếu các ác thần, để tránh những sự quấy nhiễu.

Cỗ bàn trong ngày *giỗ hết* cũng linh đình hơn, vì rằng, sau ngày giỗ này, hương hồn người khuất sẽ thưa về thăm con cháu hơn trước đây, nên con cháu muốn dâng cúng thịnh soạn hơn.

Khi đồ lễ đã bầy đầy đủ lên bàn thờ, người chủ gia đình quần áo chỉnh tề, đốt đèn nến, thắp 3 nén nhang dâng cắm lên bát hương (bàn thờ) ông Công ông Táo, rồi vái lạy, xin Thổ công, Thần linh cho phép hương hồn người quá cố về hưởng giỗ. Tiếp đó thắp hương dâng cắm lên bát hương gia tiên, và cuối cùng mới thắp hương dâng cắm lên bát hương ở ban thờ người quá cố. Sau một tuần nhang, người ta lại thắp thêm một tuần nhang nữa, khi gần tàn nhang thì vái tạ, rồi hoá vàng.

Khi hoá vàng, không thể tùy tiện hoá ở đâu cũng được, mà phải chọn chỗ sạch sẽ, thuận tiện theo chiều gió. Nếu có chậu chuyên hoá vàng càng tốt, không thì phải chọn chậu nhôm hoặc chậu sắt tráng men (có thể lót tầu lá chuối để khỏi đen chậu). Khi vàng, tiền giấy cháy hết (tro vàng đang còn hồng) thì đổ vào một chén rượu cúng, hoặc phun vào một ngụm rượu (dân gian cho rằng làm như vậy, vàng và tiền ấy mới trở thành vàng thật và tiền thật ở thế giới bên kia. Như vậy, cõi âm mới nhận được số tiền, vàng và đồ mã, mà cõi dương chuyển đến.

Hoá vàng xong, mọi người ăn cỗ hưởng lộc của các cụ một cách vui vẻ. Trước khi ra về, mọi người được gia chủ gửi quà biếu cho các cháu ở nhà, với ý nghĩa cho con cháu ai cũng được hưởng lộc.

Những ngày giỗ sau ngày *giỗ hết* chỉ là những ngày giỗ thường hay *kỵ nhật*, và việc cúng lễ sẽ cứ hành như những người đã qua đời trước. Vì vậy,

ngày *giỗ hết* là ngày giỗ quan trọng nhất trong tất cả những ngày giỗ đối với người qua đời vì nó đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời của người còn sống cũng như đối với vong linh của người đã khuất. Với người đang sống là thời kỳ hết tang, người ta trở lại đời sống thường nhật (thời xưa, chỉ sau khi hết tang, người vợ goá mới có thể đi bước nữa, con cháu mới được tham gia các hội hè, đình đám...).

Những ngày giỗ từ năm thứ ba trở đi, người ta gọi là ngày *giỗ thường* hay *cát kỵ*. Nếu giỗ *tiểu tường* và giỗ *đại tường* là lễ giỗ trong vòng tang, còn mang nặng những xót xa, tủi hận, bi ai thì ngày *giỗ thường* lại là ngày sum họp của con cháu nội, ngoại.

Dân gian có câu:

Trâu bò được ngày phá đỗ

Con cháu được ngày giỗ ông.

Câu ca trên cũng đã nói lên điều đó. Đây là dịp để mọi người trong gia đình, họ tộc gặp nhau, thăm viếng sức khoẻ và cố kết cộng đồng, gia đình, dòng họ.

Tùy phong tục của từng địa phương, từng dân tộc, từng gia cảnh mà việc tổ chức ngày giỗ có khác nhau. Điều quan trọng là nhân ngày này, thế hệ con cháu tưởng nhớ đến người đã khuất, thể hiện lòng thành với vong linh tổ tiên. Nếu như nén hương, chén nước, đĩa muối, lưng canh mà thành tâm thì cũng giữ được đạo hiếu và lòng biết ơn tổ tiên.

Cúng giỗ người đã khuất cốt thể hiện lòng "nhân", đạo "hiếu", tấc dạ "thủy chung" của những người đang sống. Đấy cũng là nét đạo lý làm người trong truyền thống văn hoá Việt Nam.

Nhân nói phần này, tôi xin giới thiệu một bài văn khấn (mang tính chất mẫu) để người đọc tham khảo.

Văn khấn tổ tiên ngày giỗ:

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Tổ tiên nội, ngoại!

Hôm nay là ngày ...... tháng .... năm ....(âm lịch).

Chính ngày (tiểu tường, đại tường, cát kỵ) của ....

Thiết nghĩ vắng xa trần thế, không thấy âm dung.

Năm qua tháng lại, vừa ngày huý lâm.

Ơn võng cực xem bằng trời biển,

Nghĩa sinh thành không lúc nào quên

Càng nhớ công ơn, gây cơ tạo nghiệp

Càng cảm thâm tình, khôn bề giãi tỏ

Nhân ngày chính giỗ

Chúng con và toàn gia con cháu

Nhất tâm sắm sửa lễ vật kính dâng

Đốt nén tâm hương giải tỏ tấc thành..

Thành khẩn kính mời ....

Mất ngày .... tháng .... năm................(âm lịch).

Phần mộ táng tại..................................

Cúi xin chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Độ cho con cháu bình an,

Gia cảnh hưng long thịnh vượng.

Con lại kính xin: Các cụ tổ tiên nội, ngoại:

Tổ khảo, tổ tỷ, bá thúc, cô dì và toàn thể hương linh

Gia tiên đồng lai hâm hưởng.

Tín chủ con lại xin kính mời:

Ngài Thổ Công, Táo Quân đồng lai thượng hưởng.

Cẩn cáo.

2. Cải táng

Cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ thường có tập quán mai táng hai lần: Thời kỳ chôn cất lúc đầu được gọi là hung táng - người chết chôn tạm thời ở nghĩa trang (có nơi còn gọi là ký táng), sau ba hoặc bốn năm cải táng, đưa lên nghĩa trang vĩnh viễn - ta gọi là bốc mộ (cát táng).

Khi nhập quan, người ta thường lót ở đáy quan tài một tấm ni lông (hoặc loại vải nào khác không mục nát trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm, chuẩn bị thêm 4 tất ni lông hoặc túi vải ni lông để bọc hai bàn tay và hai bàn chân, nhằm khi bốc mộ, các đốt xương tay, xương chân không lẫn với bùn đất khác, mà vẫn nằm gọn trong túi.

Tục cải táng có nhiều nguyên nhân, song có một nguyên nhân tâm lý là người ta tin rằng cái huyết mạch của tổ tiên và con cháu có quan hệ với nhau. Hễ hài cốt tổ tiên có ấm, thì con cháu mới mát mặt, nếu hài cốt không yên thì con cháu cũng không yên ổn.

Thông thường gia chủ phải chọn ngày, giờ cải táng cho hợp với mùa, với thời tiết và với nhu cầu của gia đình. Nhân dân vùng đồng bằng Bắc Bộ có thói quen cải táng vào mùa đông (từ tiểu hàn đến đại hàn).

Giờ giấc cải táng (bốc mộ) chỉ nên làm vào sáng sớm và được tính toán rất chi tiết, làm sao phải hoàn tất trước khi sáng rõ mặt người. (Theo quan niệm dân gian Việt Nam: khi còn trời tối ở dương gian, là ban ngày ở âm phủ. Mặt khác, theo sự hiểu biết của chúng tôi, nhân dân ta tránh làm công việc này vào ban ngày cũng là để giữ vệ sinh chung, và cũng không muốn để mọi người chung quanh trông thấy mình đang làm một công việc hệ trọng và thiêng liêng).

Mọi người làm nhiệm vụ bốc mộ đều phải đeo khẩu trang, rửa tay bằng rượu, nước ngũ vị (nếu dùng găng tay cao su thì càng tốt). Những người tham dự bốc mộ chỉ nên đứng đầu gió để tránh ô nhiễm.

Thông thường trước hôm cải táng, gia chủ phải làm lễ cáo yết tổ tiên. Đêm hôm cải táng phải làm lễ khấn Thổ công nơi để mả mới táng. Toàn bộ hài cốt thu được trong quan tài phải rửa thật cẩn thận bằng nước ngũ vị

(hoặc rửa bằng rượu), xương sọ được rửa kỹ hơn, nhất là hai hốc mắt. (Nhiều người quan niệm rằng: có rửa sạch hai hốc mắt thì con cháu được "phù hộ" làm ăn tinh tường (?)). Rồi tất cả được lau khô bằng giấy bản và xếp vào tiểu sành theo đúng vị trí cấu trúc của cơ thể thu nhỏ. Xương sọ được xếp ngay ngắn, đệm bằng những xương nhỏ cho chặt, đảm bảo xương quai hàm dưới ở tư thế như được gắn liền. Các xương chân tay được xếp ở hai bên (xương bên phải được xếp ở bên phải, xương bên trái được xếp ở bên trái). Tất cả các xương khác xếp giữa. Sau đó trải các xương sườn úp xuống thành hai hàng bên phải và bên trái. Tất nhiên, trước khi xếp hài cốt, cần phải lót giấy màu hoặc vải vào trong tiểu sành và hai bên thành tiểu, rồi phủ vải hoặc giấy lên trên. Xong, đậy nắp tiểu bằng những viên gạch đặt nằm ngang một lượt (gạch này được chọn lựa rất cẩn thận - gạch được nung đúng độ lửa, phẳng phiu, độ dày mỏng đều đặn).

Sau khi cải táng, hài cốt được chôn vĩnh viễn. Lúc này có thể xây mộ cẩn thận để tránh xói mòn, sụt lở do mưa nắng. Kiểu dáng ngôi mộ được xây tùy theo thị hiếu và thiết kế của từng gia đình, nhưng không nên quá cầu kỳ, tốn kém, hoặc quá lớn làm ảnh hưởng đến quy hoạch chung của nghĩa trang.

Theo cổ tục và cho đến nay nhiều người vẫn tin là có những trường hợp người ta cho rằng "mả kết" không nên cải táng (thuật ngữ xưa gọi là tường thụy) tức là mả phát - tốt đẹp. Thông thường "mả kết" là người ta căn cứ vào một số hiện tượng sau đây:

- Thấy có con rắn vàng sống ở mả hoặc có khí vật gì, chứng tỏ đất nơi đây thịnh, mả kết nên rắn hoặc khí vật mới ở trong đó (long xà khí vật).

- Khi mở nắp quan tài thấy dây leo tơ hồng quấn quýt ở chỗ áo quan, hoặc có những giọt nước trắng như sữa ở bên ngoài hoặc trong áo quan. Những giọt nước này hơi ấm. Mả như vậy có sinh khí và đã kết.

- Một hơi ấm tiết ra ở mộ, trong huyệt lại khô ráo.

- Những xương cốt dính liền vào nhau kết thành tượng ...

- Mặc dù mộ nằm dưới đất trũng, đất ruộng, nhưng mả tự nhiên được

bồi đất lớn ra, như vậy là mả phát, gia đình con cháu làm ăn phát đạt, giàu có hay đỗ đạt.

Khi bốc mộ mà gặp những trường hợp trên thì người ta làm thủ tục lấp ngay và có cúng kiếng chu đáo. Chúng tôi nghĩ rằng, đây là những trường hợp rất hiếm hoi, thật khó có loại mộ có đủ yếu tố này. Nhưng đó là niềm tin của dân chúng, vả lại cũng chưa ai giải thích được về mặt khoa học, xin nêu ra đây để chúng ta cùng nghiên cứu mà thôi.

Một số địa phương, trong những năm gần đây, có những họ tộc lại quy mộ các cụ nhiều đời vào một ngôi mộ lớn, rồi xây thành nhà mồ. Việc đó rất tốt, vừa đỡ được diện tích đất, vừa tập trung vào một khu vực, thuận tiện cho những lúc đi thăm mộ trong những ngày giỗ, tết...

Những nơi không có tập quán mai táng hai lần, thì đào sâu chôn chặt một lần cũng là hợp lẽ. Trường hợp này phải làm rất cẩn thận. Thường thì trong quan, ngoài quách. Nếu không làm quách có sẵn, thì dùng xi măng cốt sắt kiên cố.

Dù đào sâu chôn chặt, hoặc cải táng thì bao giờ nơi mộ cũng phải để lỗ thông thoáng (người ta thường gọi là lỗ thông thiên). Cần lưu ý là lỗ thông thoáng có thể trên nắp mộ hoặc bên hông phía trên thành mộ, nhưng phải có lưới sắt bảo vệ, tránh chuột hoặc rắn rết chui vào.

Tuy nhiên, cách cải táng như đã nói ở trên, không đảm bảo vệ sinh môi trường, có hại đến sức khoẻ của những người trực tiếp bốc mộ. Ngay cách mai táng một lần (đào sâu chôn chặt) cũng gây ô nhiễm trực tiếp tới các mạch nước ngầm.

Tại Hà Nội, khi xét nghiệm các mẫu nước ở các giếng khoan cách nghĩa trang Văn Điển 8km về phía Tây Bắc, nhằm lấy nước phục vụ cho các nhà máy khu vực phía Nam thành phố, người ta thấy nước ở đây bị nhiễm mỡ người nặng, không thể dùng nước này cho sinh hoạt được. Đó là chưa nói đến cảnh mùa mưa, sự ô nhiễm càng lớn.

Xu hướng chung của mọi quốc gia, mọi dân tộc văn minh trên thế giới là thực hiện hoả táng hoặc điện táng - đó là hình thức mai táng khoa học,

văn minh, vệ sinh và lợi ích nhất.

Trong khi chuẩn bị tiến tới hình thành tập quán mới về "hoả táng, điện táng", chúng ta vẫn còn phải duy trì tập quán mai táng như đã nói ở trên thêm một thời gian nữa. Vì vậy, việc hoàn thiện lễ tang truyền thống của dân tộc Việt ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ là việc làm có ý nghĩa tích cực trong xã hội ngày nay.

Chương 2

VĂN KHẤN TRUYỀN THỐNG

I. MẪU ĐIẾU VĂN VÀ NHỮNG BÀI VĂN CÚNG CÁC TUẦN TIẾT TRONG VIỆC TANG LỄ

1. Hai bài điếu văn để tham khảo

Bài 1. Điếu văn cho một cán bộ, một công chức

Kính thưa các quý vị!

Kính thưa các Cụ, các Ông, các Bà, các Cô, các Anh, các Chị.

Kính thưa các thầy giáo, cô giáo.

Kính thưa gia đình tang quyến!

Thầy giáo Hoàng Hữu Xứng kính yêu của chúng ta không còn nữa. Mặc dầu đã được các thầy thuốc, gia đình, người thân hết lòng chăm sóc, cứu chữa, nhưng vì bệnh trọng, tuổi cao sức yếu, thầy Hoàng Hữu Xứng đã vĩnh biệt chúng ta vào hồi 19h55 ngày 02 tháng 03 năm 2006, tức ngày 3 tháng 2 năm Bính Tuất, để lại cho chúng ta niềm tiếc thương vô hạn.

Thầy Hoàng Hữu Xứng sinh ngày 8/4/1919 tại thôn Minh Lễ, xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình trong một gia đình nhà nho yêu nước. Ngay từ thuở nhỏ anh học trò Hoàng Hữu Xứng đã là người hiếu học và là người con hiếu thảo. Học xong tiểu học, cha lâm bệnh nặng, anh phải ở lại nhà chăm sóc cha, giữ trọn chữ hiếu đạo làm con. Ba năm sau cha mất, anh mới rời quê vào học trường Quốc học Huế. Học xong, anh làm thư ký ở Tòa sứ Quy Nhơn, Bình Định.

Thầy giáo Hoàng Hữu Xứng tham gia cách mạng từ thời tiền khởi

nghĩa, làm công tác thông tin tuyên truyền cho Mặt trận Việt Minh, viết báo bằng tiếng Việt và tiếng Pháp cho tờ "Đại chúng", tờ "Francais An Nam" và tờ "La Gazette de Huê". Sau Cách mạng Tháng Tám, ông được gặp Bác Hồ và viết báo đăng trên tờ "Đại chúng" của Hội Văn hóa cứu quốc Trung Bộ và Thừa Thiên dưới bút danh Thần Quang.

Trong kháng chiến chống Pháp, ông đảm nhận nhiều chức vụ khác nhau:

- Từ tháng 8/1945: Cán bộ Sở Tuyên truyền Trung Bộ, phụ trách tờ báo "Quyết chiến".

- Từ tháng 1/1946 đến tháng 2/1947: Phó Trưởng ty Bình dân học vụ Thừa Thiên.

- Từ tháng 2/1947 đến tháng 9/1947: Trưởng ban Bình dân học vụ huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Từ tháng 10/1947 đến tháng 9/1949: Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng-Bình.

- Từ tháng 10/1949, ông chuyển sang làm nghề dạy học và đảm nhận chức vụ Hiệu trưởng trường cấp II các huyện Tuyên Hóa, Lệ Thủy, Quảng Ninh, thị xã Đồng Hới và là đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài công tác chính quyền, thầy Hoàng Hữu Xứng còn tích cực tham gia công tác đoàn thể.

- Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn giáo dục tỉnh Quảng Bình.

- Ủy viên Ban chấp hành giáo dục Liên khu IV.

- Ủy viên Ban chấp hành Liên hiệp Công đoàn tỉnh Quảng Bình.

Năm 1961, thầy giáo Hoàng Hữu Xứng được cử đi học tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, sau khi tốt nghiệp, thầy được giữ lại làm cán bộ giảng dạy tại khoa Tâm lý giáo dục của trường.

Năm 1957, Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội được thành lập, thầy Hoàng Hữu Xứng chuyển về công tác tại trường và giữ chức vụ Chủ nhiệm bộ môn Tâm lý giáo dục.

Là nhà giáo, nhà nghiên cứu và dịch thuật, thông thạo nhiều ngoại ngữ: Nga, Trung, Anh, Pháp, thầy họàng Hữu Xứng còn là một nhà thư pháp có tên tuổi.

Sau khi về hưu năm 1979, thầy được cử đi làm chuyên gia giáo dục tại nước bạn Cam-pu-chia gần 3 năm.

Tuy đã nghỉ hưu, thầy vẫn tích cực tham gia công tác xã hội:

Chủ tịch UBMTTQ thị trấn Cầu Diễn và trị trấn Mai Dịch.

Hội thẩm nhân dân tòa án quận Cầu Giấy, tham gia thành lập CLB người cao tuổi phường Mai Dịch và nhiều công tác khác.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp gian khổ cũng như những năm kháng chiến chống Mỹ gay go ác liệt, dù phải sơ tán nhiều nơi, qua nhiều địa phương khác nhau, nhưng với một trái tim đầy nhiệt huyết, yêu người, yêu nghề, thầy Hoàng Hữu Xứng luôn một lòng một dạ vì cách mạng. Là một cán bộ quản lý gương mẫu, trong sáng, biết hy sinh cho sự nghiệp giáo dục của Đảng, của nhân dân.

Ghi nhận công lao, thành tích trong công tác quản lý và giảng dạy của thầy, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng thầy giáo Hoàng Hữu Xứng:

- Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng ba.
- Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất.
- Huân chương hữu nghị của Nhà nước Cam-pu-chia.
- Huy chương "Vì sự nghiệp giáo dục".
- Huy chương "Vì sự nghiệp Đại đoàn kết dân tộc".

Nhiều năm gắn bó với sự nghiệp giáo dục, thầy Hoàng Hữu Xứng đã hun đúc và rèn luyện phẩm chất, đạo đức cao đẹp của một cán bộ quản lý có uy tín, gương mẫu, tận tâm, tận tụy trong sự nghiệp trồng người, góp phần đào tạo nhiều cán bộ giáo viên giỏi, nhiều cán bộ khoa học tài năng cho đất nước.

Là người nhiều năm làm công tác giảng dạy, cán bộ quản lý ở nhiều địa phương, cơ quan, trường học, ở đâu thầy Hoàng Hữu Xứng cũng được đồng nghiệp, các thế hệ học sinh, sinh viên yêu quý, được bà con khối phố nơi

thầy nhiều năm gắn bó, tin yêu, kính trọng. Gia đình thầy là gia đình nhà giáo mẫu mực, gia đình liệt sĩ có công với cách mạng, gia đình hiếu học.

Đối với gia đình và quê hương: Thầy Hoàng Hữu Xứng là tấm gương sáng cho con cháu noi theo. Đó là tấm gương của sự nỗ lực vượt khó vươn lên, tấm gương về đối nhân xử thế tốt với mọi người. Thầy luôn dạy con cháu trong dòng tộc giữ gìn đạo đức gia phong, phải có trách nhiệm đóng góp cho quê hương. Bút tích của thầy vẫn được lưu giữ trang trọng tại đình làng, nhà thờ dòng họ và nhiều nơi khác ở Minh Lễ quê hương.

Thầy Hoàng Hữu Xứng mất đi, gia đình mất đi một người anh gương mẫu, cô giáo Tôn Nữ Thị Nếp mất đi một người chồng thủy chung chia sẻ ngọt bùi, các con mất đi một người cha hiền từ, hết mực thương yêu con cái, các cháu chắt nội ngoại mất đi một người ông đôn hậu, đồng nghiệp mất đi một người bạn thân thiết, các thế hệ học trò của thầy mất đi một người thầy tận tâm, đức độ.

Thầy Xứng ơi!

Hôm nay, tất cả chúng tôi, những đồng nghiệp, các thế hệ học sinh, sinh viên của thầy cùng gia đình, bà con họ hàng nội ngoại, thân bằng cố hữu và bà con khối phố tập trung về đây để tiễn biệt thầy. Vĩnh biệt thầy Hoàng Hữu Xứng.

Xin thầy hãy yên giấc ngàn thu. Dẫu biết rằng sinh tử là quy luật của tạo hóa, nhưng lòng chúng ta ai cũng nghẹn ngào, xúc động.

Xin mọi người dành một phút mặc niệm để tiễn biệt thầy Hoàng Hữu Xứng về nơi an nghỉ cuối cùng.

Phút mặc niệm bắt đầu!

Bài 2. Điếu văn cho một công dân bình thường

Kính thưa các quý vị!

Kính thưa bà con cô bác cùng gia đình tang quyến!

Hôm nay ngày 5 tháng 12 năm 2004 (tức ngày 24 tháng 10 Giáp thân).

Tại gia đình ông Trương Công Thể phố Nam Ngạn 3, phường Nam

Ngạn, thành phố Thanh Hóa gồm: Chính quyền khối phố, các ban ngành, đoàn thể, mặt trận Tổ quốc cùng gia đình thành lập Ban lễ tang cụ Lê Thị Thẹ - mẹ của liệt sĩ Trương Văn Tân.

Trong buổi lễ hôm nay có mặt đầy đủ con trai, con gái, con dâu, con rể, cháu chắt nội ngoại, họ hàng thân tộc, bạn bè gần xa của cụ ông, cụ bà và các con, các gia đình thông gia, cô bác, chú dì, các đoàn thể và bà con xóm phố Nam Ngạn làm lễ tiễn đưa cụ bà Lê Thị Thẹ về an nghỉ cuối cùng. Cụ bà Lê Thị Thẹ sinh năm 1913. Sau một thời gian lâm bệnh, mặc dù đã được các thầy thuốc tận tình cứu chữa, các con cháu chăm sóc nuôi dưỡng, nâng giấc sớm chiều. Nhưng vì tuổi cao, sức yếu không qua khỏi, cụ đã tạ thế hồi 12h05 phút ngày 4 tháng 12 năm 2004 (tức ngày 23/10 năm Giáp Thân), hưởng thọ 91 tuổi.

Cụ bà Lê Thị Thẹ sinh trong một gia đình nông dân nghèo, dưới thời phong kiến, đế quốc. Cuộc đời một nông dận trong cảnh lầm than, nô lệ, đói nghèo, lao động cực nhọc, cày thuê cuốc mướn, chạy chợ quanh năm mà vẫn trong cảnh cơ hàn túng bấn, trong cảnh chung của người dân mất nước.

Cách mạng tháng Tám thành công, cuộc đời bừng sáng, giải phóng ách nô lệ lầm than, cụ ông, cụ bà tần tảo chắt chiu xây dựng được ngôi nhà đơn sơ mộc mạc. Các cụ ông, cụ bà tham gia dân công tiếp vận phục vụ kháng chiến, tham gia công tác địa phương xây dựng và bảo vệ xóm làng. Đời sống ngày một ấm no, nuôi con ăn học, tham gia đoàn thể, đóng góp xây dựng xã hội trọn vẹn.

Cụ sinh được 6 người con: 4 trai, 2 gái, đều được ăn học trưởng thành, trong số đó đã có 3 người tham gia quân ngũ, số còn lại là cán bộ nhà nước, có vị trí xã hội, có tín nhiệm với đoàn thể và nhân dân.

Thời kháng chiến chống Mỹ, các con gái đã tham gia dân quân trực chiến bảo vệ quê hương. Theo tiếng gọi của Đảng, anh Trương Văn Tân vào bộ đội chiến đấu ở chiến trường B và đã anh dũng hy sinh vì Tổ quốc.

Cụ có 6 cháu nội, 5 cháu ngoại cũng đã khôn lớn, hầu hết đã tốt nghiệp Đại học và trên đại học và thành đạt trong công tác. 2 cháu nội, 3 chắt

ngoại khỏe mạnh, chăm chỉ học hành. Một nhà - tứ đại đồng cư - hạnh phúc đề huề nhờ ơn Đảng, nhờ công đức của bà tích góp: xứng đáng bà mẹ liệt sĩ Việt Nam anh hùng - trung hậu - đảm đang.

Thương ơi!

Nhân sinh tại thế.

Họa mấy người sống được chín mười mươi.

Cụ đã sống 91 tuổi trời

Cây đại thọ nay cụ về tiên giới

Vận với số biết làm sao tránh khỏi

Cụ ra đi thương nhớ lắm cụ ơi!

Gió thổi nhà thung

Mây che gốc tử

Bóng hình vắng vẻ - bão xô cây, nghĩ lại ngậm ngùi thương.

Âm dương đôi ngả - mây phủ núi trông càng đau đớn nhẽ.

Hồn phách đi đâu - mà hình hài còn đó.

Mộng nam kha chưa tỉnh lúc tàn canh.

Miền Tây trúc đã tìm nơi tinh thổ

Ngậm ngùi chưa kịp hỏi đôi đường

Bỗng chốc đã về nơi thiên cổ.

Nhớ hồn thuở trước - trong buổi xuân xanh

Ơn sinh thành ngày đêm dạy dỗ

Tứ đại đồng cư đều hạnh phúc.

Chiến đấu cho đời, cấy cày cực nhọc

Lao động quên mình - hy sinh chịu đựng.

Mẹ liệt sĩ - niềm vinh quang Tổ quốc.

Nhưng lòng già đau xót - hành động anh hùng mẹ cố vượt lên.

Nếp cần kiệm - gìn giữ sớm hôm,

Hiền dịu, khiêm nhường, đảm đang, hòa thuận.

Trên kính dưới nhường, yêu thương bầu bạn.

Nay cụ đã vội rẽ đường, để lại các con thiếu người giường cột.

Để lại nhớ thương họ hàng thân thuộc

Từ nay lấy ai chăm sóc ngõ cúc, tường đào.

Từ nay quạnh bóng ra vào gốc nam cành bắc

Ngày sáu khắc, đêm vắng năm canh,

Tưởng phất phơ thoáng hiện ngoài mành.

Thường thấp thoáng bóng hình trên khói.

Hiên mai bóng rọi vào ngẩn ra ngơ.

Hết đợi thôi chờ - mây nồng gió lạnh

Ai hay số phận.

Bùi ngùi cám cảnh, tuôn rơi hàng nước mắt đầm đầm.

Nhớ nơi ăn chốn ở giường nằm.

Như xé ruột, xát lòng các con trên trần thế.

Thương ôi!

Mấy dòng kể lể, chiêu hồn về than thở nguồn cơn.

Cầu anh linh phù hộ con cháu,

Cầu Thần Phật độ trì cho linh hồn siêu thoát.

Ô hô thượng hưởng - Ngàn thu vĩnh biệt cụ.

Để tưởng nhớ linh hồn mẹ liệt sĩ - Một phút mặc niệm bắt đầu.

2. Một số bài khấn nôm trong việc tang lễ

Bài 1 - Văn khấn lễ tại nghĩa trang (nơi chôn cất mộ).

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

Hoàng thiên Hậu Thổ, chư vị Tôn thần.

Các ngài Thần linh bản xứ cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay là ngày.... tháng......năm........(âm lịch)

Tín chủ con là........

Ngụ tại......

Thành tâm sửa biện: hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày ra trước án, kính mời chư vị Tôn thần về chứng giám.

Chúng con xin ký táng ngôi mộ của..........

tại xứ này, chúng con xin kính cáo các đấng Thần linh, Thổ công, Long mạch và các Liệt vị Tôn thần cai quản ở trong khu vực này.

Thiết nghĩ: Tôn thần thông minh chính trực, đức lớn, công lao, nhân từ hiếu sinh, hộ nhân giúp vật. Nay xin thương xót tín chủ chúng con, tới đây chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho vong linh được an nhàn, yên ổn, siêu thoát.

Lại phù hộ cho chúng con toàn gia mạnh khỏe, an khang, bốn mùa thịnh vượng, khiến cho tất cả đều được thấm nhuần, tắm gội ánh quang của chư vị phúc thần.

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Bài 2 - Bài văn khấn tại miếu thần linh nghĩa địa

Hôm nay là ngày....... tháng....... năm......

Tín chủ là: .... đồng gia quyến hiện ở tại thôn................xã (phường)...................huyện.................tỉnh (thành phố) ....

Kính lạy: Chư vị Thần linh Thổ địa, Long mạch chính thần.

Hiện có mộ phần Chân linh................(là cố phụ, cố mẫu.....)

Táng tại bản xứ.......................

Nay tín chủ thiết kêu thiết cầu, mong chư vị lai lâm giám chiếu.

Độ cho vong linh an nhàn yên ổn, siêu thoát u đồ.

Gia ân cho tín chủ chúng con bình an, mạnh khỏe.

Gọi là có chút lễ mọn, bày tỏ tấc thành

Cẩm cung cáo vu, kính xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Đọc xong vái bốn vái. Khi sắp tàn nhang thì vái tạ, đốt tiền, vàng và cả sớ tấu (văn khấn) nếu có.

Trong những năm gần đây nhiều địa phương, nhiều dòng họ đã quy tụ được mộ phần vào chung một khu vực tại nghĩa địa, lại xây dựng cả lễ đài, tường bao, đường ra vào, trang trí cây cảnh cho khu vực lăng mộ dòng họ nhà mình, nên việc bảo tồn cũng như thăm viếng rất thuận lợi.

Những trường hợp như thế này, đứng trước lăng mộ Tổ tiên người ta thường khấn bái văn riêng sau đây:

Bài 3 - Bài văn khấn tại khu lăng mộ

Thắp hương xong, vái 4 vái rồi đọc:

Nhân tiết Thanh minh năm ....

Hôm nay là ngày .... tháng........ năm....................................

Tử tôn trong họ tộc gồm..

Hiện ngụ tại..

Đứng trước phần mộ Tổ tiên gồm có..............hiện táng tại.............

Kính mong các đấng Thần linh, Thổ phủ, Long mạch, Tiền Chu tước, Hậu Huyền vũ, Tả Thanh long, Hữu Bạch hổ.

Cùng liệt vị Tôn thần cai quản bản địa.

Cúi lạy, xin được gia ân, gia hộ cho mồ mả bình yên.

Nhân tiết Thanh minh, toàn họ tộc nghiêng mình kính cẩn (vái bốn vái).

Kính lạy chư vị Tổ Tiên............(gồm những vị nào)

Đứng trước phần mộ, con cháu gần xa, lễ bạc tâm thành, nhất tâm bái thỉnh.

Kính mong chư vị, lai đáo dương cơ, giám cách giáng lâm nạp thụ lễ vật.

Ban tài ban lộc, bồi đắp hậu sinh.

Tống ách khai hanh, phục duy thượng hưởng.

Bài 4 - Bài văn khấn vong linh ngoài mộ

(dùng trong các ngày tảo mộ, sửa mộ, xây đắp mộ)

Nam mô A Di Đà Phật!(3 lần).

Kính lạy hương linh...

Hôm nay là ngày.........tháng..........năm........................(âm lịch)

Chúng con là...

Nhân tiết Thanh minh, chúng con và toàn thể gia đình con cháu, nhờ công ơn đức cao dầy, gây dựng cơ nghiệp của ....

Chạnh lòng nghĩ đến âm phần ở nơi hoang vắng, thành tâm sửa biện: hương hoa, lễ vật và các thứ cúng dâng, cáo yết tôn thần xin sửa sang phần mộ cho thêm vững chắc.

Nhờ ơn Phật, Thánh phù trì, đội đức trời che đất chở, cảm niệm thần linh phù độ, khiến cho được chữ bình an, âm phù dương trợ.

Con cháu xin vì hương linh, phát nguyện tích đức tu nhân, lấy phúc này hướng về tiên tổ.

Cúi xin linh thiêng chứng giám, thụ hưởng lễ vật, phù hộ độ trì con cháu: che tai cứu nạn, ban tài tiếp lộc, điềm lành mang đến, điềm giữ xua đi. Độ cho gia đạo hưng long, cháu con vui hưởng lộc trời, già trẻ nhuần ơn Phật Thánh.

Giải tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Bài 5 - Bài văn khấn trong dịp cúng ba ngày (còn gọi là tế ngu).

Hôm nay là ngày........tháng.........năm......................................

Nhân dịp tế ngu (cúng ba ngày) chúng con kính sửa trầu rượu cụ soạn mọi vật dâng lên trước linh tọa khóc mà than rằng:

Than ơi!

Vật đổi sao rời, mây bay, trăng khuyết

Khá trách thay tạo hóa đa đoan, chi đến nỗi đàn con đau đớn.

Nhớ cha (mẹ) xưa tính nết thảo hiền, dưới nhường trên kính,

Ngoài làng trong họ, kẻ mến người yêu,

Tưởng cảnh tượng đoàn viên,

Trời cho sống tròn tám chín mười mươi tuổi;

Để đền công ơn ba năm bú mớm, sẻ ngọt chia bùi một nhà sum họp.

Trời cho sống đủ ba vạn sáu ngàn ngày,

Để đền ơn chín tháng cưu mang, đẻ đau mang nặng.

Thương ơi! Tóc tơ chưa báo, công đức chưa đền,

Bỗng đâu một phút hơi tàn, âm cung Hạ cách muôn năm giấc mộng;

Chia Bắc rẽ Nam, đành rằng phách lạc bơ vơ;

Tàng hiểm đã yên một giấc,

Hồn bay phảng phất, biết đâu mà về.

Dẫu khóc vắn, than dài, tìm đâu cho thấy;

Dẫu tối kêu sớm gọi, khôn nỗi dò la.

Thôi thì thôi! Hơn một ngày không ở, kém một ngày không đi;

Không còn sớm tối trông nom, khuyên răn lũ cháu.

Sống mỗi người một nết, chết mỗi người một chứng;

Không còn người ngày đêm dạy bảo, săn sóc đàn con.

Nay sơ ngu tế (tái, tam ngu tế) dâng chút lòng thành

Đĩa muối, lưng cơm, chén canh, đài rượu.

Công đức cao dày; trên linh tọa chứng tình chay nhạt;

Khóc than kể lể, dưới suối vàng thỏa chí vẫy vùng.

Cẩn cáo.

Bài 6 - Bài văn cúng trong dịp 49 ngày hoặc 100 ngày

Hôm nay, ngày........ tháng.......năm.........

Nhân tuần chung thất (hoặc 100 ngày)

Chúng con và toàn gia kính sửa trầu rượu, cỗ bàn mọi vật dâng lên cha (mẹ).

Than ôi!

Thân phụ (mẫu) đi đâu, vội vàng chi mấy;

Trời cao có thấy, thảm thiết muôn phần thương thay!

Người đời giấc mộng, hình ảnh phù vân;

Ngày tựa chim bay, tiết vừa bốn chín (hoặc trăm ngày);

Thoi đưa thấm thoát nay đã bảy tuần (hoặc trăm ngày).

Cây lặng gió lay, khóc làm sao được;

Lưng cơm đĩa muối, gọi chút đền ân.

Cẩn cáo.

Bài 7 - Văn tế tiểu tường, đại tường (giỗ đầu, giỗ đoạn)

Hôm nay là ngày........ tháng.......năm...........

Chúng con cùng cả họ, nhân ngày tiểu tường (đại tường) kính dâng chay nhạt;

Trước linh tọa khóc mà than rằng:

Than ôi!

Mây giăng, gió giữ làm chi sớm độc địa hỡi trời!

Hơn một ngày không ở. Đành rằng tử sinh có mệnh, kém một ngày không đi.

Nhớ những lúc một nhà sum họp; cha trước, mẹ sau.

Bỗng từ đâu hai ngả chia phôi, kẻ còn người khuất.

Thương ôi!

Công đức chưa đền, đau đớn như chứa chan giọt lệ.

Âm cung xa cách. Xót xa thay bối rối ruột tằm.

Tính đốt ngón tay, kể tháng đã hai năm (13 tháng);

Tiểu tường tế duyên, chưa khô hàng lệ.

Tính ngày vừa ba trăm sáu mốt ngày, giỗ đầu diện lễ. (Nếu đại tường thì đổi hai câu này: Tính đốt ngón tay đã bảy trăm hai mươi mốt ngày - là tuần giỗ đoạn)

Chay nhạt dâng lên;

Dưới chín suối cha (mẹ) già chứng giám;

Khóc than kể lể: trước linh sàng con trẻ khấu đầu; cúi xin hâm hưởng.

Cẩn cáo.

Bài 8 - Văn tế trừ bỏ tang phục (Đàm tế)

Hôm nay là ngày........ tháng.......năm............

Con là.................... (tự tử - con thờ tự) cùng cả họ nhân dịp tuần Đàm tế, kính sửa lễ bạc cùng mọi thứ lễ vật, dâng lên hương hồn cha (mẹ) mà rằng:

Than ôi!

Thân phụ (mẫu) đi đâu, cõi trần vắng mặt, trời cao có thấu;

Mỏi mắt trông chờ, giọt lệ chứa chan.

Kể từ khi cưỡi hạc linh lên cõi thần;

Kể tháng đã ba năm hai mươi sáu tháng, qua tiết đại tường.

Kể từ lúc bóng câu qua cửa sổ;

Tính ngày vừa bảy trăm tám mươi ngày; là tuần Đàm tế.

Thôi từ đây, tang sự hết rồi. Lễ hung thành cát.

Đạo con phụng sự. Lòng hiếu tâm thành.

Trên linh tọa một tuần chay nhạt;

Dưới suối vàng cha (mẹ) hãy chứng tình.

Cẩn cáo.

Bài 9 - Bài văn tế cải táng (bốc mộ)

Than ôi!

Cha (mẹ) bỏ cõi trần, tiếng thơm còn lại;

Sự cửa nhà thuở vẫn được yên, nhưng ngôi mộ còn chưa phù hợp.

Nay tìm đất tốt, xin rời sang; yên ổn nắm xương.

Tâm sửa lễ nghi, xin chứng lấy tâm thành;

Từ nay được chỗ, cầu hồn phách tam yên.

Không ngại về sau; cháu con vui vẻ;

Cẩn cáo.

Bài 10 - Bài văn khấn tạ mộ

(nhân dịp Thanh minh hoặc dịp thăm mộ)

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy: ....

- Hoàng thiên Hậu thổ, chư vị Tôn thần.

- Các ngài Thần linh bản xứ cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay là ngày........ tháng.......năm............

Tín chủ chúng con là......................................

Ngụ tại:........................ ....

Nhân tiết Thanh minh (hoặc con có dịp về thăm phần mộ)

Thành Hoàng bản thổ nơi đây

Đất lành chim đậu, đất dày thanh cao

Gửi lành họa phúc công lao

Có kết, có phát nhờ vào thần quan

Tôn thần Long mạch cao sang

Nhị thập tứ hướng - Nhị thập tứ sơn quanh vùng

Chọn đây an táng mộ phần

Thỏa yên muôn thuở, hồng ân đời đời.

Gia ân mãi mãi không thôi

Chúng con xin có vài lời cầu xin

Bái tạ thủ một thần quan

Cho chân linh dưỡng, cho hài cốt nguyên vẹn toàn

Phù hộ con cháu trần gian

An khang mạnh khỏe, ăn làm gặp may.

Sông có nước, rừng có cây

Nhớ ngày giỗ tết hương bay ngạt ngào

Lòng thành lễ mọn thỉnh chào

Tùy theo ngôi thứ thấp cao tôn thờ

Nay nhân ngày...

Họ tên (vợ, chồng, con, cháu)............ địa-chỉ....................

Đẳng kỳ vong linh: Họ tên người chết..................................

Phần mộ ký táng tại..

Cung thỉnh thần linh chấp kỳ lễ bạc

Chứng minh công đức.

(Khấn vái 3 lần rồi đốt vàng, tiền)

Bài 11 - Văn khấn lễ tạ mộ vào ngày 30 tết

(còn gọi là lễ chạp)

Nam Mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Ngài Kim niên Đương cai Thái tuế Chí đức Tôn thần, Kim niên hành binh, Công tào Phán quan.

- Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại vương.

- Ngài Bản xứ thần linh Thổ địa Tôn thần.

- Các ngài Ngũ phương, Ngũ thổ long mạch, Tôn thần, Tiền Chu tước, hậu Huyền vũ, tả Thanh long, hữu Bạch hổ cùng liệt vị Tôn thần cai quản ở trong xứ này.

Kính lạy hương linh cụ..............................

Hôm nay là ngày 30 tháng chạp, nhằm tiết cuối đông, sắp sang năm mới.

Chúng con là: ....

Sắm sanh phẩm vật, hương hoa, phù tửu, lễ nghi, trình cáo Tôn thần, kính rước vong linh bản gia tiên tổ chúng con là...........

Có phần mộ tại đây về với gia đình mừng năm mới, để cho con cháu phụng sự trong tiết xuân thiên, báo đáp ân thâm, tỏ lòng hiếu kính.

Cúi xin Tôn thần, phủ thùy doãn hứa.

Âm dương cách trở, bát nước nén hương, biểu tấm lòng thành;

Cẩn cáo.

Bài 12 - Văn khấn thần linh ngày rằm tháng bảy - xá tội vong nhân (tại nhà)

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát;

- Đức Mục Kiền Liên Tôn giả.

Hôm nay là ngày rằm tháng bảy năm..............

Tín chủ con là: ....

Ngụ tại....................

Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật và các thứ cúng dâng bày lên trước án.

Chúng con thành tâm kính mời:

- Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát;

- Ngài Mục Kiều Liên Tôn Giả.

Chúng con thành tâm kính mời:

- Ngài Kim Niên Đương cai Thái tuế chí đức Tôn thần.

- Ngài Bản cảnh Thành hoàng, Chư vị Đại vương.

- Ngài Bản xứ thần linh Thổ địa.

- Ngài bản gia Táo quân và tất cả các vị thần linh cai quản trong khu vực này.

Cúi xin các ngài giáng lâm án tọa, xét soi chứng giám.

Nay gặp tiết Vu Lan, ngày vong nhân được xá tội.

Chúng con đội ơn Tam bảo Phật trời phù hộ, thần linh các đấng chở che;

Công đức lớn lao nay không biết lấy gì đền báo.

Do vậy, kính dâng lễ bạc, giãi tỏ lòng thành, nguyện mong nạp thụ.

Phù hộ độ trì cho chúng con và cả gia đình:

Người người mạnh khỏe, già trẻ bình an, hướng về chính đạo;

Lộc tài vượng tiến, gia đạo hưng long.

Dãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

II. CÁC BÀI VĂN CÚNG DÙNG TRONG CÁC NGHI LỄ KHÁC

Bài 1- Văn khấn gia tiên

Trước khi cúng khấn Gia tiên, bao giờ cũng phải cúng khấn Thổ Công trước, vì ngài là *"Đệ nhất gia chi chủ"*, để xin phép ngài cho Tổ tiên về hưởng lễ.

Nội dung bài văn khấn phải nói rõ ngày, tháng, năm làm lễ, lý do làm lễ, liệt kê các lễ vật tiêu biểu và những điều cầu xin (nếu có).

Xin giới thiệu một mẫu văn khấn nôm dưới đây:

Hôm nay là ngày ...... tháng ..... năm.......... (âm lịch)

Nay con giữ việc phụng thờ tên là .... tuổi.............

Ngụ tại ....cùng toàn gia, trước bàn thờ Gia tiên bái lễ.

Kính dâng lễ bạc: Trầu rượu, trà nước, vàng hương, hoa quả cùng các phẩm vật.

Với tấm lòng thành nhân dịp ....

Kính mời hương hồn nội, ngoại Gia tiên: Kỵ, cụ, ông, bà, cha mẹ, cô dì, chú bác........ về chứng giám và hưởng lễ.

Con kính xin Gia tiên phù hộ độ trì cho cháu con hay ăn chóng lớn, người người khoẻ mạnh, mùa màng bội thu, vượt qua tai ách, cuộc sống bình yên, gia đình hạnh phúc.

Cẩn cáo.

Trong dân gian cũng đặt ra nhiều bài khấn nôm bằng văn vần cho dễ nhớ, dễ thuộc, dùng trong việc cúng Gia tiên. Xin nêu một bài mẫu dưới đây:

Bài 2. Văn khấn gia tiên

Hôm nay là ngày .... tháng .... năm .... (âm lịch)

Tín chủ con là..

Hiện đang ngụ tại ....cùng toàn gia quyến.

Cúc cung bái trước bàn thờ

Kính dâng lễ bạc hương hoa trầu rượu,

Cùng là phẩm vật trước sau

Lòng thành tâm nguyện thỉnh cầu Gia tiên:

Cao tằng Tổ khảo đôi bên,

Cao tằng Tổ tỷ dưới trên người người,

Cô dì, chú bác kính mời

Đệ huynh đồng thỉnh tới nơi tuỳ đường;

Cúi xin hưởng chút lễ thường

Và xin phù hộ khang cường toàn gia.

Cẩn cáo.

Chú thích:

Cao tằng tổ khảo tức là kỵ ông (năm đời)

Cao tằng tổ tỷ tức là kỵ bà (năm đời)

Tằng tổ khảo tức là cụ ông (bốn đời)

Tằng tổ tỷ tức là cụ bà (bốn đời)

Tổ khảo tức là ông (ba đời)

Tổ tỷ tức là bà (ba đời)

Hiển khảo tức là cha

Hiển tỷ tức là mẹ.

Bài 3. Văn khấn cầu hôn

Con lạy Bà Nguyệt, Ông Tơ

Con lạy ông Hoàng Bảy, Hoàng Bơ, Hoàng Mười

Tuổi con nay đã cao rồi

Mà không tìm được một người kết duyên.

Tâm tư mang nặng ưu phiền

Lòng con buồn tủi triền miêng tháng ngày.

Con còn lầm lỗi chi đây

Cúi xin Nguyệt Lão từ đây độ trì

Tơ hồng lưỡng tính xung kỳ

Quế loan cầm sắt yến di khan thường

Thiên tiên Nguyệt Lão rủ thương

Rất công rất chính chẳng thương bên nào

Có gương ngọc kính soi vào

Tơ hồng giao kết lẽ nào lẻ loi
Trước theo nhạn có rong chơi
Sau là phân định lứa đôi hợp hoà
Có cây, có quả, có hoa
Mong được duyên đẹp một nhà sống chung
Trăm này lạy Đức Tiên ông
Tơ hồng Nguyệt Lão rủ lòng xét soi
Cho con có lứa có đôi
Sống cho trọn vẹn kiếp người trần gian.

Cẩn cáo.

Bài 4. Văn khấn gia tiên khi cưới hỏi

Hôm nay là ngày ...... tháng......... năm......... (âm lịch)

Bản gia ở tại thôn .... xã (phường) .... huyện (quận, thị xã)................ tỉnh (thành phố).............................

Kính lạy chư vị Gia Thần

Kính lạy liệt vị Gia tiên

Con trai (hoặc con gái) của tín chủ là ...., năm nay .... tuổi.

Kết duyên cùng..................................người thôn .... xã.................. huyện .... tỉnh.................................

Nay thủ tục hôn lễ đã thành, xin kính cáo Gia thần, Gia tiên.

Lại xin sắm biện lễ vật, kính xin bề trên nạp thụ, phù hộ cho các cháu giai lão trăm năm, vững bền hai họ.

Nghi thất nghi gia, con cháu thịnh đạt.

Cúi xin chư vị đại xá gia ân

Mọi sự hanh thông, cung trần bái thỉnh.

Cẩn cáo.

Bài 5. Văn khấn ngày sóc, vọng hàng tháng

Ngày *sóc* (ngày mồng một), ngày *vọng* (ngày rằm) các gia đình Việt Nam thường quét dọn bàn thờ Gia thần, Gia tiên, sắm biện hương hoa, châm hương cúng lễ.

Lễ vật các ngày này thường đơn giản, chủ yếu là hương hoa, trái cây, tiền vàng.

Tuy nhiên, có lúc, có gia đình còn sắm cả bánh trái, hoặc xôi đỗ, gà luộc để làm lễ cũng tuỳ khả năng kinh tế.

Hôm nay là ngày.......... tháng .... năm .... (âm lịch)

Tín chủ con là .... trú tại ....

cùng toàn gia kính cáo.

Con kính lạy đức Táo Quân, các Gia Thần, Gia tiên

Long mạch tôn thần.

Cùng chư vị Thần Tài.

Tuân theo lễ luật,

Mồng một đến ngày (hoặc ngày rằm)

Kính bày lễ sóc (hoặc vọng)

Thành tâm sắm biện: Trà tửu, hương hoa, oản phẩm

Kính cẩn lạy dâng: Tôn thần, Tiên tổ.

Cúi xin phù hộ, cứu khổ trừ tai

Tiến lộc tiến tài

Cháu con hiếu thảo, Gia đình hoàn hảo

Mọi việc hanh thông. Trăm lạy, nghìn trông

Thần công mạc trắc.

Phục duy thượng hưởng.

Bài 6. Văn khấn lễ động thổ

(dùng trong ngày khởi công xây dựng nhà cửa)

Hôm nay là ngày .... tháng .... năm .... (âm lịch)

Hiện tín chủ ở tại số nhà.......... phố .... phường ....

Quận (huyện) .... thành phố (tỉnh) ....

Tín chủ là .... cùng toàn gia nhất tâm công việc xây dựng công trình nhà ở (hoặc tu tạo nhà cửa).

Nay chọn ngày lành, tháng tốt làm lễ khởi công động thổ.

Kính cẩn sắm biện trầu nước, lễ vật............

Lòng thành tâu lên đức Thần Linh bốn cõi

Trộm nghĩ rằng:

Tôn tần cai quản lãnh thổ, hùng cứ một phương

Thông minh sáng láng, thương đến dân lành

Chứng giám lòng thành, giám lâm lễ bạc

Giúp cho tín chủ thuận lợi dựng xây

Một thời xây dựng, muôn năm trường tồn

Cửa nhà mát mẻ, công việc hanh thông

Người an vật thịnh

Kính mong đại đức, nhất xá ban ơn

Kính mong bản xứ tôn thần

Chính trực vô tư, âm thầm phù hộ.

Kính cẩn dâng lời.

Bài 7 - Văn khấn khi dọn đến nhà mới

Kính lạy:

- Hoàng thiên Hậu thổ chư vị tôn Thần.
- Các ngài Thần linh bản xứ cai quản trong khu vực này.

Hôm nay là ngày .... tháng ...... năm ....(âm lịch)

Tín chủ con là .... tuổi.

Ngụ tại ....

Thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật, các thứ cúng dâng

Bày lên trước án

Kính cẩn tâu trình:

Các ngài Thần linh thông minh chính trực

Giữ ngôi tam thai nắm quyền tạo hoá

Thể đức hiếu sinh của trời đất

Phù hộ dân lành, bảo vệ sinh linh, nêu cao chính đạo.

Nay gia đình chúng con hoàn tất công trình

Chọn được ngày lành dọn đến cư ngụ

Cho phép chúng con rước vong linh Gia tiên về đây thờ phụng.

Phần sài nhóm lửa, kính lễ khánh hạ cầu xin chư vị minh thần

Gia ân tác phúc, độ cho gia quyến chúng con:

An ninh, khang thái, làm ăn tấn tới, tài lộc dồi dào

Người người được chữ bình an

Xuất nhập hưởng phần lợi lạc.

Cúi mong ơn đức cao dày

Thương xót phù trì bảo hộ.

Tín chủ con lại mời các vong linh tiền chủ, hậu chủ ở trong nhà này, đất này xin cùng về đây chiêm ngưỡng, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ thịnh vượng an khang.

Bốn mùa không hạn ách nào xâm

Tám tiết có điều lành tiếp ứng

Dãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Bài 8 - Văn khấn gia tiên khi nhập trạch

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy Tổ tiên nội, ngoại.

Hôm nay là ngày.......tháng...... năm.........(âm lịch)

Gia đình chúng con mới dọn đến đây thuộc số nhà.........phố............ phường ....quận.....................thành phố.......................

Chúng con sửa biện lễ vật, dâng cúng Gia tiên

Nhờ hồng phúc Tổ tiên, ông bà, cha mẹ

Chúng con đã tạo lập được ngôi nhà mới

Nay đã hoàn tất công trình

Chọn được ngày lành, tháng tốt

Thiết lập án thờ, kê giường nhóm lửa

Kính lễ khánh hạ.

Cúi xin các cụ, ông bà cùng chư vị hương linh nội ngoại

Thương xót cháu con

Chứng giám lòng thành, hưởng thụ lễ vật

Phù hộ độ trì cho chúng con

Lộc tài vượng tiến

Gia đạo hưng long

Người người khoẻ mạnh

Công việc hanh thông

Gia đình hạnh phú. Anh linh chiếu giám, cảm niệm ơn dày

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Bài 9 - Văn khấn Thổ Công ngày 23 tháng chạp

Hôm nay, ngày 23 tháng chạp năm .... (Quý Mùi)

Gia đình chúng con là Nguyễn Văn A, vợ là Lê Thị B, các con là:

Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D .... ở thôn .... xã.................

Huyện..................... tỉnh ....

Trăm bái trước linh toạ Táo Quân

Kính cẩn thưa rằng:

Nay cuối mùa đông, tứ quý theo vòng, hăm ba tháng chạp

Sửa lễ kính dâng, phỏng theo lễ cũ.

Cảm tạ phúc dầy nhờ Thần phù hộ.

Kính mong Thần tấu bẩm giúp cho,

Làm ăn chân chính, họ tộc ấm êm, xóm làng vui vẻ.

Trong năm có gì sai phạm lỗi lầm,

Cúi xin tôn thần gia ân châm chước.

Ban lộc, ban phúc, phù hộ toàn gia

Trai gái trẻ già, an ninh khang thái.

Mùa màng bội thu, công thành danh toại.

Cẩn cáo.

Trường hợp những gia đình theo đạo Phật, lại thuận văn vần cho dễ nhớ, dễ thuộc, có thể tham khảo sử dụng bài văn khấn dưới đây:

Bài 10 - Văn khấn ông Táo về trời ngày 23 tháng chạp

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Nay nhân ngày hai ba tháng chạp,

Lòng chúng con dào dạt mênh mông.

Toàn gia quyến dốc một lòng,

Sắm lễ mọn dâng lên linh toạ.

Đã nhất tâm một lòng một dạ,

Thắp hương thơm lễ tạ chủ thần.

Đông Trù Tư Mệnh Táo Phủ Thần Quân.

Ngài là chủ ngự tại chư thần xét soi.

Người trần phạm tục phạm sai,

Cúi xin nhận lễ các ngài gia ân.

Ban lộc, ban phúc, ban phần,

Công bằng hợp lý mười phân vẹn mười.

Hôm nay Ngài sắp về trời,

Lòng con tâm niệm vài lời cầu xin:

Cầu cho trăm họ bình yên,

Cầu cho gia sự ấm êm thuận hoà.

Xanh như lá, đẹp như hoa,

Bước sang xuân mới trẻ già yên vui.

Chúng con là....... số nhà........ đường phố..... (hoặc xóm..... thôn...... sã......huyện.........tỉnh............

Cùng nhất tâm cẩn cáo.

Nam mô A Di Đà Phật!

Bài 11- Văn khấn lễ trừ tịch *(Giao thừa)*

Hôm nay là ngày .... tháng .... năm .... (âm lịch)

Chúng con là: ....(ngoài người chủ gia đình có thể đọc họ tên từng người tiếp theo, thứ tự từ lớn đến bé).

Trú tại số nhà............phố.........phường............Quận................... thành phố................. (hoặc xóm , thôn, xã, huyện, tỉnh).

Kính cẩn trước linh toạ có: hương đèn, vàng bạc, hoa quả, trầu rượu, trà nước và mọi vật phẩm dâng lên.

Ngày tháng trôi qua: Vật đổi sao dời, năm cùng tháng kiệt.

Xuân tiết gần sang, đông tàn sắp hết.

Vào đúng thời khắc giao thừa,

Kính xin chư thần, Thổ Công, Gia tiên chứng giám

Phù hộ cho toàn gia chúng con: Từ già đến trẻ quanh năm được tăng phúc, tăng thọ, người an vật thịnh, vạn sự hanh thông.

Cẩn cáo.

Bài 12 - Văn khấn cúng giao thừa

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Trước bàn thờ gia tiên tiền tổ
Nhờ Thổ Công, Thổ Địa trong ngoài
Nay theo quy luật lâu dài
Đông qua xuân lại tái lai trở về.
Lòng con cháu một bề tưởng niệm
Cùng cung thỉnh ông bà nội ngoại
Tam tứ đại Tổ tiên
Lễ nghi vật phẩm vàng tiền
Hương đăng hoa quả dâng lên lòng thành
Chắp tay thỉnh cáo tiên linh
Cùng về thụ hưởng gia đình vui xuân
Cúi xin bày tỏ lòng trần
Cúi xin tạ tượng tâm linh phù trì
Điều lành mang đến, dữ mang đi
Gia đình yên ấm mọi bề an khang
Đầu năm chí cuối bình an
Có tài có lộc ơn ban đức dầy
Lòng con tu niệm từ đây
Cây kia có cội, suối kia có nguồn
Một lòng theo đạo sắt son

Sống trên dương thế con còn tu tâm.

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Bài 13 - Văn khấn tiễn Quan đương niên cũ

Hôm nay, ngày .... tháng .... năm .... (âm lịch)

Chúng con là:...................... cùng toàn gia kính cẩn dâng sắm hương đăng......................... lễ vật................

Thành tâm dâng lên Quan đương niên Hành khiển, cúng đức Phán quan.

Kính mong Đại Vương soi xét

Lượng trời chẳng ghét khoan dung

Giúp nước giữ yên bờ cõi

Âm thoả, dương vui mát mẻ tiết trời

Trong nhà người người khoẻ mạnh

Hạnh phúc bình yên

Đất đai mầu mỡ sản sinh

Nay nhân lễ Trừ tịch tiễn Đại Vương

Xét thấy năm tháng qua đội ơn rất lớn

Xem ngày vừa hết, nhờ đức quan trên

Năm khác cờ hoa đón ngài trở lại.

Muôn trông đức Đại Vương

Kính cẩn bày lời.

Bài 14 - Văn khấn đón quan đương niên mới

Kính trông Đại Vương,

Thông minh tài trí.

Văn võ thánh thần,

Ban ân ban đức.

Ngài tôn vâng đế mệnh phân công,

Để xử lý âm dương đều thoả mãn.

Minh bạch nơi Vương tâm chính trực,

Cai quản cương vực nhờ anh quân.

Trừ tịch đã làm lễ tống cựu

Nguyên tiêu nay dâng lễ nghinh tân

Năm trước trọng trách đảm đương, đội nhờ ơn đức chính trực

Ngày nay thuý hoa lại thấy, ngửa trông lượng cả khoan dung.

Cúi lạy nhờ ơn đức Đại Vương

Kính cẩn bày lời.

Bài 15 - Văn khấn thần tài

Hôm nay là ngày ...... tháng .... năm .... (âm lịch)

Tín chủ con là .... cùng toàn gia quyến.

Ngụ tại ....

Thành tâm sửa biện, hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng

Bày ra trước án.

Chúng con kính mời ngài Thần Tài giáng lâm

Chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Phù hộ độ trì cho gia đình chúng con:

Công việc hanh thông,

Tài lộc tăng tiến, an khang thịnh vượng.

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Bài 16 - Văn khấn lễ tạ - hoá vàng ngày tết

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Hoàng thiên Hậu thổ chư vị Tôn thần.

- Ngài Đương niên, ngài Bản cảnh Thành hoàng.

- Các ngài Thổ địa, Táo quân, Long mạch, Tôn thần.

- Các cụ: Cao tằng, Tổ khảo, Tổ tỷ. Các vị Cô, Dì, Tỷ Muội, Thúc bá Đệ Huynh nội, ngoại tiên linh.

Hôm nay là ngày mồng ...... tháng giêng, năm ....

Tín chủ chúng con ....

Ngụ tại ....

....

Nhân lễ Hoá vàng (Tết Khai hạ) chúng con thành tâm sửa lễ mọn gồm: Hương hoa, vật phẩm, trà rượu cùng lễ mặn........ Kính cẩn thưa trình: Nguyên Đán đã qua, nay xin lễ tạ Tôn thần, rước tiên linh trở về âm giới.

Kính xin chư vị:

Lưu phúc lưu ân

Phù hộ độ trì

Cháu con nội ngoại

Gia cảnh bình an

Toàn gia thịnh vượng

Tâm thành kính cẩn

Lễ bạc tiến dâng

Lượng cả xét soi

Cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Bài 17 - Văn khấn gia tiên vào ngày nguyên tiêu (rằm tháng giêng)

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Hôm nay là ngày rằm tháng giêng

Chúng con là ....

Nhân dịp tiết Nguyên tiêu, chúng con sắm sanh lễ vật,

Sửa sang hương đăng, dâng lên trước án.

Chúng con kính mời:

- Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương.

- Ngài bản xưa Thần linh Thổ Địa.

- Ngài Ban gia Táo Quân, Ngũ phương, Long mạch, Tài thần.

Cúi xin chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Phù hộ độ trì cho toàn gia an ninh, khang thái

Sức khoẻ dồi dào, bốn mùa tai qua nạn khỏi.

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Bài 18 - Văn khấn lễ âm phần ở nghĩa trang

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Hoàng thiên Hậu Thổ, chư vị Tôn thần.

- Các ngài Thần linh bản xứ cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay là ngày ....

Tín chủ con là ....

Ngụ tại ....

....

Nhân tiết Thanh minh.

Thành tâm sửa biện: Hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng,

Bày ra trước án. Kính mời chư vị Tôn thần về chứng giám.

Chúng con có ngôi mộ của ....

Táng tại xứ này, nay xin được tảo mộ.

Vì vậy, chúng con xin kính cáo các đấng Thần minh,

Thổ công, Long mạch và các Liệt vị Tôn thần cai quản trong khu vực này.

Thiết nghĩ:

Tôn thần thông minh chính trực, đức lớn, công lao

Nhân từ hiếu sinh, hộ nhân giúp vật.

Nay xin thương xót tín chủ chúng con,

Tới đây chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật

Độ cho vong linh được an nhàn, yên ổn, siêu thoát

Lại phù hộ cho chúng con: Toàn gia mạnh khỏe, an khang

Bốn mùa thịnh vượng, khiến cho tất cả đều được thấm nhuần.

Tắm gội ánh quang của chư vị phúc thần.

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Bài 19 - Văn khấn tổ tiên rằm tháng bảy

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Tổ tiên nội, ngoại và chư vị hương linh!

Hôm nay là ngày rằm tháng bảy năm ....

Gặp tiết Vu Lan vào dịp Trung nguyên,

Nhớ đến Tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã sinh thành ra chúng con,

Gây dựng cơ nghiệp, xây đắp đức nhân;

Khiến nay chúng con được hưởng ân đức.

Do vậy, cho nên nghĩ đức cù lao khôn báo

Cảm công trời biển khó đền.

Chúng con sửa sang lễ vật, bày trước linh toạ.

Thành tâm kính mời:

Các Cụ Cao Tằng Tổ Khảo, Cao Tằng Tổ Tỷ,

Bá thúc đệ huynh, Cô dì tỷ muội

Và tất cả hương hồn trong nội tộc, ngoại tộc của họ ....
Cúi xin thương xót con cháu, linh thiêng chứng giám lòng thành
Thụ hưởng lễ vật, phù hộ cho con cháu mạnh khoẻ, bình an
Tài lộc vượng tiến, gia đạo hưng long, hướng về chính giáo.
Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Bài 20 - Văn khấn chúng sinh ngày rằm tháng bảy

(bài trong dân gian)

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy các vị:

- Thần linh
- Táo Quân

Hỡi vong linh cô hồn phảng phất
Tiết Vu Lan xá tội gần xa
Âm cung cửa ngục mở ra
Vong linh không cửa không nhà bơ vơ
Trạnh lòng thương kẻ thất cơ
Ít nhiều bố thí gọi là đem tâm
Hỡi chúng sinh không mồ không mả
Hồn lang thang xó chợ đầu đường
Quanh năm đói rét cơ hàn
Không manh áo rách che làn gió may
Cô hồn phảng phất đó đây
Mau về tụ hội nhân ngày Trung Nguyên
Dù rằng chết phải nỗi oan
Chết bởi nghiện hút, chết ham làm giàu

Chết tai nạn, chết ốm đau
Chết đâm, chết chém, đánh nhau vì tình
Chết bom đạn, chết đao binh
Chết bởi chó dại, sản sinh không thành
Thương ôi chết ở giữa dòng
Vong hồn trôi nổi biết rằng nơi đâu?
Trăm nghìn kiểu chết khác nhau
Giữa đường xe cộ biết đâu mà lường
Nay tín chủ thành tâm sắm biện:
Cơm canh cùng cháo tẻ, trầu cau
Tiền vàng, quần áo các màu
Mau về tiếp nhận trước sau gọi là
Rồi dắt nhau về nơi âm giới
Phù hộ cho tín chủ bình yên
Hanh thông mọi việc làm ăn
Trẻ già trai gái thành tâm thỉnh cầu.
Nam mô A Di Đà Phật!

Vái 3 vái

(Khấn xong, đốt tiền vàng, quần áo giấy các loại nhỏ của chúng sinh, đồng thời rắc gạo muối ra các hướng).

Bài 21 - Văn khấn cô hồn chúng sinh

(Văn tế cô hồn thập đại chúng sinh của đại thi hào Nguyễn Du)

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy: - Đức địa tạng vương Bồ Tát.
- Đức mục Kiền liên Tôn giả.

Kính lạy: - Ngài Bản cảnh Thành Hoàng.

- Ngài bản xứ Thần linh Thổ địa.

- Ngài Bản gia Táo Quân và tất cả các vị Thần linh cai quản trong xứ này.

Tín chủ con là: ....

Ngụ tại......................

Nhân ngày xá tội vong nhân rằm tháng Bảy, tín chủ chúng con làm lễ tế các cô hồn.

Tiết tháng Bảy mưa dầm sùi sụt
Toát hơi may lạnh buốt xương khô
Não người thay buổi chiều thu
Ngàn lau nhuốm bạc, lá ngô rụng vàng (1)
Đường bạch dương bóng chiều man mác.
Dịp đường lê lác đác sương sa (2)
Lòng nào lòng chẳng thiết tha,
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm
Trong trường dạ tối tăm trời đất(3)
Có khôn thiêng phảng phất u minh(4)
Thương thay thập loại chúng sinh
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người
Hương lửa đã không nơi nương tựa
Hồn mồ côi lần lữa đêm đen
Còn chi ai quý ai hèn
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu?
Tiết đầu thu lập đàn giải thoát
Nước tịnh đàn (5) rưới hạt dương chi (6)
Muốn nhờ đức Phật từ bi

Giải oan cứu khổ hồn về Tây Phương(7)
Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh
Chí những năm cướp gánh non sông.
Nói chi những buổi tranh hùng,
Tưởng khi thế khuất vận cùng mà đau.
Bỗng phút đâu mưa sa ngói lở
Khôn đem mình làm đứa sất phu(8)
Lớn sang giàu, nặng oán thù,
Máu tươi lai láng, xương khô rã rời.
Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc(9)
Quỷ không đầu đớn khóc đêm mưa.
Cho hay thành bại là cơ
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan
Nào những kẻ màn lan trướng huệ,
Những cậy mình cung quế Hằng Nga,
Một phen thay đổi sơn hà,
Mảnh thân chiếc lá, biết là về đâu?
Trên lầu cao, dưới cầu nước chảy,
Phận đã đành trâm gẫy bình rơi(10)
Khi sao đông đúc vui cười,
Mà khi nhắm mắt không người nhặt xương.
Đau đớn nhẽ! Không hương không khói,
Luống ngẩn ngơ, dòng suối, rừng sim,
Thương thay chân yếu, tay mềm,
Càng năm càng yếu, một đêm một rầu.
Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,

Ngọn bút son, thác sống ở tay,
Kinh luân gǎm một túi đầy(11)
Đã đêm Quản Nhạc, lại ngày Y Chu(12)
Tịnh mãn lắm oán thù càng lắm,
Trăm loài ma, mồ nấm chung quanh,
Nghìn vàng không đổi được mình,
Lầu ca, viện hát, tan tành còn đâu?
Kẻ thân thích vắng sau vắng trước,
Biết lấy ai bát nước nến nhang?
Cô hồn thất thểu dọc ngang,
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hoá sinh
Kìa những kẻ bài binh bố trận,
Dấn mình vào cướp ấn nguyên nhung
Gió mưa sấm sét đùng đùng
Giãi thây trăm họ, làm công một người
Khi thất thế tên rơi lạc đạn
Bãi sa trường thịt nát máu trôi,
Mênh mông góc bể chân trời,
Nắm xương vô chủ biết nơi chốn nào?
Trời mây xẩm, mưa gào gió thét
Khi âm huyền mờ mịt trước sau(13)
Ngàn cây nội cỏ rầu rầu,
Nào đâu điếu tế, nào đâu chưng thường?(14)
Cũng có kẻ thích đường trí phú(15)
Mình làm mình nhịn ngủ kém ăn
Ruột rà không kẻ trí thân,

Dẫu làm nên, dễ dành phần cho ai?
Khi nằm xuống, không người nhắn nhủ.
Của phù vân dẫu có như không(16)
Sống thời tiền chảy, bạc ròng
Thác không đem được một đồng nào đi.
Khóc ma mướn, thương gì hàng xóm
Hòm gỗ đa, bó đóm đưa đêm(17)
Ngẫn ngơ trong quãng đường chiêm
Nén hương giọt nước biết tìm vào đâu?
Cũng có kẻ sắp cầu chữ quý,
Dấn mình vào thành thị lân la
Mấy thu lìa cửa, lìa nhà,
Văn chương đã chắc đâu mà chen chân.
Dọc hàng quán phải tuần mưa nắng
Vợ con nào nuôi nấng, khem kiêng
Vội vàng liệm sấp chôn nghiêng
Anh em thiên hạ láng giềng người dưng.
Bóng phần tử, xa chừng hương khúc(18)
Bãi tha ma kẻ dọc, người ngang,
Cô hồn nhờ gửi tha hương
Gió trăng hiu hắt, lửa hương lạnh lùng.
Cũng có kẻ vào sông ra bể,
Cánh buồm bay chạy xế giáo đông,
Gặp cơn giông tố giữa dòng,
Đem thân chôn lấp vào lòng kình nghê(19)
Cũng có kẻ đi về buôn bán,

Đòn gánh tre chín rạn hai vai
Gặp cơn mưa nắng giữa trời
Hồn đường phách sá, lạc loài nơi nao?
Cũng có kẻ mắc vào khoá lính
Bỏ cửa nhà đi gánh việc quan,
Nước khe cơm ống gian nan
Dãi dầu nghìn dặm, lầm than một đời.
Buổi chiến trận, mạng người như rác
Phận đã đành đạn lạc tên rơi,
Lập loè ngọn lửa ma trơi(20)
Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương.
Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp,
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa,
Ngẩn ngơ khi trở về già
Ai chồng con tá biết là cậy ai?
Sống đã chịu một đời phiền não,
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa(21)
Đau đớn thay phận đàn bà
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?
Cũng có kẻ nằm cầu gối đất,
Dõi tháng ngày hành khất ngược xuôi
Thương thay cũng một kiếp người
Sống nhờ hàng xứ, chết nhờ đường quan.
Cũng có kẻ mắc oan tù rạc(22)
Gửi mình vào chiếu lác một manh
Nắm xương chôn rấp góc thành,

Kiếp nào cởi được oan tình ấy đi?
Kìa những kẻ tiểu nhi tấm bé
Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha,
Lấy ai bồng bế vào ra,
U ơ tiếng khóc, thiết tha nỗi lòng?
Kìa những kẻ chìm sông lạc suối,
Cũng có người sẩy cối ngã cây,
Có người leo giếng đứt dây,
Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành.
Người thì mắc sơn tinh, thủy quái
Người thì vương nanh phải ngà voi.
Có người có kẻ không nuôi.
Có người sa sẩy, có người vong thương.
Gặp phải lúc đi đường nhỡ bước,
Câu "nại hà" kẻ trước người sau(23)
Mỗi người một kiếp khác nhau,
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ?
Hoặc lại ẩn ngang bờ dọc bụi.
Hoặc là nương ngọn suối chân mây.
Hoặc là bãi cỏ bóng cây
Hoặc là quán nọ cầu này bơ vơ
Hoặc là nương Thần từ Phật tự
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông
Hoặc là trong khoảng đồng không
Hoặc là gò đống, hoặc vùng lau tre,
Sống đã chịu nhiều bề thảm thiết

Ruột héo khô da rét căm căm
Dãi dầu trong mấy mươi năm,
Thở than dưới đất, ăn nằm trong sương.
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
Lặn mặt trời lẩn thẩn tìm ra.
Lôi thôi bồng trẻ dắt già
Có khôn thiêng nhẽ, lặng mà nghe kinh.
Nhờ phép Phật siêu hình tịnh độ
Phóng hào quang cứu khổ, độ u(24)
Rắp hoà tứ hải quần chu(25)
Não phiền rũ sạch oán thù rửa trong
Nhờ đức Phật thần thông quảng đại
Chuyển Pháp luân tam giới thập phương
Nhơn nhơn Tiêu Diện đại vương
Linh kỳ một lá dẫn đường chúng sinh.
Nhờ phép Phật uy linh dũng mãnh
Trong giấc mê khuya tỉnh chiêm bao
Mười loài là những loài nào,
Gái trai già trẻ, đều vào nghe kinh
Kiếp phù sinh như hình bào ảnh(26)
Có chữ rằng "vạn cảnh giai không"(27)
Ấy ai lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi,
Đàn chẩn tế vâng lời Phật giáo,
Của có chi bát cháo nén hương,
Gọi là manh áo thỏi vàng,

Giúp cho làm của ăn đường thăng thiên

Ai đến đây, dưới trên ngồi lại,

Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu.

Phép thiêng biến ít thành nhiều,

Trên thờ Tôn giả chia đều chúng sinh

Phật hữu tình từ bi phổ độ

Chớ ngại rằng có có không không.

Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng.

Nam mô! Nhất thiết siêu thăng thượng đài.

Cẩn cáo.

Chú thích:

(1) Lá ngô: Lá cây ngô đồng. Ý chỉ mùa thu đến.

(2)Đường lê: Loại cây gỗ, mùa hè có tán lá xum xuê, hoa trắng, thường trồng làm cây bóng râm trên đường, đến mùa thu mùa đông thì rụng lá, còn trơ cành.

(3) Trường dạ: Đêm dài, tức là miền âm phủ.

(4) U minh: Là u u minh minh, cũng có nghĩa là tối tăm.

(5) Tịnh đàn: Đàn thờ Phật, nơi Phật ở.

(6) Dương chi: Cành dương, theo phép Phật giọt nước cành dương làm cho oan hồn siêu thoát, diệt khổ, nước cành dương liễu có thể tưới tắt lửa lòng.

(7) Tây phương: Tây Trúc, nước Phật, miền cực lạc.

(8) Sất phu: Người dân bình thường trong xã hội.

(9) Vô tự: Không có con cháu cúng giỗ, không có ai thờ phụng.

(10) Trâm gẫy bình rơi: Cái trâm của người đàn bà cài tóc bị gẫy, cái bình hoa bị rơi vỡ, chỉ người đàn bà đẹp bị chết oan.

(11) Kinh luân: Tài điều khiển việc chính trị.

(12) Quản nhạc Y chu: Các danh tướng Trung Quốc thời xưa: Quản Trọng, Nhạc Nghị, Y Doãn, Chu Công.

(13) Âm huyền: Âm cung huyền ảo.

(14) Chưng thường: Tên hai tế lễ.

(15) Trí phú: Làm giàu.

(16) Của phù vân: Của như mây nổi, tan biến nhanh (ca dao tục ngữ: của phi nghĩa để ngoài sân, của phù vân để ngoài ngõ).

(17) Hòm gỗ đa bó đóm đưa đêm: Ý nói sống giàu có mà đến khi chết chôn bằng gỗ đa bó đóm, không có áo quan, chôn lén lút vào ban đêm.

(18) Phần và tử: Là hai loại cây tượng trưng cho quê hương, ý nói chết nơi đất khách.

(19) Kình nghê: Loại cá lớn ở biển cả.

(20) Lửa ma trơi: Ở bãi chiến trường, chất lân tinh ở trong hài cốt gặp ẩm, khí ẩm ban đêm cháy toả sáng như ngọn lửa lập loè, người ta tưởng là oan hồn hiện lên.

(21) Hớp cháo lá đa: Theo tục lễ cúng cô hồn người ta dùng cháo đựng bằng lá đa ban phát cho các cô hồn.

(22) Tù rạc: Tù chung thân, dài hạn.

(23) Nại hà: Nghĩa là đành vậy, biết làm sao tránh khỏi. Chuyện Đường Thái Tông trong "tây du ký" đi từ cõi trần xuống âm ty phải qua cầu Nại Hà bắc qua con đường độc đạo một chiều.

(24) Độ u: Phù hộ độ trì cho chốn âm u.

(15) Tứ hải quần chu: Bốn biển đều quy tụ vào một chỗ.

(26) Bào ảnh: Bọt nước và bong bóng là hai thứ chóng tan, chóng mất.

(27) Vạn cảnh giai không: Mọi cảnh đều là hư ảo (theo thuyết Phật giáo).

Bài 22 - Văn khấn ngày tết trung thu

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

- Hoàng thiên hậu Thổ chư vị Tôn thần

- Ngài Bản cảnh Thành Hoàng

- Ngài Bản xứ Thổ Địa

- Ngài Ban gia Táo Quân cùng chư vị Tôn thần.

- Các vị Tổ tiên, Tổ khảo, Tổ tỷ, Chư vị hương linh.

Gặp tiết Trung thu (rằm tháng Tám) chúng con thành tâm sửa biện, hương hoa, trà quả và các thứ cúng dâng.

Chúng con kính mời các ngài giáng lâm, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Chúng con thiết nghĩ:

Thần sáng như núi nhạc

Khí đẹp tựa sơn hà

Ngũ hành tuân theo phép

Muôn thiện xin cúi đầu

Bề trên thương mà tới

Anh linh khắp gần xa

Nhân tiết Trung thu thời tiết đẹp

Trước án tiền cung kính cầu xin

Áo tía nghiêm trang cầu 5 điều phúc:

(Phú, Quý, Lộc, Thọ, Khang, Ninh)

Thăng trầm xin được hưởng 3 điều đa:

(Đa tài, đa phúc, đa lộc)

Nguyện Thần xét soi cho mọi sự được an bình

Giúp cho buôn bán tăng phú quý

Phù cho mùa màng tươi tốt bội thu.

Chúng con lại kính mời: Các Thần linh, vong linh trong đất này nhân

tiết Trung thu thụ hưởng lễ vật.

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn tấu.

Bài 23 - Văn khấn lễ thánh mẫu

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Hương tử chúng con thành tâm kính lạy:

- Đức Cửu Trùng Thanh Vân lục cung công chúa.

- Đức thiên tiên Quỳnh Hoa Liễu Hạnh Mã Hoàng công chúa, sắc phong Chế Thắng Hoà Diệu đại vương, gia phong Tiên Hương Thánh Mẫu.

- Đức Đệ Nhị đỉnh thượng cao sơn triều mường Sơn Tinh công chúa Lê Mại Đại Vương.

- Đức Đệ Tam Thủ Phủ, Lân nữ công chúa.

- Đức Đệ Tứ khâm sai Thánh Mẫu, Tứ vị Chầu bà, năm toà quan lớn, mười dinh các quan, mười hai Tiên Cô, mười hai Thánh Cậu, Ngũ Hổ Đại tướng, Thanh Hoàng Bạch xà Đại tướng.

Tín chủ con là ....

Ngụ tại ....

Cùng toàn thể gia đình đến Phủ (Đền) ....

Chắp tay kính lễ khấu đầu vọng bái

Lòng con thành khẩn, dạ con thiết tha

Kính dâng lễ vật, cúi xin các ngài xót thương phù hộ

Khiến cho gia đình chúng con tiêu trừ tai nạn

Điều lành thường tới, điềm giữ lánh xa

Hưởng thịnh vượng an lành mãi mãi.

Tài như nước đến, lộc tựa mây về

Bốn mùa không nạn ách nào xâm

Tám tiết có phúc lành tiếp ứng.

Lại xin: Thể đức hiếu sinh, rủ lòng cứu độ

Khiến chúng con như ý sở cầu

Cho hương tử lòng tâm sở nguyện.

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn tấu.

Bài 24 - Văn khấn lễ Mẫu thượng ngàn

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Hương từ chúng con dốc lòng kính lạy:

- Đức Thượng Ngàn chúa tể Mỵ Nương Quế Hoa công chúa

Ngài là vị tối tú tối linh, cai quản tám mươi mốt cửa rừng trong cõi Nam giao.

- Chư Tiên, Chư Thánh, Chư Thần, Bát bộ Sơn Trang, mười hai Tiên nương, văn võ thị vệ, Thánh cô, Thánh cậu.

Ngũ hổ Bạch xà Đại tướng.

Hương tử con là ....

Ngụ tại ....

....

Nhân tiết .... Chúng con thân đến ....

Phủ Chúa trên ngàn, đốt nén tâm hương

Kính dâng lễ vật, một dạ chí thành, chắp tay khấn nguyện.

Cúi xin lượng cả bao dung

Thể đức hiếu sinh, ra tay cứu vớt

Độ cho chúng con cùng toàn gia quyến

Bốn mùa được chữ bình an

Tám tiết hưng long thịnh vượng.

Lộc tài quảng tiến, công việc hanh thông

Giải vận giải oan, biến hung thành cát

Đổi hoạ ra tường, như ý sở cầu, tòng tâm sở nguyện.

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn tấu.

Bài 25 - Văn khấn tại Bia Bà (La Khê)

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy:

- Thành Hoàng Bản thổ Đại Vương.
- Đức Đương niên Hành Khiển Tôn thần.
- Đức Mạc triều Đệ Nhị đế Trần Quý Phi Thánh nương.

Hôm nay là ngày .... tháng ..... năm.......... (âm lịch)

Hương tử con là ....

Kính dâng lễ bạc, chắp tay, khấu đầu vọng bái

Lòng con thành khẩn, dạ con thiết tha

Xin Thánh nương cùng chư vị chính thần

Rủ lòng thương xót, phù hộ độ trì

Cho toàn gia chúng con được an khang thịnh vượng

Tài như nước đến, lộc tựa mây về

Bốn mùa tật ách thoát qua

Tám tiết có phúc lành luôn tới.

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn tấu.

Bài 26. Văn khấn tại đền bà chúa kho

Nam mô A Di Đà Phật! (3lần)

Hôm nay là ngày .... Tháng....... năm .... (âm lịch)

Hương tử con là......................

Ngụ tại ....

Chúng con cùng toàn gia kính lạy:

Tam Phủ công đồng, Tứ Phủ vạn linh

Thiên tiên Thánh Mẫu, Địa thiên Thánh Mẫu, Thủy tiên Thánh Mẫu.

Tứ Phủ Chầu bà, Ngũ vị Tôn ông, tả hữu Quan hoàng.

Nhị vị Thánh cô, Bát bộ Sơn trang, Thập nhị tiên nàng.

Đương niên Hành khiển chí đức Tôn thần.

Đương cảnh Thành hoàng, bản Thổ đại vương.

Ngũ hổ thần tướng, Thanh xà, Bạch xà thần linh.

Đức Chúa Kho Thánh Mẫu hiển hoá anh linh,

Con sắm sửa kim ngân, hương hoa lễ vật, thành tâm dâng lễ;

Mong được phù hộ độ trì cho gia quyến bình an

Người khang vật thịnh

Đắc tài đắc lộc, tai ách đều qua,

Vạn sự như ý.

Chúng con cúi đầu thành tâm kính lễ Chúa Kho Thánh Mẫu.

Cẩn tấu.

Bài 27. Văn khấn lễ thánh mẫu liễu hạnh

(ở Phủ Tây Hồ - Hà Nội)

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Chúng con kính lạy:

- Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Chế Thắng Hoà Diệu, Đại vương tối linh.
- Mẫu Đệ Nhất Thiên tiên!
- Mẫu Đệ Nhị thượng ngàn!
- Mẫu Đệ Tam Thủy cung!

Hương tử con là....................

Ngụ tại ....

Hôm nay là ngày...... tháng ...... năm .... (âm lịch)

Tại Phủ Tây Hồ, phường Quảng Bá, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Thành tâm kính dâng lễ vật gồm ....

Cung thỉnh:

- Tam Toà Thánh Mẫu
- Vua cha Ngọc Hoàng
- Tam Phủ công đồng
- Tứ linh vạn linh
- Hội đồng các quan
- Bát bộ Sơn trang
- Thập Nhị quan Hoàng
- Thập nhị Chầu cô
- Thập nhị Quan cậu
- Ngũ lôi thiên tướng, Ngũ hổ thần quan
- Thanh xà, Bạch xà thần linh

Chấp kỳ lễ bạc, chứng giám lòng thành

Cúi xin rủ lòng thương xót

Phù hộ che chở cho chúng con:

Mọi sự tốt lành, gia đình yên ấm

Lắm tài nhiều lộc, công việc hanh thông

An khang thịnh vượng

Sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Bài 28 - Bài Văn khấn chung ở các đền, phủ

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Con lạy chín phương trời, mười phương Phật.

Con lạy đức Phật A Di Đà, con lạy đức Phật Bà Quan Âm

Con lạy tam vị đức Vua Cha

Con lạy đức Trần Triều hiển Thánh Hưng Đạo Đại Vương

Con lạy Ngũ vị Quan lớn, Tứ phủ chầu bà, Tứ phủ ông Hoàng, Thập nhị tiên cô trên ngàn dưới thoải.

Con lạy Tứ phủ Thánh Cậu, Thánh Cô

Con lạy quan đương niên Hành Khiển, Bản cảnh Thành Hoàng, Thổ Địa tôn thần.

Hôm nay nhân ngày .... tháng .... Năm ....(âm lịch)

Tín chủ con là ....

Ngụ tại....................................

Chúng con, sắm sửa lễ vật, hương hoa, phẩm quả, lễ bạc ...... dâng lên Thánh, (Mẫu, Phật) chứng giám lòng thành, phù hộ cho chúng con khoẻ mạnh trong cả 4 mùa, người khang vật thịnh.

Phàm trần xin các ngài xá tội.

Ban tài tiến lộc cho chúng con, của cải dồi dào, bội thu lương thực để con trên lo việc thánh, dưới gánh việc trần, làm tròn phận sự con dân.

Chúng con nhất tâm, nhất dạ, xin Thánh, Phật thấu rõ động lòng với những lời kêu, tiếng khấn mà chấp nhận, cho con được sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm.

Cẩn tấu.

Bài 29 - Văn khấn thành hoàng tại đình

Kính lạy:

- Hoàng thiên hậu thổ chư vị Tôn thần

- Ngài kim niên Đương cai Thái tuế chí đức Tôn thần.

- Ngài Bản cảnh Thành Hoàng chư vị Đại Vương.

Hôm nay là ngày .... tháng ...... năm .... (âm lịch)

Tín chủ con là ....

Hiện đang sinh sống tại ....

Con sắm sửa hương hoa, oản quả, lễ vật, kính dâng các ngài.

Con kính nghĩ rằng:

Đức Đại Vương nhận mệnh Thiên Đình, giáng lâm ở nước Việt Nam làm Bản cảnh Thành Hoàng chúa tể một phương.

Nhiều năm nay ban phúc lành che chở cho dân, cho mọi nhà no ấm, bình an.

Con và toàn gia nhất tâm cầu mong đức Bản cảnh Thành Hoàng, chư vị Đại Vương chứng giám.

Rủ lòng thương xót, phù hộ độ trì, che chở cho chúng con.

Mọi sự tốt lành, công việc hanh thông.

Lắm tài nhiều lộc, sức khoẻ dồi dào

An khang thịnh vượng.

Giãi tấm lòng thành, mong được phù hộ, chở che.

Cẩn tấu.

Bài 30 - Văn khấn trước chính điện ở chùa

(vái 5 vái)

Nam mô A Di Đà Phật!

Na mo Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát

Hôm nay là ngày ...... tháng ...... năm .... (âm lịch)

Tín chủ chúng con là .... cùng toàn gia quyến

Hiện sinh sống tại..................

Chúng con thành tâm trước Phật đài, với lễ vật hương hoa, trà nước, oản quả.

Kính lễ.

Cầu mong Phật Tổ chứng giám

Chư vị Bồ Tát mở lòng nhân từ

Đức Ông Thập bát Long thần vị tha, đại xá.

Gia ân che chở cho tín chủ và toàn gia quyến

Trí tuệ được mở mang, ưu phiền giảm nhẹ.

Nhờ ánh hào quang soi tỏ, khiến nghiệp chướng tiêu tan

Tâm đạo tỏ tường, cõi lòng thanh thản.

Chúng con xin nhất tâm thiện nguyện

Cầu mong cho gia đình bình yên, hạnh phúc

Quanh năm khoẻ mạnh, làm ăn phát đạt.

Chúng con cúi lạy trước Phật đài

Nhất sự nhất xa, vạn sự cho qua

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

(vái 5 vái)

Bài 31 - Văn khấn lễ phật

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Nam mô Ban Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Nam mô Đông phương giáo chủ tiêu tai duyên thọ!

Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật!

Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bố Tát!

Hôm nay ngày ..... tháng ...... năm .... (âm lịch)

Tín chủ con là...................

Ngụ tại............

....

Chúng con nhất tâm thành kính, lễ bạc dâng lên trước Phật điện tại chùa.................................

Nguyện cầu các chư Phật, chư Đại Bồ Tát, chư vị Hiền Thánh, Tăng, Hộ Pháp thiên thần, Thiên Long Bát bộ .....

Rủ lòng từ bi

Phù hộ độ trì

Chứng minh công đức

Cứu khổ cứu nạn

Ban lộc phất tài

Già trẻ gái trai, bình yên mạnh khoẻ.

Tâm thành lễ bạc, gặp được thiên duyên

Gia sự chu truyền, ấm êm hạnh phúc.

Điều lành luôn tới, điều xấu qua đi

Nhờ lượng từ bi, mong cầu như nguyện.

Cẩn nguyện

Bài 32 - Văn khấn đức ông ở chùa

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Kính lạy Đức Ông Tu Đạt Tôn giả, Thập bát Long thần Già Lam Chân Tể.

Hôm nay là ngày.......tháng ..... năm......... (âm lịch)

Tín chủ con là.................

Ngụ tại ....

Cùng toàn gia quyến, thân tới chùa ....

Kính lạy Đức Ông

Gia quyến chúng con thành tâm dâng lễ:

Hương hoa phẩm vật, với tấm lòng thành

Mong Ngài soi xét.

Trộm nghĩ:

Chúng con sinh ra và lớn lên nơi trần tục

Tránh sao mắc những lỗi lầm

Trước Phật đường sám hối ăn năn,

Kính mong Đức Già Lam Chân tể

Mở lòng tế độ che chở chúng con

Làm ăn thuận lợi trong năm

Tiêu trừ bệnh tật tai ương

Vui hưởng lộc tài may mắn

Mọi sự cầu mong đều được thỏa nguyện.

Giãi tấm lòng thành, xin Ngài phù hộ.

Cẩn nguyện.

Bài 33 - Văn khấn đức thánh hiền

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

Con cúi lạy Đức Thánh Hiền, Đại Thánh khải giáo A nan đà Tôn Giả.

Hôm nay là ngày .... tháng ...... năm .... (âm lịch)

Tín chủ con là............................... cùng toàn gia quyến

Ngụ tại ....

....

Chúng con cúi xin dâng lễ mọn: Hương hoa, oản quả, lễ vật

Với tấm lòng thành

Cầu mong Tam Bảo, Đức Thánh Hiền chứng giám

Rủ lòng thương xót, phù hộ cho chúng con được mọi sự tốt lành

Mùa màng bội thu, làm ăn phát đạt

Nhà cửa mát mẻ, yên bình

Người người khoẻ mạnh

Cháu con học hành tấn tới, thi cử đều qua

Tiêu trừ bệnh tật, tai ương

Gia đình hạnh phúc

Cầu được ước thấy.

Cẩn nguyện.

Bài 34 - Văn khấn đức địa tạng âm bồ tát

(U Minh giáo chủ)

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô Đại bi, Đại nguyện, Đại Thánh, Đại từ Bản tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Kính lễ đức U Minh giáo chủ thùy từ chứng giám.

Hôm nay là ngày ..... tháng ..... năm .... (âm lịch)

Tín chủ con là .... cùng toàn gia quyến

Ngụ tại ....

....

Thành tâm đến trước Phật đài, nơi điện Cửu hoa kính dâng lễ vật: hương hoa, oản quả .... nhất tâm kính lễ.

Cúi xin các ngài dốc lòng phù hộ

Che chở cứu vớt chúng con và toàn gia quyến

Các Ngài như mẹ hiền, phù trì cho con trẻ

Như ánh ngọc Minh Châu tiêu trừ tội lỗi

Trí tuệ mở mang, giảm nhẹ não phiền

Lúc còn sống luôn luôn thiện nguyện

Quyết noi gương Đại sĩ cứu độ chúng sinh

Khi vận hạn, ốm đau nhờ đức từ hộ niệm

Lúc lâm chung, được nhờ ánh bi quang

Vượt khỏi tam đồ, sinh lên cõi thiện.

Lại nguyện cho hương linh gia tiên chúng con

Nhờ công đức cúng dâng này, thảy đều siêu thoát.

Giãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn nguyện.

Bài 35 - Văn sớ cầu bình an

Kính xin thưa rằng:

Người người khoẻ mạnh, nhà nhà yên vui

Tâm hồn hoan hỷ, cuộc sống an bình

Là sở nguyện của con người.

Vận hạn tai ương trông vào phép Phật giải thoát

Dốc lòng tụng niệm, động đến mười phương

Nay chúng con là .... cùng toàn gia quyến

Ngụ tại ....

....

Lên chùa thiêng .... (chùa gì)........

Phụng sự Phật, Thánh có lễ dâng cúng

Nhân ngày xuân (hoặc ngày lễ gì đó) dâng lên sớ tấu

Cầu cho hết hạn, được bình an.

Cầu tài lại mong được trường thọ.

Ngước trông chư vị Phật, Thánh thông sáng

Thấu tỏ lòng dạ chúng con

Chúng con sinh ra nơi trần thế

Nhưng số kiếp lại tại cung trời

Trong cuộc sống chắc có nhiều sơ xuất

Vào ra không tránh khỏi lỗi lầm

Nay xin được kính dâng lễ vật

Cầu mong sao được bình an

Nay cung kính:

Nam mô thập phương vô lượng chư Phật

Thường trụ Tam Bảo. Kim liên toạ hạ

Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn

Nam Hải Quan Thế Âm Bồ Tát, Hồng liên toạ hạ

Tam giới thiên chúa, tứ phủ vạn linh, Công đồng thánh đế, Ngọc bệ hạ.

Đương niên Hành Khiển, chư vị nhật nguyệt thời tôn thần vị tiền.

Bản tự thập bát Long thần Già Lam chân tể, vị tiền.

Kính xin chư vị tôn thần mở lòng thương xót.

Chấp nhận tấu văn, mong đức lớn khương phù

Mở lòng cứu giúp, chính trực công minh

Giúp chúng con có đường đi lương thiện

Bỏ qua lỗi lầm, ban cho phúc đẹp điềm lành

Cho gia đình con được thịnh vượng

Mọi người trong gia đình sức khoẻ được dồi dào

Bốn mùa làm ăn buôn bán không lo hoạn nạn

Hướng về chính nghĩa, mở rộng từ tâm

Nhân tốt gieo mầm, điều hay học hỏi

Cuộc đời tăng hạnh phúc vinh quang

Nếp sống tiến văn minh ngày mới

Bốn ơn đền đáp, chín phẩm siêu sinh

Tổ quốc hoà bình, nhân dân an lạc.

Chúng con cẩn trọng làm sớ văn, ngày .... tháng .... năm.......

Tín chủ thành tâm dâng văn tấu.

Bài 36 - Văn sớ cầu siêu độ gia tiên

Trước Tam Bảo chúng con trộm nghĩ:

Mười phương bậc Đại giác, soi tỏ chốn đường mê

Ba cõi đức đại sư, thả thuyền từ nơi bể khổ

Lễ cầu siêu độ, kính niệm Tổ tiên

Một niệm cầu, mười phương chứng giám

Nay tín chủ chúng con là........................

Ngụ tại ....

....

Cùng toàn gia quyến tới trước Phật đài nơi chùa ....

Cầu siêu độ cho Gia tiên.

Gia tiên chúng con là.................................

Sinh năm ....

Mất ngày....... tháng .... năm .... Hưởng thọ .... tuổi

Phần mộ mai táng tại ....

Nhờ hồng âm Tam Bảo, đại xá cho vong linh, khi sang nước Phật.

Chúng con trộm nghĩ:

Chân linh chư vị, lúc bình sinh nơi trần thế

Tuệ cạn chướng sầu, nghiệp dày phúc mỏng.

Sai lầm đã lắm, ân oán đã nhiều

Nay lễ cầu siêu, dốc lòng sám hối.

- Kính lạy trước Tam Bảo khắp mười phương
- Kính lạy Phật Thích Ca Mâu Ni Giáo chủ cõi Sa Bà.
- Kính lạy A Di Đà Giáo chủ cõi Tây Phương cực lạc
- Kính lạy Đức Quan Âm Đại Hải Bồ Tát.
- Kính lạy chư vị đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn.

Cứu vớt vong linh ....

Được thoát khỏi u đồ, nấp bóng đài sen cửa Phật

Đời đời nhẹ gánh thảnh thơi

Kiếp kiếp thân cung mát mẻ

Lại cầu nguyện cho sám chủ chúng con:

Thân mệnh an khang, tâm thần cởi mở

Nhân lành nảy nở, nghiệp dữ tiêu trừ

Sở nguyện thành tâm, tứ thời mạnh khoẻ

Điều lành thường đến, điều dữ tránh xa

Khang thái vinh hoa, cửa nhà vui vẻ.

Lòng thành khẩn thiết, văn sớ kính bày

Ngày ...... tháng .... năm ....

Nam mô A Di Đà Phật! (3 lần)

(vái 5 vái)

PHỤ LỤC I

TIẾN TỚI HÌNH THÀNH TẬP QUÁN MỚI VỀ HOẢ TÁNG, ĐIỆN TÁNG

Nhân dân ta cũng như các dân tộc khác trên thế giới, từ xưa đến nay vẫn quan niệm: Việc tang là một trong những vấn đề tối trọng trong đời sống của con người. Trong việc tang thì phương thức mai táng và nghi thức mai táng là cốt lõi.

Tùy theo điều kiện tự nhiên, tập quán xã hội, tôn giáo, trình độ khoa học kỹ thuật... mà các dân tộc có những hình thức mai táng khác nhau. Các hình thức mai táng đó cũng phản ánh trình độ phát triển và trình độ văn minh của các dân tộc.

Ở nước ta, hình thức mai táng người qua đời chủ yếu là địa táng (hoặc chôn một lần - đào sâu chôn chặt; hoặc sau ba năm cải táng, đưa xương cốt vào tiểu sành rồi chôn lại vĩnh viễn. Hình thức mai táng truyền thống này đã bộc lộ nhiều nhược điểm: tốn nhiều diện tích đất để làm nghĩa địa, mất vệ sinh gây ô nhiễm môi trường, hao tổn sức người sức của cho tang chủ...

Qua điều tra thực tế ở xã Tự Nhiên, Duyên Thái (Thường Tín, Hà Tây) và ở xã Thuy Phương, Liên Mạc (Từ Liêm, Hà Nội) thì thấy cứ bình quân 2000 hộ, cần trên 1 héc-ta (ha) đất nghĩa trang. Theo điều tra mới nhất, nước ta hiện có hơn 15 triệu hộ gia đình - tức là cả nước có trên 7500 héc ta đất nghĩa trang. Như vậy diện tích nghĩa trang trong cả nước tính theo tỷ lệ dân số và đất canh tác là rất lớn (bằng 1/6 tổng diện tích đất canh tác và bằng 1/10 tổng diện tích đất đai).

Một vài số liệu đáng quan tâm là thành phố Hà Nội có một nghĩa trang

lớn là nghĩa trang Văn Điển, với tổng diện tích là 19.000m^2, dân số nội thành là khoảng 1,5 triệu. Tỷ lệ chết tự nhiên của nội thành theo niên giám thống kê của Tổng cục thống kê luôn ở mức từ 0,65 đến 0,70 phần nghìn, trong hơn chục năm qua. Nếu tính cả chết do tai nạn, bệnh dịch và nhiều lý do khác, có năm lên đến 1 phần nghìn. Nếu lấy tỷ lệ chết bình quân là 0,07 phần nghìn thì mỗi năm nội thành có 8500 người chết. Trong khi đó, diện tích đất cần thiết cho một hố mai táng là 2,5m^2. Tính hết và đủ thì nghĩa trang Văn Điển chỉ có thể sử dụng cho 4600 người được chôn cất. Vậy, số còn lại sẽ giải quyết ra sao? (Thực tế, trong một ngày nghĩa trang Văn Điển chỉ có thể thu nhận từ 15 đến 20 đám tang, ngoài 20 đám, nghĩa trang đành từ chối). Báo Hà Nội mới thường xuyên thông báo cho các gia đình có thân nhân đã hết hạn cư trú tại Văn Điển nhanh chóng cải táng, để dành chỗ cho người mới chết.

Hà Nội đã xây thêm nghĩa trang tại Ba Vì và Thanh Tước, rồi đây hai nơi này cũng không đủ thì sẽ còn xây thêm ở đâu nữa. Tình trạng này, nếu cứ để phát triển tự nhiên, thì năm mười năm sau không biết sẽ như thế nào?

Ngoài số diện tích đất để chôn cất, số lượng gỗ làm áo quan cũng rất lớn. Người ta đã tính, mỗi cỗ áo quan phải dùng 0,25m^3 gỗ - nếu tỷ lệ chết tự nhiên trong cả nước (theo niên giám thống kê năm 2001) thì mỗi năm số gỗ dùng làm áo quan trên cả nước là 132.400m^3 gỗ. Đó là chưa kể đến vùng Tây Nguyên, vùng núi biên giới, đồng bào dân tộc ít người, theo tập quán mỗi khi gia đình có người chết, nhân dân thường vào rừng chọn gỗ tốt, có thân cao, thẳng - đẵn cả cây, đục thành quan tài hình thuyền, để mai táng người thân qua đời.

Như vậy, việc mai táng làm mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường (như đã nói ở trên) đó là chưa nói đến các nghi thức phiền toái, các hủ tục lạc hậu, tạo điều kiện cho các biểu hiện mê tín dị đoan phục hồi.

Để giải quyết nguy cơ của thực tiễn xã hội hiện nay về việc tang, nhiều địa phương (đặc biệt là các thành phố lớn và các khu công nghiệp tập trung đông dân) đã phải xây dựng thêm nghĩa trang, vận động nhân dân trồng "cây bảo thọ" để lấy gỗ làm áo quan, tổ chức các dịch vụ mai táng đảm bảo

vệ sinh môi trường,v.v... Tiếp theo là xây dựng ngắn hạn các khu vực lò thiêu xác, để tiến tới hình thành tập quán mới về hoả táng trong việc tang (thay thế cho địa táng).

Ngày 1 tháng 10 năm 1990, tại Hội thảo về Quy hoạch thủ đô Hà Nội đến năm 2010, trong đó có quy hoạch lò thiêu xác, và quy hoạch này đã được Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) duyệt.

Nhiều địa phương đã cử các đoàn tham quan, nghiên cứu về lò thiêu xác ở các nước tiên tiến trên thế giới, đơn phương chủ động đặt mua lò thiêu xác và đề nghị viện trợ dưới nhiều hình thức... Hội kiến trúc sư Việt Nam và trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đã hướng dẫn sinh viên khoa Kiến trúc đô thị làm đồ án tốt nghiệp với đề tài thiết kế khu vực lò thiêu xác.

Công ty Cơ điện công trình Hà Nội đã được nhà nước giao cho nhiệm vụ thiết kế xây dựng lò thiêu xác tại Văn Điển, và đã nhập lò điện táng hiện đại của một nước Bắc Âu. Khu vực điện táng này đã đi vào sử dụng từ cuối 1992 đến đầu 1993. Hiện nay khu điện táng này đã hoạt động hai lò đều đặn, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu điện táng của nhân dân – do nhu cầu quá đông.

Bộ Văn hoá (nay là Bộ Văn hoá Thông tin) phối hợp với Văn phòng Ban chỉ đạo Nếp sống mới Trung ương đã tổ chức Hội thảo khoa học về hoả táng tại Hà Nội. Trong Hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý văn hoá - xã hội đã thống nhất: "Đã đến lúc cần phải thay đổi hình thức mai táng hiện nay bằng hoả táng. Trên cơ sở nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tính ưu việt của hoả táng, lợi ích của hoả táng, quy trình hoả táng, thiết kế các lò thiêu xác ở Việt Nam sao cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh nước ta, các nghi thức hoả táng, các dịch vụ hoả táng, những công việc tiếp theo sau khi thiêu xác... Trên cơ sở đó, mà khẳng định tính cấp bách, tính thực tiễn khoa học, lợi ích kinh tế - xã hội - văn hoá của hoả táng".

Cũng năm 1990, Bộ Văn hoá (nay là Bộ Văn hoá Thông tin) đã tổ chức điều tra xã hội học về nhu cầu hoả táng ở chín cơ quan, xí nghiệp, đơn vị (Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ký túc xá trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Nhà máy Cơ khí chính xác, Nhà máy dệt 8/3, Nhà máy in

Tiến bộ, Bộ Tư lệnh thủ đô...). Kết quả điều tra cho thấy 97,8% số người được hỏi đều có nhu cầu hoả táng. Trên cơ sở đó đã đề nghị với Đảng và Nhà nước có chủ trương, kế hoạch tổ chức và chỉ đạo công việc hoả táng ở nước ta.

Hiện nay, khu điện táng Văn Điển, Hà Nội (còn gọi là Đài Hoá Thân Hoàn Vũ) đã phục vụ khá tốt. Nếu người qua đời tại Hà Nội đăng ký điện táng tại đây, thì toàn bộ chi phí từ xe tang, quan tài, thực hiện các nghi lễ (do Ban lễ tang của Đài Hoá Thân Hoàn Vũ làm), gia chủ chỉ chi khoảng 3 triệu đồng và chờ khoảng hơn một giờ đồng hồ là có thể nhận được bình than tro. Với giá cả hợp lý và phương thức tổ chức tang lễ trang trọng và ân tình, khu điện táng này đã được đông đảo nhân dân lựa chọn khi có người thân qua đời.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, do tốc độ phát triển đô thị hoá rất nhanh, các nghĩa trang ven đô bị lấn dần, hiện trạng dân cư sống chen lẫn xung quanh nghĩa trang đã làm xuất hiện sự phức tạp, ô nhiễm môi trường sống, gây nhiều khó khăn trong quản lý đô thị. Vì vậy, thành phố có chủ trương giải toả nghĩa trang lấy đất phục vụ các công trình xã hội, đồng thời khuyến khích hình thành thêm các hình thức mai táng mới – Hoả táng hiện đại.

Thành phố đã giao cho Công ty Môi trường đô thị (là doanh nghiệp Nhà nước) triển khai hình thức hoả táng từ năm 1988 với công nghệ ban đầu là lò xây, dùng củi làm nhiên liệu đốt tại Trung tâm hoả táng Bình Hưng Hoà với công suất 10 lò. Với công thức vừa làm vừa thuyết phục nhân dân, vừa đúc rút kinh nghiệm, vừa nghiên cứu thay đổi cách thức phục vụ tang lễ văn minh, lịch sự, đồng thời cho người đi tìm hiểu và nghiên cứu các phương pháp hoả táng hiện đại ở một số nước trên thế giới. Sau tám năm kiên trì thực hiện, năm 1996, thành phố đã xây dựng Trung tâm hoả táng gas hiện đại thứ nhất tại Bình Hưng Hoà, với 11 lò hoả táng gas được nhập về từ Hoa Kỳ và Canada. Đến năm 2005 Trung tâm này đã có diện tích 12.000m^2. Giữa năm 2005 thành phố xây dựng thêm Trung tâm thứ hai tại Nghĩa trang Đa Phước với số lượng 2 lò để phục vụ cho nhân dân ở các vùng: Quận 5, quận 6, quận 7, quận 8, Nhà Bè, Bình Chánh và vùng lân cận Cần Đước,

Cần Giuộc - Long An.

Đây là dạng lò được thiết kế theo nguyên lý hai buồng đốt sơ cấp và thứ cấp; khói được sản sinh trong quá trình đốt từ buồng sơ cấp được thu hồi về buồng thứ cấp đốt lại với thời gian lưu cháy 1 giây, với nhiệt độ từ 1050 - 1110^{0}C đã làm triệt tiêu các loại khí, bụi có thể gây ô nhiễm khi thoát ra ngoài không khí. Lò hoả táng gas, khí thải được đo đạc hàng năm đạt yêu cầu về môi trường dựa trên tiêu chuẩn về khí thải do Nhà nước Việt Nam ban hành (TCVN 1995 và TCVN 1999).

Việc hình thành hai Trung tâm hoả táng gas hiện đại tại thành phố Hồ Chí Minh, với công suất 13 lò, bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu hoả táng của người dân thành phố và đáp ứng với yêu cầu đảm bảo môi trường ở đô thị. Đồng thời, với sự khang trang, sạch sẽ, lịch sự, với những trang thiết bị nâng hạ hiện đại được đặt bên cạnh các bàn thờ trong các phòng hành lễ, đã không làm mất đi sự tôn nghiêm, thành kính của một sự tiễn biệt người thân khi làm lễ. Những hệ thống camera quan sát quá trình hoả táng, những màn hình ti vi hiển thị danh sách tên, tuổi, số hiệu lò... là những yêu cầu hết sức cần thiết, đã tạo sự trân trọng và niềm tin đối với tang chủ và thân quyến. Đặc biệt là việc áp dụng hệ thống ISO 9001-2000 đã được tổ chức DNV cấp giấy chứng nhận, đã làm tăng thêm sự tin tưởng của người dân đối với hình thức hoả táng này. Cách hoả táng mới đã xoá dần phong tục "đào sâu chôn chặt" và hình ảnh nhếch nhác, lộn xộn có cảm giác ghê sợ của những lò hoả táng công nghệ cũ đốt bằng củi trước kia.

Với số liệu thống kê của Xí nghiệp Dịch vụ môi trường thuộc Công ty Môi trường đô thị thành phố Hồ Chí Minh (tháng 6/2006) thì: năm 1988 số người chết xin hoả táng chỉ chiếm 33%, thì năm 2005 đã tăng lên 93% so với tổng số lượng mai táng.

`PHỤ LỤC II

CẦN HIỂU THỌ MAI GIA LỄ NHƯ THẾ NÀO CHO ĐÚNG?

1. Hoàn cảnh ra đời

Khi Nho giáo trở thành quốc giáo, giai cấp phong kiến ra sức tuyên truyền, cổ vũ kỷ cương của đạo Nho. Đáp ứng nhu cầu ấy, năm 1483, Lê Thánh Tông ban hành *Luật Hồng Đức* gồm 721 điều về luật hình, luật hôn nhân và gia đình, luật dân sự và tố tụng, nhằm bảo vệ lợi ích và đặc quyền của giai cấp thống trị.

Với khuynh hướng truyền bá rộng khắp, các lễ giáo của đạo Nho đều được biên soạn thành các sách, đúc thành quy tắc, khuôn mẫu, đặt thành lễ nghi, gây thành phong tục để đi vào nếp sống xã hội. Việc quan, hôn, tang, tế cũng theo thể thức ấy, viết ra thành sách để phổ biến tận hang cùng ngõ hẻm, nhằm giáo hoá mọi người làm theo.

Nhiều nhà nghiên cứu văn hoá cho rằng: Có khả năng trước thế kỷ XVII, người Việt đã biết tuân theo gia lễ, nhưng là bản gia lễ được người Trung Quốc biên soạn và lưu hành. Bản ấy được gọi là *Chu Văn công gia lễ*, nếu chính xác thì đã được ra đời rất sớm, rồi dần dần được chính thức hoá. Sang đến ta, các triều đình, rồi các dòng họ lớn trong dân chúng đều theo *Chu Văn công gia lễ*. Không rõ văn bản đầu tiên ở Trung Quốc truyền sang từ bao giờ, và theo bản in nào? Nhưng theo giáo sư Vũ Ngọc Khánh cho rằng: Đến giữa thế kỷ XIX, có ông Trần Ái (Quỳnh Lưu, Nghệ An) soạn một bản, lấy đúng tên như vậy. Có lẽ thời ấy, những nhà nho Việt Nam đã nghĩ rằng nước ta là một nước văn hiến, thì cũng cần chứng tỏ là chúng ta

biết lễ, chúng ta nên có gia lễ riêng của người Việt Nam. Điều dự đoán này là có căn cứ thực tế.

Từ sau thế kỷ XVII, một số dòng họ đã có văn bản riêng cho họ nhà mình, có tham khảo *Chu Văn công gia lễ*, nhưng không hoàn toàn mô phỏng.

Thanh Hoá có gia đình họ Nhữ, Hà Đông có gia đình họ Phạm, Hưng Yên có gia đình họ Trần... đều có những tập gia lễ riêng. Tài liệu cho biết, có lẽ người đầu tiên soạn gia lễ riêng là Hồ Sĩ Dương, nhà sử học quê Quỳnh Lưu, Nghệ An, đỗ tiến sĩ năm 1652. Quyển gia lễ do ông soạn được lấy tên là Hồ Thượng thư gia lễ. Sau khi ông mất 10 năm, một nhà nho khác là Hồ Sĩ Tân, đỗ tiến sĩ năm 1721, đã soạn ra cuốn *Thọ Mai gia lễ*, để thực hiện quan, hôn, tang, tế trong mỗi gia đình. Tùy theo hoàn cảnh, nhiều nhà không thực hiện được đầy đủ, nhưng không ai làm khác được.

Từ khi ra đời đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, sách *Thọ Mai gia lễ* đã tạo ra các lễ thức, nghi thức việc tang, ăn sâu vào tập quán, phong tục của nhân dân ta.

Tại sao *Thọ Mai gia lễ* của Hồ Sĩ Tân lại được dân chúng hoan nghênh và áp dụng theo như vậy? Có thể do nguyên nhân ở tinh thần độc lập và tinh thần trọng nghĩa của dân tộc ta. Nhân dân ta rất đề cao chữ hiếu, nên *Thọ Mai gia lễ* đã đáp ứng được yêu cầu này.

Nghiên cứu kỹ *Thọ Mai gia lễ*, các nhà nghiên cứu văn hoá nước ta đều thừa nhận là sách đã được trình bày một cách rất hợp lý, có những điểm khá logic và nhiều điểm rất có tình người.

2. Nội dung sách *Thọ Mai gia lễ*

Hướng dẫn toàn bộ nghi thức, tiết văn của việc tang cha mẹ, bởi theo quan điểm đạo Nho, việc tang cha mẹ là việc tối trọng.

Sách trình bày toàn bộ nghi thức, lễ tiết các bước của một đám tang cha mẹ, gồm trên 40 nghi thức, lễ tiết được trình bày theo thứ tự công việc từ lúc hấp hối, đến lúc chôn cất xong, và các tuần tiết tiếp theo cho đến khi đoạn tang, cải táng.

Đại thể có thể tóm tắt như sau:

- Lúc hấp hối: Trối trăng, đặt tên hèm, chiêu hô, phát khốc.

- Lúc đã mất: Thiết hồn bạch, phạn hàm, tiểu liệm, đại liệm, tạ quan, đặt linh sàng, linh toạ, đề minh tinh, lễ thành phục, lễ chiêu tịch điện, trông khách điếu, phép quàn thấn, cách làm thần chủ.

- Lúc cất đám: Nghi thức chuyển cữu, lễ cáo yết tổ, cáo đào huyệt, cáo thần đạo lộ, dời cữu lên nhà thờ, rước cữu ra đại dư, lễ kiển điện, văn tế thần đại dư.

- Lúc đưa đám: Hành nghi dẫn cửu, lễ điện nghỉ giữa đường.

- Lúc hạ huyệt: Tặng huyền huân, tế thần hậu thổ, lễ thành phần.

- Rước thần chủ về nhà: Lễ phát khốc, lễ tổ, tế ngu, chôn hồn bạch, dựng mộ chí.

- Các tuần tiết tiếp theo: Lễ tốt khốc, lễ tiểu tường, đại tường, lễ đàm, cải táng...

- Về tang chế: Phép để tang và tang phục.

Các nghi tiết đều có hướng dẫn cụ thể, chú ý đến từng chi tiết nhỏ, lại có kèm theo bài văn tế, văn cáo, cô gọn thành mẫu, đúc thành công thức, cứ theo thế mà làm.

Ta thử lấy một ví dụ: Việc chôn cất người thân qua đời, *Thọ Mai gia lễ* có một mục là phải đem lễ đến cúng thổ thần, nơi ta sẽ đặt mộ người thân. Nay ta cho là điều mê tín, nhưng thổ thần là nhân vật nào? Có hay không? Ta cũng có thể nghĩ đó là chuyện bày vẽ. Nhưng xét cho cùng thì đâu phải là điều vô nghĩa. Người ta tin rằng chuyện người sống cũng như người chết, trần sạo âm vậy thì vì sao người sống ở đâu cũng phải đăng ký hộ khẩu, mà người chết lại không? Ta không bàn chuyện đúng sai, thật giả ở đây, mà chỉ nên thông cảm với cách hiểu vấn đề quả là logic.

Vấn đề để tang trong *Thọ Mai gia lễ* là vấn đề có thể xem là phiền phức, nhưng nhìn theo một giác độ khác, lại thấy con người qua *Thọ Mai gia lễ* rất có tình, rất muốn thể hiện lòng biết ơn với tất cả những kẻ thân, sơ. Theo giáo sư Vũ Ngọc Khánh: "Có lẽ chỉ có sách gia lễ này mới chỉ ra cho một con người, tùy theo hoàn cảnh riêng, con người có đến ba cha và

tám mẹ (tam phụ bát mẫu). Những cha mẹ ấy đã có dịp sống cùng mình, thì khi họ chết, mình phải để tang, tùy theo mức độ, mới là có tình có nghĩa. Nghĩ được như vậy quả là chu đáo, ít người có khả năng hình dung nổi. Tất nhiên, giờ đây, vấn đề khó mà được sự quan tâm, nhưng về căn bản, xét về tình người thì quả là chu đáo, là rất có văn hoá".

Theo cách hiểu, *tam phụ bát mẫu* là: Trừ cha mẹ đẻ ra, có thể có:

Ba cha là: - Cha ghẻ (chồng sau của mẹ)

- Cha ghẻ không ở chung
- Cha ghẻ ở chung khi cha đẻ đã mất.

Tám mẹ là: - Con vợ lẽ gọi vợ cả của cha là đích mẫu

- Mẹ mất, bố có vợ kế là kế mẫu
- Vợ hai của cha, có con là thứ mẫu
- Người nuôi khi mẹ mất là từ mẫu
- Người thiếp cho bú là nhũ mẫu
- Mẹ nuôi là dưỡng mẫu
- Mẹ đã li dị với cha là xuất mẫu
- Cha mất, mẹ tái giá là giá mẫu.

3. Cơ sở tư tưởng và cơ sở phương pháp của vấn đề việc tang trong sách "*Thọ Mai gia lễ*"

Sách *Thọ Mai gia lễ* tuy nội dung chỉ đề cập đến vấn đề việc tang, song thông qua vấn đề riêng biệt đó, những quan điểm tư tưởng Nho giáo cũng được thể hiện rõ. Đáng lưu ý là Nho giáo nói ở đây là Tống Nho. Bởi vì ở nước ta, từ đời Lê đến đời Nguyễn, Nho giáo chịu ảnh hưởng sâu sắc của Tống Nho. Về mặt triết học, Tống Nho theo thuyết duy tâm, bảo thủ. Về phương diện chính trị - xã hội, Tống Nho là công cụ bảo vệ chế độ quân chủ chuyên chế, duy trì đẳng cấp, củng cố trật tự xã hội phong kiến.

Cơ sở tư tưởng và cơ sở phương pháp của vấn đề việc tang trong sách *Thọ Mai gia lễ* được biểu hiện tập trung nhất ở mấy điểm sau đây:

a) Tôn sùng chữ "hiếu" với tính cách khuếch đại phi thực tế

Có thể nói, toàn bộ nghi thức, lễ tiết việc tang trong sách *Thọ Mai gia lễ* đều toát lên tinh thần tôn sùng quá đáng chữ "hiếu" trên cơ sở triết lý không tưởng.

Những kẻ giàu sang phú quý, địa chủ, quan lại, thậm chí cả bọn quý tộc, cũng chưa hẳn đủ điều kiện sớm hôm phụng dưỡng cha mẹ lúc sinh thời như thế, huống chi đến lúc cha mẹ chết, lại đền ơn báo hiếu bằng những nghi thức ra cáo, vào tế theo lối cung đình, vương giả như thế, thì thật là một sự bịa đặt hết sức viển vông, phi thực tế. Còn các tầng lớp nhân dân lao động, với lối sống lành mạnh, giản dị, với tình nghĩa thuần hậu, chất phác, đâu có cần đến những thứ phù phiếm, giả tạo ấy.

Mọi người đều biết rất rõ điều đó. Song, vấn đề là tại sao người ta vẫn ngoan ngoãn tuân theo, thực hiện những nghi lễ phiền phức, giả dối ấy gần như tự nguyện? Điều đó là do quan niệm người ta cho rằng muốn làm tròn chữ "hiếu" tất phải làm đủ "lễ".

Sách *Thọ Mai gia lễ* hướng dẫn khái niệm về "lễ" như sau: "Lễ là tiết văn của giời, là khuôn phép của người ta, từ ở nhà, ở nước, cho đến cả thiên hạ, đâu đâu cũng phải dùng, không thể bỏ được. Bởi thế, nên "đấng tiên hiền" đời xưa đặt ra "lễ". Việc quan, hôn, tang, tế hoàn toàn đầy đủ, in ra để cho người đời dùng. Từ lời nói, đến việc làm, có thể xem đó mà noi theo được".

Chính vì quan niệm làm đủ "lễ" cho trọn đạo hiếu, nên người ta buộc phải miễn cưỡng làm theo, lâu dần thành tục. Tuy biết tục ấy dở, mà vẫn chưa bỏ được là vì thế.

b) Trói buộc chữ "hiếu" trong khuôn khổ khái niệm nhỏ hẹp, với những phương pháp biểu hiện câu nệ, cổ hủ

Khổng Tử nói về đạo "hiếu" như sau: "Khi cha mẹ còn sống phải phụng dưỡng cho hợp lễ. Khi cha mẹ khuất, phải lo tống táng cho hợp lễ và cúng tế cho hợp lễ, mới không trái đạo làm con" (Sinh sự chi dĩ lễ, tử táng chi dĩ lễ, tế chi dĩ lễ (*Luận ngữ*)).

Xuất phát từ đó, đạo hiếu thời xưa được thu hẹp trong khuôn khổ hiếu

với cha mẹ, trên tinh thần "bách hạnh hiếu vi tiên" (chữ hiếu đứng đầu trăm nết). Một khi chữ hiếu được hiểu theo khái niệm chật hẹp ấy thì vai trò cha mẹ đối với người con là tất cả. Cha mẹ đã là trời biển của con thì chữ hiếu đáng vạn phần, người con chí hiếu chưa chắc đã làm đầy đủ được một phần. Bởi vậy, trong tang lễ, người ta cố chủ tâm đặt ra những lễ nghi rườm rà thật ngặt nghèo, cốt để câu thúc người con phải làm phận sự đạo hiếu hợp với cái "lễ" cổ hủ, lạc hậu của Nho giáo.

Có thể dẫn chứng bằng một vài ví dụ sau đây:

- Về lễ nhập quan, sách *Thọ Mai gia lễ* hướng dẫn: "Lau sơn, đậy nắp, đóng đinh lại cho kín, xong rồi đặt cỗ quan vào giữa nhà, quay đầu quan về hướng Nam, rồi gắn mạnh ngay cho kín, không nên để đến hôm sau. Lấy sơn rải hai bên cửa, con trai ngồi bên trái, con gái ngồi bên phải mà khóc. Từ đêm hôm ấy trở đi, các con phải nằm bên cữu, giải chiếu bằng rơm, gối đầu bằng gạch. Người tang một năm thì nằm bên cữu. Vợ chồng không được nằm chung. Từ đấy, các con phải gối đất nằm rơm, chầu chực khuya sớm, không được rời chân".

- Trong lúc chiêu hô, sách *Thọ Mai gia lễ* ghi: "Theo tục gọi cha thì ba hồn bảy vía, gọi mẹ thì ba hồn chín vía ở đâu thì về, rồi đem đắp vào thây người chết. Con trai, con gái bảo nhau đều cất tiếng khóc. Phải bỏ hết quần áo đẹp, không được ăn, được uống, hàng xóm cho cháo thì được ăn...".

- Về tang phục, sách *Thọ Mai gia lễ* ghi từng đoạn: "... Tang phục bằng đồ sô gai, rách không được vá, ngắn không được nối thêm, đầu đội mũ rơm, lưng thắt đai rơm buộc giải"... "Người con để tang cha mẹ, ba ngày không được ăn uống, không ngơi tiếng khóc, nếu mà mệt hay ốm phải chống gậy mới đứng dậy được"... "Trượng là gậy, tang cha thì dùng gậy tre triết gốc, tang mẹ thì dùng gậy vông. Cách chế thì trên tròn dưới vuông, dài thì tùy theo từng người, lấy ngang lưng làm đích, cầm thuận gốc ở dưới"... "Con trai chống gậy, con gái con dâu thỉnh thoảng lăn ra đường, con gái ngoảnh mặt tới trước, con dâu ngoảnh mặt về phía sau, lăn ra khóc mà cản đường"...

- Ý nghĩa sự lăn đường là "Sơn cao thủy thâm", ơn cha nghĩa mẹ rất nặng, nên tượng trưng để cho kẻ khiêng phần xác cha hay mẹ mình, được

đạp lên thân xác mình làm cái kê đường cho người khiêng, vì cha mẹ mình mà họ phải cực lây, ví đường đồi cao thấp chông gai, cho vong hồn được thoải mái về cõi trường sinh"... "Sau ba năm hết tang mới đi ăn uống ngôi thứ trong làng, mới được uống rượu, ăn thịt và nằm chung với vợ"...

Như vậy, trên cơ sở khuôn khổ khái niệm chật hẹp, chữ "hiếu" của đạo Nho được biểu hiện bằng những phương pháp cực kỳ khổ hạnh, nhằm làm nô lệ hoá phẩm cách con người. Trong việc tang cha mẹ, người con phải làm cho đủ "lễ", nghĩa là phải chịu mọi thứ khổ hình để báo hiếu như: Để thân hình tiều tụy, chịu đói, chịu khát, khước từ mọi thứ sinh hoạt gia đình, thoát ly với mọi sinh hoạt xã hội.

Con người càng tỏ ra biết "lễ" bao nhiêu, càng tiến hành sự "hiếu" theo nghi thức gò bó của sách *Thọ Mai gia lễ* hướng dẫn bao nhiêu, người con càng trở thành ngu hiếu bấy nhiêu. Cả cuộc đời người con chỉ biết cúi đầu, dốc hết tâm lực vào việc thực hiện những lễ nghi thủ cựu ấy, thì còn đâu tâm trí để mở rộng tầm mắt, tầm suy nghĩ tới nhiều việc to lớn ngoài xã hội, ích nước lợi dân.

Sử dụng chữ "hiếu" để củng cố chế độ gia trưởng

Nghi thức lễ tang nói trong sách *Thọ Mai gia lễ* chính là một hệ thống phương pháp đặt ra để giải quyết yêu cầu của đạo "hiếu" theo quan điểm Nho giáo.

Đạo hiếu ấy được thể hiện, thì mối quan hệ huyết thống tông tộc được củng cố. Trên cơ sở ấy, chế độ gia trưởng được duy trì bền vững. Bởi thế, việc tang trở thành việc hệ trọng, vấn đề tang chế giữ vị trí then chốt của mọi nghi lễ việc "hiếu". Không có vấn đề tang chế thì không có lễ tang phong kiến.

Về tang chế, sách *Thọ Mai gia lễ* dành nhiều trang trình bày tường tận quy tắc "Cửu tộc ngũ phục":

Quy định 5 bậc để tang.

Quy định phép để tang 9 đời.

Tám hạng mục để tang cha mẹ "bát mẫu báo phục".

...

Quy định may cắt tang phục cho con trai, con gái: phép sắm mũ, gậy, dây rơm cho con trai, mũ mấn, thắt lưng cho con gái; có hướng dẫn quy cách chít khăn tang buông múi bên phải, bên trái để phân biệt thứ bậc trong ngũ phục; lại còn xếp đặt chỗ đứng bên phải, bên trái, gần hay xa cữu cho các thứ bậc để tang.

Như vậy là trên bình diện của huyết thống tông tộc, quy tắc "Cửu tộc ngũ phục" phác thảo ra một sơ đồ tang chế thật hoàn chỉnh, gồm một đội ngũ đủ màu sắc chế phục, trong lớp bao quanh người gia trưởng khá chặt chẽ. Đó là sơ đồ tập hợp lực lượng bảo vệ chế độ gia tộc khá kiên cố. Song, vấn đề cơ bản của nó là thông qua con đường việc "hiếu", dựa vào chữ "hiếu", sử dụng chữ "hiếu" vào việc xác định trách nhiệm cho mỗi người, mỗi luân hệ đối với việc giữ gìn tôn ti trật tự tông huyết mà bảo vệ chế độ gia trưởng. Củng cố vững chắc chế độ gia tộc. Tóm lại, trong gia đình, gia trưởng là một vị chủ nhân chuyên chế, cũng như một vị quân chủ chuyên chế trong một quốc gia vậy.

d) Tận dụng chữ "hiếu" để đề cao trung quân

Sách *Thọ Mai gia lễ* hướng dẫn cách thức hành nghi dẫn cữu, xếp cờ đan triệu đi hàng thứ hai sau hai vị phương tướng. Trên cờ đan triệu có ghi hai chữ "Trung tín" (là đàn ông), "Trinh thuận" (là đàn bà).

Xem thế đủ rõ: Chữ "hiếu" là để thờ cha mẹ, chữ thuận là vâng mệnh người trên. Gia trưởng là người trên trong gia đình. Người trên nhất là vua. Vua xem chế độ quân chủ cũng tức là chế độ gia trưởng mở rộng ra. Hiếu thuận là đạo tề gia cũng là cái lý của đạo trị quốc và bình thiên hạ.

Trong lễ rước chầu tổ, sách *Thọ Mai gia lễ* hướng dẫn trường hợp người chết có mũ áo vua ban như sau: "Phải biết rằng phẩm phục ấy chỉ để chầu vua thôi. Ngoài việc chầu hoặc tế vua không được dùng nhầm".

Đoạn khác: "Thấy quan sứ giả (tức quan khâm mệnh) đến, từ người tang chủ cho đến các con cháu phải im khóc, cởi đồ tang phục ra, lấy áo mũ cát phục mặc vào, ra đón quan sứ giả ở ngoài cửa chính, dẫn quan sứ giả vào đứng bên chỗ làm lễ điện, vì lễ ấy có nghi thức của triều đình. Khi làm lễ

xong, tang chủ đứng trước long đình lễ tạ 5 lạy, 3 vái, rồi lui xuống một bước lại lạy 4 lạy, đoạn rồi mời quan sứ đến nhà khách tiếp đãi cho đúng phép".

Những lễ nghi ấy chứng tỏ tuy chữ hiếu là gốc, nhưng chữ trung bao giờ cũng đặt lên hàng đầu. Mặc dầu chữ trung chỉ có nội dung đề cập đến quan hệ vua - tôi, không hề có nội dung đề cập đến quan hệ nước-dân, thì chữ trung ấy cũng được đề lên vị trí tột đỉnh, để giữ uy quyền tối cao của vua trong chế độ quân chủ chuyên chế.

Nếu chữ "hiếu" phong kiến đã biến người con thành *ngu hiếu*, thì chữ "trung" của đạo trung quân cũng biến những bầy tôi rất mực trung thành với nó thành *ngu trung*, để họ có thể chỉ biết đến chủ nghĩa trung quân của phong kiến, mà không hề biết đến chủ nghĩa yêu nước của nhân dân. Đây là nội dung tư tưởng chính trị của chữ "trung" phong kiến mà sách *Thọ Mai gia lễ* đã đề cập trong lễ tang.

Cũng như đạo "hiếu" duy trì tôn ti trật tự theo huyết thống trong gia đình, đạo "trung quân" duy trì thứ bậc trong chế độ phân biệt đẳng cấp, phân biệt ngạch bậc phẩm tước ngoài xã hội. Như vậy là giai cấp phong kiến hiểu rất rõ tác dụng to lớn và hết sức sắc bén của chữ "hiếu" với chữ "trung" nhằm giải quyết một nhu cầu sinh tử về chính trị - xã hội là củng cố vững chắc chế độ quân chủ chuyên chế.

e) Thần bí hoá chữ "hiếu" để củng cố thần quyền

Với quan điểm triết lý duy tâm, bảo thủ của Tống Nho, sách *Thọ Mai gia lễ* đã thể hiện đầy rẫy những tư tưởng thần bí về cái chết của con người.

Toàn bộ nội dung về các nghi văn lễ tiết đều chứa đựng yếu tố mê tín, gieo rắc quan niệm huyền bí về chữ "hiếu". Bởi lẽ ấy, trong lễ tang, người ta bày ra rất nhiều lần cúng tế, đặt ra nhiều thứ lễ bái phiền phức.

Sự bày đặt lễ lạt rườm rà, phiền toái ấy chẳng có gì khó hiểu. Nó có thể được giải thích rằng: Người ta không những phải cúng tế người mới chết với một loại nghi lễ mới, cốt để tạo thế cho người vừa mới chết thành một thứ thần mới, rồi trên cơ sở tạo lập ấy, đưa thần mới nhập vào hệ thống thần cũ để thờ phụng đời đời.

Thực chất những lễ nghi, từ việc đặt tên hèm lúc còn hấp hối, đến việc hú hồn lúc lâm chung; từ việc thiết hồn bạch, phạn hàm, đặt linh sàng, linh toạ để thờ khi quan tài còn ở trong nhà, đến việc tế thần chủ, cáo thần chủ lên từ đường để thờ chung với tổ tiên, gia tộc... đều là những công thức phải làm trong quá trình tạo lập thần mới, biến từ một người vừa mới chết ở trần gian sang làm thần ở thế giới huyền bí bên kia.

Xoay quanh những việc đó, thuyết âm dương, ngũ hành, bát quái được sử dụng vào việc tế lễ, chọn ngày làm lễ tế ngu, lễ tốt khốc, bói toán, xin âm dương, làm lễ đàm (lễ đoạn tang), chọn hướng "khôn", đốt minh tinh khi lấp huyệt.

Thuyết phong thổ địa lý cũng có mặt để phân kim dóng hướng lúc hạ quan, khi cải táng.

Vấn đề sinh tử do mệnh trời định là vấn đề bao trùm. Trong sách *Thọ Mai gia lễ,* quan điểm thiên mệnh được pha trộn với các sách âm dương, ngũ hành, bát quái, lẫn vào việc "hiếu", làm cho việc "hiếu" trở nên duy tâm, thần bí.

Quan niệm "thiên mệnh" của đạo Nho có rải rác ở khắp các nghi văn, lễ tiết trong sách *Thọ Mai gia lễ,* song, ở đây chỉ lấy nội dung 2 bài văn tế để làm ví dụ.

Bài văn tế Trung nguyên ghi như sau: "Than ôi, trăng trối vì mây, bèo lan bởi gió, chắc thiên công chừng có cơ cầu, hỡi cha (mẹ) đi đâu, để con trẻ xiết bao thương nhớ, dâu bể bao làn sóng vỗ, mây xanh trông ngắt một màu, nhớ công sinh dục, bấy lâu lệ rơi chan chứa, giờ đã âm dương chia ngả, dạp lại âu sầu, thôi thì thôi, nghĩa nặng ân sâu, lòng con đã rõ, ngày thực chóng, Trung nguyên tiết giữa, tháng bảy là đầu, tâm thành một lễ, trước án cúi đầu, xin người chứng quả, trọng nghĩa trước sau. Thượng hưởng".

Bài văn tế Thành Phần ghi: "Than ôi, sương sa cây đổ, mây phủ núi che, hỡi thiên công sao khéo khắt khe, cho cuộc thế ai ngờ ra thế. Nhớ công cha mẹ, giọt lệ đầm đìa, đường đi chẳng thấy lối về, sóng vỗ can làm dâu bể. Thôi từ đây dẫu thể phách đã về miếu Bắc Lý, nhưng linh hồn còn tỉnh giấc Nam Kha. Thôi! Vời trông chín tầng mây phủ, ba thước đất dè cảnh tình lai

láng, thương nhớ thảm thê, nhân nay phần mộ vẹn lễ. Công việc êm đẹp mọi bề, suối vàng có biết, ngàn thu đừng mê, gọi là lòng thành lễ bạc, giãi tỏ lòng quê".

Như vậy, quan điểm "thiên mệnh", cùng với tư tưởng của thuyết âm dương, bát quái, ngũ hành tương sinh, tương khắc, vốn từ lâu đã trở thành giáo lý huyền bí, mê tín của đạo Nho. Sách *Thọ Mai gia lễ* đem nó lồng vào việc tang, gắn nó với việc tế thần linh vào thờ cúng cha mẹ, tổ tiên.

Việc "hiếu" trong sách *Thọ Mai gia lễ* được khoác thêm chiếc áo duy tâm, huyền bí để củng cố địa vị thần quyền. Điều đó mang nhiều lợi ích cho việc củng cố chế độ gia trưởng, duy trì bền chặt chế độ quân chủ chuyên chế. Nó đối lập với tư tưởng khoa học tiến bộ, kéo lùi trí tuệ con người, cản bước đường đi lên của xã hội.

Khái quát lại, các lễ nghi trong tang lễ, thờ cúng cha mẹ, tổ tiên theo sách *Thọ Mai gia lễ* chẳng qua chỉ là hình thức. Thực chất nền tảng tư tưởng của nó nhằm bảo vệ chế độ gia trưởng, bảo vệ chế độ quân chủ, duy trì tôn ti trật tự trong gia đình kiểu Nho giáo, tức là nhằm khẳng định đạo "tề gia", đạo "trị quốc", "bình thiên hạ", nhằm duy trì vĩnh viễn chế độ quân chủ chuyên chế - cũng là duy trì quan điểm phong kiến.

Nội dung vấn đề việc tang trong sách *Thọ Mai gia lễ* chứa đựng những quan điểm duy tâm, bảo thủ và lạc hậu. Gạn lọc loại bỏ những tiêu cực, hạn chế đã nói ở trên, chúng ta có thể khai thác những gì là tập quán phù hợp, mang bản sắc văn hoá truyền thống của dân tộc; Phê phán cơ sở nhận thức và hệ thống phương pháp luận phong kiến, nhằm xây dựng việc tang lễ trong sạch, lành mạnh, phù hợp với nếp sống văn hoá - nếp sống xã hội chủ nghĩa tươi đẹp của chúng ta.

PHỤ LỤC III

CÁCH CHỌN NGÀY LÀNH THÁNG TỐT

Từ xa xưa, nhân dân ta vẫn chú trọng đến "ngày lành tháng tốt". Từ việc cưới hỏi, tang ma, làm nhà, khai trương, xuất hành... ai cũng đều chọn ngày tốt, giờ tốt. Ngày nay cũng vậy, tuy có người không tin, phỉ báng, lên án; nhưng khi khảo sát thực tế ở nhiều địa phương (cả thành thị lẫn nông thôn), các gia đình trí thức, công nhân, nông dân và cả các gia đình cán bộ, đảng viên... khi có những công việc lớn của gia đình họ đều xem ngày, giờ rất cẩn thận và nghiêm túc (đây là một thực tế, không thể chối cãi được). Vì vậy, khi viết về *"Việc tang lễ"*, nếu tôi cố tình lảng tránh vấn đề này, thì sẽ là thiếu sót và không thoả mãn yêu cầu của đông đảo bạn đọc. Nhưng nếu coi việc chọn ngày lành tháng tốt là có cơ sở khoa học, thì cũng không đúng - vì vấn đề này vô cùng phức tạp và còn nhiều điều bí ẩn, nên tôi đưa vào phần phụ lục, để giúp bạn đọc tham khảo và cùng nhau nghiên cứu mà thôi. Mặt khác, đây là vấn đề quá lớn, không chỉ trong một quốc gia, một dân tộc mà còn là sự quan tâm của nhiều người, nhiều ngành khoa học hiện nay.

Thời xưa, để đáp ứng nhu cầu của người dân, toà "Khâm thiên giám" ban hành *Hiệp kỷ lịch* bằng chữ Hán để các gia đình có nhu cầu, thì căn cứ vào đó mà chọn ngày, giờ. Thời đó, trong nhân dân nhiều người biết chữ Hán, nhưng hiện nay trong dân ta, số người biết chữ Hán ở làng quê chỉ đếm trên đầu ngón tay (họ lại đã già); vả lại, sách chữ Hán cũ hầu như không còn, các gia đình khi có công việc, muốn xem ngày, giờ lại phải tìm "thầy". Nhưng khốn nỗi, mỗi thầy nói một phách, chẳng biết tin ai. Mặt khác, trên thị trường xuất hiện nhiều cuốn sách viết về cách xem ngày, xem giờ rất cẩu thả, vô căn cứ, dựa theo thị hiếu thương trường. Hầu hết các loại

sách này không có tên tác giả, không có tên nhà xuất bản, không có ghi xuất xứ từ tư liệu nào...

Cùng một ngày, cuốn sách này ghi là ngày tốt, nên xuất hành, làm nhà, cưới hỏi; cuốn sách khác lại ghi là ngày kỵ xuất hành, cưới hỏi làm người đọc hoang mang. Đúng là "Sư nói sư phải, vãi nói vãi hay", biết tin vào đâu? Ngược lại, có một số người nghiên cứu nhiều tư liệu Đông Tây kim cổ, hiểu biết khá nhiều, nhưng chưa tập hợp và rút ra được quy luật của sự sống một cách logic, có sức thuyết phục. Họ có thể xem giúp người này, người kia, nhưng khi đặt vấn đề một cách nghiêm túc thì họ lại lảng tránh. Cũng có người nói: "Đây là vấn đề phức tạp, vì nó thuộc về lĩnh vực "văn hoá tâm linh", mà trong nó, nhiều vấn đề khoa học chưa tiếp cận được. Nếu cứ đơn phương nói ra thì đâu chẳng phải lại phải tai, tốt nhất là cứ mũ ni che tai là hơn".

Theo tôi, nhà nước ta nên thành lập một bộ phận nghiên cứu vấn đề này một cách công phu, khoa học. Khi có kết quả, chúng ta công bố từng vấn đề, để công chúng nhận rõ những điều nên làm (hoặc không nên làm), nhằm khi trong gia đình có những việc lớn thì biết cách mà làm, không lúng túng, hoang mang, tránh bị kẻ xấu lợi dụng.

Tuy nhiên, trong đời sống hàng ngày, các công việc như: làm nhà, cưới hỏi, việc tang, xuất hành, khai trương... vẫn cứ phải diễn ra ở trong từng gia đình, trong từng cộng đồng, mà không thể chờ khi có kết quả nghiên cứu lĩnh vực này được công bố. Cho nên, để đáp ứng nhu cầu của đông đảo bạn đọc, chúng tôi xin trích dẫn một số tư liệu khoa học mới được công bố gần đây, cùng với việc tham khảo các sách: Almanach - Những nền văn minh thế giới" của Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin, năm 1999 - trong phần *"Nền văn hoá cổ Đông - Tây phương kỳ diệu"*; phần "Văn hoá nhận thức" trong cuốn *Cơ sở văn hoá Việt Nam* của PGS-TS Trần Ngọc Thêm, Nhà xuất bản Giáo dục, 1999; cuốn *Chu dịch huyền giải* của Nguyễn Duy Cần, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; cuốn *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1990; cuốn *Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam* của Tân Việt, Nxb Văn hoá dân tộc, 1997... để biên khảo, nhằm giúp bạn đọc tìm hiểu, khi trong nhà có việc, có thể tự chọn ngày, giờ phù hợp,

mà không cần phải nhờ thầy.

Nhịp sinh học - đặc điểm của sự sống (Trích báo Hà Nội mới, Chủ nhật, số 73, bài của bác sĩ Vũ Đình) như sau:

"Nghiên cứu mọi cơ thể sống đều thấy hoạt động của chúng không phải lúc nào cũng giống lúc nào, mà có khi mạnh khi yếu, khi nhanh khi chậm... Những thay đổi đó nhiều khi xảy ra rất đều đặn và liên tiếp thành chu kỳ, còn gọi là nhịp sinh học: Có nhịp ngày đêm, nhịp tháng (liên quan đến âm lịch); nhịp mùa xuân, hạ, thu, đông... Các nhịp sinh học có tính di truyền. Phát hiện ra các nhịp sinh học có thể biến đổi theo thời gian. Sự biến đổi đó có tính chất chu kỳ và tuần hoàn (lặp đi lặp lại khá đều đặn).

Nghiên cứu về sự chết và tỷ lệ chết của con người, thấy có nhiều biến đổi tùy thuộc vào nguyên nhân chết. Thí dụ: Vào khoảng 3 - 4 giờ sáng, áp suất máu thấp nhất, não được cung cấp lượng máu ít nhất, nên người bệnh hay bị chết nhất. Các cơn động kinh thường có giờ. Bệnh nhân hen cũng thường lên cơn hen vào ban ngày. Những biến đổi có tính chất chu kỳ hàng năm thì có nguy cơ chết và đau tim cao nhất là vào các tháng giêng đối với một số nước ở bán cầu phía Bắc. Cao điểm hàng năm của các vụ tự tử ở bang Minnesota cũng như ở Pháp là vào tháng sáu. Hai nhà khoa học Anđơlôơ và Mét đã phân tích 3620 trường hợp tai nạn lao động và thấy làm ca đêm ít tai nạn hơn làm ca sáng và chiều.

Ngày vận hạn của mỗi người

Trên cơ sở tính toán ảnh hưởng của các yếu tố vũ trụ trên trái đất và bằng phương pháp tâm sinh lý học thực nghiệm, người ta đã rút ra kết luận là từ khi ra đời, cuộc sống của mỗi người diễn ra phù hợp với ba chu kỳ riêng biệt: Chu kỳ thể lực 23 ngày, chu kỳ tình cảm 28 ngày, chu kỳ trí tuệ 33 ngày. Mỗi chu kỳ gồm hai bán chu kỳ dương và âm. Bán chu kỳ dương (1/2 số ngày của đầu chu kỳ) được đặc trưng bằng sự tăng trưởng khả năng lao động, các trạng thái thể lực, tình cảm, trí tuệ đều tốt. Còn bán chu kỳ âm (1/2 số ngày cuối chu kỳ) thì các hiện tượng đều ngược lại. Cả ba chu kỳ trên đều chuyển tiếp từ bán chu kỳ dương, sang bán chu kỳ âm. Ngày trùng với điểm chuyển tiếp này là ngày xấu nhất của mỗi chu kỳ.

Thực tế đã chứng minh: Đối với chu kỳ tình cảm, đó là ngày dễ có bột phát bi quan, cáu kỉnh... vô cớ. Đối với chu kỳ trí tuệ, đó là ngày đãng trí, khả năng tư duy sút kém. Đặc biệt, đối với chu kỳ thể lực, đó là ngày thường xảy ra tai nạn lao động. Đối với hai chu kỳ, số ngày chuyển tiếp trùng nhau là 6 ngày trong một năm. Còn đối với ba chu kỳ, số ngày chuyển tiếp trùng nhau chỉ xảy ra một lần trong một năm. Ngày trùng hợp đó của ba chu kỳ là ngày xấu nhất, có thể coi là ngày "vận hạn" của mỗi người.

Nếu biết ngày, tháng, năm sinh của mỗi người, nhờ máy tính điện tử có thể dễ dàng xác định được các chu kỳ, điểm chuyển tiếp và sự trùng hợp điểm chuyển tiếp giữa các chu kỳ.

Công ty giao thông Nhật Bản Omi Reilvei đã áp dụng thành tựu này vào bảo vệ an toàn giao thông. Họ đã xác định các chu kỳ, các điểm chuyển tiếp giữa các chu kỳ của từng người lái xe, cho biết trước những "ngày xấu" để họ phòng tránh. Nhờ đó, số tai nạn giao thông ở Nhật Bản đã giảm đi rất nhiều, đặc biệt vào đầu năm áp dụng (1969-1971) số tai nạn giao thông đã giảm hẳn 50%.

Theo Cuptianôvich (Liên Xô cũ) thì giả thuyết về nhịp tháng của các quá trình sinh học xác định ba trạng thái của cơ thể, không chỉ áp dụng ở Nhật Bản mà còn được áp dụng ở nhiều nước Tây Âu vào công tác an toàn giao thông nói riêng, an toàn lao động nói chung.

Các vấn đề trên đây không phải là "thầy bói nói dựa", mà căn cứ vào các dữ kiện thực tế nhất định. Nó cũng phù hợp với nhận thức về mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố địa vật lý vũ trụ với các quá trình hoạt động chức năng của cơ thể.

Hiểu về âm, dương

Theo khái niệm cổ sơ, âm dương không phải là vật chất cụ thể, không gian cụ thể mà là thuộc tính của mọi hiện tượng, mọi sự vật trong toàn vũ trụ cũng như trong từng tế bào, từng chi tiết. Âm và dương là hai mặt đối lập, mâu thuẫn thống nhất, trong dương có mầm mống của âm, và ngược lại. Âm dương tuy tính chất tương phản, nhưng cũng tương ứng, tương cầu

(tìm nhau), tương giao (gặp nhau), có tương giao mới có tương thôi (xô đẩy nhau), tương ma (cọ sát nhau), tương thế (thay thế, bổ túc nhau) để tương thành (giúp nhau tự hoàn thành). Có cái này thì mới có cái kia, có cái này thì cái kia mới làm tròn được nhiệm vụ của nó trong vũ trụ.

Quan trọng nhất là tương giao: giống đực, giống cái, cả trời đất nữa (vì trời, đất cũng chỉ là âm dương), có giao cảm với nhau rồi mới có vạn vật, vạn vật mới sinh nở biến hoá được.

Hiểu về ngũ hành

Người xưa quan niệm rằng: Thế giới quanh ta là do âm dương biến hoá tạo thành 5 yếu tố vật chất cơ bản, đó là: Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ.

Theo tính chất thì thủy là lỏng, là nước thì đi xuống. Hoả là lửa thì bùng cháy, bốc lên. Mộc là gỗ, là cây thì mọc lên. Kim là kim loại, thuận chiều hay đổi chiều. Thổ là đất để trồng trọt.

Tinh thần cơ bản của ngũ hành bao gồm hai phương diện: giúp đỡ nhau gọi là tương sinh, chống lại nhau gọi là tương khắc.

Tương sinh:

Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, và Mộc lại sinh Hoả...

Tương khắc:

Hoả khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hoả và Hoả lại khắc Kim... Điều này trùng hợp với sự kết luận của một số nhà bác học châu Âu sau này. Nicôlai Côpécnic khẳng định và tìm thấy nguyên tử đầu tiên trong vũ trụ là H_20 cũng thuộc hành Thủy, và tiếp đó mới đến hành Hoả, hành Mộc, hành Thổ, hành Kim.

Ngũ hành là bản thể của Âm Dương, nó cũng là sự tồn tại của các dạng vật chất. Khi vật chất bốc cháy thành hơi, bay vào bầu trời thành các iôn trong điện trường - đó là Dương. Các iôn ấy kết tụ thành các nguyên tố hoá học trong bảng tuần hoàn của Menđêlêép như đồng, chì, sắt... và các dạng vật chất khác tồn tại ở trái đất là Âm.

Ngũ hành có trong bầu trời thì cũng có ở trái đất. Ví dụ: Hành Thủy ở bầu trời là Hydrô, thì ở trái đất là nước. Hành Hoả ở bầu trời là ánh sáng, nhiệt độ, thì ở trái đất là lửa. Hành Mộc ở bầu trời là Clo thì ở trái đất là cây cối. Hành Kim ở bầu trời là Mêtan thì ở trái đất là kim loại. Hành Thổ ở bầu trời là độ ẩm thì ở trái đất là đất đá, sa khoáng (trừ kim loại).

Ý nghĩa của Ngũ hành còn thể hiện trong nhiều lĩnh vực khác. Ví dụ: Thời tiết có 5 loại: Táo, phong, hàn, nhiệt, thấp.

Các chất ăn uống có 5 vị: Cay, mặn, chua, đắng, ngọt.

Màu sắc có 5 màu cơ bản: Trắng, đen, xanh, đỏ, vàng.

Nhạc có 5 âm: Thương, rốc, vũ, chủy, cung.

Phương hướng có 5 hướng: Tây, Đông, Bắc, Nam, Trung tâm.

Cơ thể con người có 5 tạng: Tâm, can, tỳ, phế, thận.

Ngũ hành trong 4 mùa:

Mùa xuân: Tháng giêng, hai (thuộc Mộc)

Mùa hạ: Tháng tư, năm (thuộc Hoả)

Mùa thu: Tháng bảy, tám (thuộc Kim)

Mùa đông: Tháng mười, mười một (thuộc Thủy)

Tháng 3, 6, 9, 12 (thuộc Thổ). Thổ có vai trò đặc biệt trong cả 4 mùa. Nó là chỗ dựa cho các hành của 4 mùa - gọi là Tứ qúy. (Xem sơ đồ tổng hợp dưới đây):

Ngũ hành	**Ngũ phương**	**Ngũ tạng**	**Ngũ khí**	**Ngũ sắc**	**Ngũ âm**	**Bốn mùa**
Kim	Tây và Tây Bắc	Phế	Táo	Trắng	Thương	Mùa Thu
Mộc	Đông và Đông Nam	Can	Phong	Xanh	Rốc	Mùa Xuân
Thuỷ	Bắc	Thận	Hàn	Đen	Vũ	Mùa Đông

Hoả	Nam	Tâm	Nhiệt	Đỏ	Chuỷ	Mùa Hạ
Thổ	Trung tâm (Đông Bắc và Tây Nam)	Tỳ	Thấp	Vàng	Cung	Tháng 3, 6, 9, 12

Người xưa đã sớm nhận thức được sự tương đồng vũ trụ và con người, qua nghiên cứu về học thuyết Âm Dương, Ngũ Hành. Con người là sản phẩm của vũ trụ. Vì thế mà đồng nhất, đồng biến - đó là tính lý của "Thiên nhân tương ứng", "Thiên địa vạn vật đồng nhất thể", mà con người không thể đứng ngoài.

Ngày nay, chúng ta đã xác nhận: Con người và vũ trụ có quan hệ mật thiết với nhau. Nhịp điệu và hơi thở của trái đất được duy trì từ nhịp điệu và năng lượng của vũ trụ. Mọi biến cố vũ trụ đều tác động tới mọi sinh vật trên hành tinh này.

Hiểu về thiên can, địa chi

Thiên can:

Gồm: Giáp (1), Ất (2), Bính (3), Đinh (4), Mậu (5), Kỷ (6), Canh (7), Tân (8), Nhâm (9), Quý (10). Như vậy có 10 thiên can, còn gọi là thập can. Số lẻ là dương can (giáp, bính, mậu, canh, nhâm). Số chẵn là âm can (Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý).

Những cặp đối xứng hợp nhau: Giáp và Kỷ, Ất và Canh, Bính và Tân, Đinh và Nhâm, Mậu và Qúy.

Những cặp thiên can phá nhau: Giáp xung với Mậu, Ất xung với Kỷ, Bính xung với Canh, Đinh xung với Tân, Mậu xung với Nhâm, Kỷ xung với Qúy, Canh xung với Giáp, Tân xung với Ất, Nhâm xung với Bính, Quý xung với Đinh.

Địa chi:

Gồm: Tý (1), Sửu (2), Dần (3), Mão (4), Thìn (5), Tỵ (6), Ngọ (7), Mùi (8), Thân (9), Dậu (10), Tuất (11), Hợi (12). Như vậy có 12 địa chi, còn gọi

là thập nhị chi.

Số lẻ là dương chi chỉ kết hợp với dương can. Ví dụ: Giáp Tý, Canh Ngọ,...

Số chẵn là âm chi, chỉ kết hợp với âm can. Ví dụ: Tân Sửu, Qúy Mùi...

Tương hợp:

Có hai loại nhị hợp và tam hợp:

Nhị hợp: Tý - Sửu

Dần - Hợi

Mão - Tuất

Thìn - Dậu

Tỵ - Thân

Ngọ - Mùi

Tam hợp:

Hợi - Mão - Mùi

Tỵ - Dậu - Sửu

Thân - Tý - Thìn

Dần - Ngọ - Tuất

Tương khắc (phá nhau):

Tý phá Sửu

Sửu phá Ngọ

Dần phá Tỵ

Mão phá Thìn

Hợi phá Thân

Tuất phá Dậu

Ba cụm địa chi tứ xung:

Tý, Ngọ, Mão, Dậu

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi

Dần, Thân, Tỵ, Hợi

Các sao tốt: Tính theo tháng âm lịch và ngày can chi như sau:

Các sao tốt: Thiên Đức, Nguyệt Đức (lục hợp), Thiên Giải, Thiên Hỷ, Thiên Quý (yếu yên), Tam Hợp (ngũ phú). Những ngày có sao này (theo quan niệm xưa) thì mọi việc đều tốt.

Một số ngày tốt khác như: Sinh Khí (thuận việc làm nhà, sửa nhà, động thổ), Thiên Thành (cưới gả, giao dịch tốt), Thiên Quan (xuất hành, giao dịch tốt), Lộc Mã (xuất hành, di chuyển tốt), Thiên Ân (được hưởng phúc ân, làm nhà, khai trương)...

Theo thứ tự lần lượt từ tháng giêng, hai, ba... các sao tốt sẽ chiếu vào các ngày sau:

Thiên Đức: Tỵ, Mùi, Dậu, Sửu, Mão, Tỵ, Mùi, Dậu, Hợi, Sửu, Mão (có nghĩa là sao Thiên Đức chiếu vào những ngày Tỵ của tháng giêng, ngày Mùi của tháng hai, ngày Dậu của tháng ba...).

Nguyệt Đức: Hợi, Tuất, Dậu, Thân, Mùi, Ngọ, Tỵ, Thìn, Mão, Dần, Sửu, Tý.

Thiên Giải: Ngọ, Thân, Tuất, Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất, Tý, Dần, Thìn.

Thiên Hỷ: Tuất, Hợi, Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu.

Thiên Qúy: Dần, Thân, Mão, Dậu, Thìn, Tuất, Tỵ, Hợi, Ngọ, Tý, Mùi, Sửu.

Tam Hợp: Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu, Dần, Mão, Thân, Tỵ.

Sinh Khí: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Thiên Thành: Mùi, Dậu, Hợi, Sửu, Mão, Tỵ, Mùi, Dậu, Mùi, Sửu, Mão, Tỵ.

Thiên Quan: Tuất, Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất, Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân.

Lộc Mã: Ngọ, Thân, Tuất, Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất, Tý, Dần.

Thiên Ân: Tuất, Sửu, Dần, Tỵ, Dậu, Mão, Tý, Ngọ, Thân, Thìn, Thân, Mùi.

Các sao xấu

Tính theo ngày âm lịch thì mỗi tháng có 3 ngày kỵ là mồng 5, 14, 23 và

6 ngày tam nương là 3, 7, 13, 18, 22, 27. Mỗi năm có 13 ngày dương công (xấu) là: Ngày 13 tháng giêng, ngày 11 tháng hai, ngày 9 tháng ba, ngày 7 tháng tư, ngày 5 tháng năm, ngày 3 tháng sáu, ngày 8 và 29 tháng bảy, ngày 27 tháng tám, ngày 25 tháng chín, ngày 23 tháng mười, ngày 21 tháng mười một, ngày 19 tháng chạp.

Các sao xấu tính theo tháng âm lịch và ngày can chi: Thiên Cương, Thụ Tử, Đại Hao, Tử Khí, Quan Phù (xấu trong mọi việc lớn), Tiểu Hao (kỵ xuất nhập, tiền tài) Sát Chủ, Thiên Hoả, Địa Hoả, Hoả Tai, Nguyệt Phá (kiêng làm nhà), Băng Tiêu Ngọa Giải (kiêng làm nhà và các việc lớn), Thổ Cấm (kiêng động thổ), Vãng Vong (kiêng xuất hành, giá thú), Cô Thần, Quả Tú (kiêng cưới hỏi), Trùng Tang, Trùng Phục (kỵ hôn nhân, mai táng, cải táng). Nếu tính tương ứng với ngày tuần lễ thì ngày giữa tuần (thứ tư, thứ năm) thường là những ngày tốt.

Thiên Cương: Tỵ, Tý, Mùi, Dần, Dậu, Thìn, Hợi, Ngọ, Sửu, Thân, Mão, Tuất. (có nghĩa là sao Thiên Cương chiếu vào các ngày Tỵ của tháng giêng, Tý của tháng hai, Mùi của tháng ba...).

Thụ Tử: Tuất, Thìn, Hợi, Tỵ, Tý, Ngọ, Sửu, Mùi, Dần, Thân, Mão, Dậu.

Đại Hao, Tử Khí, Quan Phù: Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ

Tiểu Hao: Tý, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn.

Sát Chủ: Tý, Tỵ, Mùi, Mão, Thân, Tuất, Sửu, Hợi, Ngọ, Dậu, Dần, Thìn.

Thiên Hoả: Tý, Mão, Ngọ, Dậu, Tý, Mão, Ngọ, Dậu, Tý Mão, Ngọ, Dậu.

Địa Hoả: Tuất, Dậu, Thân, Mùi, Ngọ, Tỵ, Thìn, Tuất, Tỵ, Hợi, Tý, Ngọ.

Nguyệt Phá: Thân, Tuất, Tuất, Hợi, Sửu, Sửu, Dần, Thìn, Thìn, Tỵ, Mùi, Mùi.

Băng Tiêu Ngọa Giải: Tỵ, Tý, Sửu, Thân, Mão, Tuất, Hợi, Ngọ, Mùi, Dần, Dậu, Thìn.

Thổ Cấm: Hợi, Hợi, Hợi, Dần, Dần, Dần, Tỵ, Tỵ, Tỵ, Thân, Thân, Thân.

Vãng Vong: Dần, Tỵ, Thân, Hợi, Mão, Ngọ, Dậu, Tý, Thìn, Mùi, Tuất, Sửu.

Cô Thần: Tuất, Hợi, Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu.

Quả Tú: Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu, Dần, Mão.

Trùng Tang: Giáp, Ất, Mậu, Bính, Đinh, Kỷ, Canh, Tân, Kỷ, Nhâm, Quý, Mậu.

Trùng Phục: Canh, Tân, Kỷ, Nhâm, Quý, Mậu, Giáp, ất, Kỷ, Bính, Đinh, Mậu.

Theo Phan Kế Bính trong *Việt Nam phong tục* thì việc kén giờ Hoàng đạo là rất quan trọng (đó là giờ bắt đầu xuất hành, lúc ra ngõ đi cưới, lúc mới dựng nhà, lúc hạ huyệt...). Phép tính giờ Hoàng đạo phải nhớ 4 câu thơ:

Dần, thân, gia tý: mão, dậu, dần;

Thìn, tuất tầm thìn: tý, ngọ, thân;

Tỵ, hợi thiên cương tầm ngọ vị

Sửu, mùi tòng tuất định kỳ chân.

Lại cần phải nhớ hai câu:

Đạo viễn kỳ thời thông đạt

Lộ dao hà nhật hoàn trình.

Lúc đánh giờ trước hết phải biết ngày gì, rồi dùng hai câu thơ dưới mà bấm theo giờ ở bốn câu thơ trên. Hễ bấm mà gặp cung nào ở chữ "dao, viễn, thông, đạt, đạo, hoàn", thì giờ ấy là giờ Hoàng đạo... (*Trích Việt Nam phong tục, Phan Kế Bính*).

Ngoài cách bấm giờ hoàng đạo của Phan Kế Bính như trên, chúng tôi cũng xin giới thiệu một phương pháp đơn giản hơn theo bảng sau:

Bảng tính giờ Hoàng đạo

Ngày	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Dần, Thân	X	X			X	X		X			X	
Mão, Dậu	X		X	X			X	X		X		

Thìn, Tuất			X		X	X			X	X		X
Tỵ, Hợi		X			X		X	X			X	X
Tý, Ngọ	X	X					X		X	X		
Sửu, Mùi			X			X			X		X	X

Ví dụ: Xem bảng trên đây chúng ta biết được (ngày Dần, ngày thân thì giờ hoàng đạo đóng ở các giờ Tý, Sửu, Thìn, Tỵ, Mùi, Tuất. Hoặc ngày Mão, ngày Dậu thì giờ Hoàng đạo đóng ở các giờ: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu).

Bảng tính ngày Hoàng đạo, Hắc đạo

theo lịch can chi từng tháng:

Tháng âm lịch	**Ngày hoàng đạo (tốt)**	**Ngày hắc đạo (xấu)**
Giêng, bảy	Tý, Sửu, Tỵ, Mùi	Ngọ, Mão, Hợi, Dậu
Hai, tám	Dần, Mão, Mùi, Dởu	Thân, Tỵ, Sửu, Hợi
Ba, chín	Thìn, Tỵ, Dậu, Hợi	Tuất, Mùi, Mão, Sửu
Tư, mười	Ngọ, Mùi, Hợi, Sửu	Tý, Dậu, Tỵ, Mão
Năm, một	Thân, Dậu, Sửu, Mão	Dần, Hợi, Mùi, Tỵ
Sáu, chạp	Tuất, Hợi, Mão, Tỵ	Thìn, Sửu, Dậu, Mùi

Ví dụ: Xem bảng trên ta biết (ngày Hoàng đạo của tháng giêng và tháng 7 âm lịch là những ngày: Tý, Sửu, Tỵ, Mùi. Ngày Hắc đạo của tháng giêng và tháng 7 âm lịch là những ngày: Ngọ, Mão, Hợi, Dậu).

PHỤ LỤC IV

THAM KHẢO QUY CHẾ VỀ VIỆC TANG LỄ THỰC HIỆN TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN

BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
…………………	ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
Số: 30/2002/QĐ - BVHTT	………………………

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2002

QYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG

BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Ban hành "Quy chế về việc tang lễ thực hiện trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin"

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Căn cứ Nghị định số 81/CP, ngày 8 /11/1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Văn hoá - Thông tin;

Căn cứ Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12/9/2001 của Chính phủ về việc ban hành "Quy chế tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước khi từ trần";

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế về việc tang lễ

thực hiện trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ và Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN

(Đã ký)

Phạm Quang Nghị

BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

QUY CHẾ VỀ VIỆC TANG LỄ THỰC HIỆN TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2002/QĐ-BVHTT ngày 9/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Văn bản này quy định nội dung, tiêu chuẩn, trách nhiệm thực hiện việc tang lễ với danh nghĩa Bộ Văn hoá - Thông tin và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị của Bộ Văn hoá-Thông tin, đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, khi từ trần; việc phúng viếng đối với các lễ tang không thuộc các đối tượng trên nhưng có quan hệ công tác đối với Bộ Văn hoá - Thông tin và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ (từ đây gọi chung là việc tang lễ).

Văn bản này không quy định việc thực hiện tang lễ với danh nghĩa cá nhân (kể cả lãnh đạo Bộ Văn hoá - Thông tin).

Điều 2. Việc tang đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi từ trần là thể hiện sự trân trọng của Bộ Văn hoá - Thông tin, các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ đối với công lao, cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình hoạt động cách mạng, xây dựng bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển ngành Văn hoá - Thông tin. Việc tang lễ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cần được tổ chức trang trọng, tiết kiệm, phù hợp với truyền thống của dân tộc và nếp sống văn minh.

Điều 3. Đối tượng việc tang lễ gồm:

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin, khi từ trần.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu từ các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin, khi từ trần.

3. Thân nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu từ các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ khi từ trần, gồm:

a) Bố mẹ (bên chồng và bên vợ);

b) Vợ hoặc chồng;

c) Con đẻ hoặc con nuôi hợp pháp;

d) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị ngoài Bộ, có quan hệ công tác với Bộ, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và thân nhân các đối tượng này, khi từ trần.

Điều 4. Tùy theo từng đối tượng cụ thể, việc tang lễ có thể được áp dụng một trong các hình thức sau:

1. Tổ chức lễ tang;

2. Đưa tang;

3. Viếng tang;

4. Gửi vòng hoa viếng;

5. Gửi điện chia buồn.

Điều 5. Việc tang lễ cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện việc tang lễ đối với tất cả các loại lễ tang theo quy định của Đảng, Nhà nước và Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ không được nhân danh cơ quan, đơn vị mình thực hiện việc tang lễ đối với: Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ viếng nguyên thủ nước ngoài từ trần do các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tổ chức tại Việt Nam, khi chưa được lãnh đạo Bộ đồng ý.

3. Trong trường hợp cần thiết, cấp trên có thể thực hiện việc tang lễ thuộc trách nhiệm của cấp dưới, trong trường hợp đó là người trợ giúp cấp

trên triển khai công việc.

4. Nếu Thủ trưởng đi vắng không thực hiện được việc tang lễ, cấp Phó thực hiện thay. Nếu lãnh đạo cơ quan, đơn vị đều đi vắng thì người phụ trách bộ phận tổ chức - hành chính thực hiện thay.

5. Việc thực hiện tang lễ cần có sự bàn bạc, trao đổi với gia đình người từ trần.

6. Khi tổ chức lễ tang chỉ thành lập *Ban tổ chức lễ tang,* không thành lập *Ban tang lễ* như Lễ Quốc tang và Lễ tang cấp Nhà nước, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ quy định.

7. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu từ cơ quan, đơn vị nào thì cơ quan, đơn vị đó chịu trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi người từ trần cư trú và gia đình thực hiện việc tang lễ theo quy định (không phân biệt thời gian công tác dài hay ngắn).

Nếu tại thời điểm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu từ trần mà cơ quan, đơn vị cũ đã giải thể, tổ chức lại thì trách nhiệm như sau:

a) Đối với cơ quan, đơn vị hợp nhất:

Cơ quan, đơn vị mới hình thành phối hợp với địa phương, gia đình thực hiện việc tang lễ đối với người về hưu từ cơ quan, đơn vị cũ.

b) Đối với cơ quan, đơn vị chia tách:

Cơ quan, đơn vị mới, phối hợp với địa phương và gia đình thực hiện việc tang lễ đối với người về hưu từ cơ quan, đơn vị cũ theo phạm vi được xác định trong quyết định chia tách của cơ quan có thẩm quyền. Nếu không xác định được rõ ràng thì cơ quan, đơn vị có trụ sở gần nơi tổ chức lễ tang nhất thực hiện việc tang lễ.

c) Đối với cơ quan, đơn vị giải thể:

Cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đã giải thể phối hợp với địa phương và gia đình thực hiện việc tang lễ đối với người về hưu từ cơ quan, đơn vị giải thể.

8. Trường hợp đặc biệt, lãnh đạo Bộ chỉ đạo phương hướng thực hiện việc tang lễ khác với quy định tại văn bản này.

9. Các trường hợp lễ tang phát sinh liên quan đến Bộ Văn hoá - Thông tin, chưa được quy định tại văn bản này, do Chánh Văn phòng Bộ báo cáo Lãnh đạo Bộ quyết định hình thức thực hiện việc tang lễ phù hợp (tham khảo ý kiến Vụ Tổ chức Cán bộ).

10. Các trường hợp phát sinh liên quan đến cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, chưa được quy định tại văn bản này, do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định hình thức thực hiện phù hợp với quy định của Đảng, Nhà nước và văn bản này. Trường hợp đặc biệt, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ.

11. Kinh phí cho việc tang lễ thực hiện theo các chế độ hiện hành.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ TỔ CHỨC LỄ TANG

Điều 6. Nội dung tổ chức lễ tang cơ bản thực hiện theo "Quy chế tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước khi từ trần" ban hành kèm theo Nghị định số: 62/2001/NĐ-CP, ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế tổ chức lễ tang của Chính phủ), Bộ Văn hoá - Thông tin quy định cụ thể thêm một số vấn đề sau:

1. Đối với Bộ trưởng, Thứ trưởng; Các nhà hoạt động xã hội, văn hoá có Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên đang giữ chức hoặc thôi giữ chức:

1.1. Ban tang lễ và Ban tổ chức lễ tang:

a) Ban tang lễ:

- Trưởng ban: Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng

- Các thành viên từ 10 đến 15 người;

+ Đại diện lãnh đạo Bộ;

+ Bí thư Đảng uỷ cơ quan Bộ;

+ Chủ tịch Công đoàn Bộ;

+ Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cơ quan Bộ.

+ Chánh Văn phòng Bộ;

+ Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ;

+ Đại diện cấp ủy, chính quyền xã, phường nơi người từ trần cư trú;

b) Ban Tổ chức lễ tang:

- Trưởng ban: Chánh văn phòng Bộ, giám đốc văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp tang lễ tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh) hoặc Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ;

- Một số ủy viên là chuyên viên của văn phòng, Vụ tổ chức cán bộ và gia đình.

Quyết định thành lập Ban tang lễ và Ban tổ chức lễ tang do Vụ Tổ chức cán bộ chuẩn bị trình Bộ trưởng ký.

1.2. Tin buồn:

Đăng trên Báo Nhân dân và Đài Truyền hình Việt Nam.

a) Đối với các chức danh đã và đang là uỷ viên Ban chấp hành Trung ương:

Do Ban chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Văn hoá - Thông tin đứng tên đưa tin buồn.

b) Đối với các chức danh còn lại:

Bộ Văn hoá - Thông tin, cơ quan đang hoặc trực tiếp quản lý và sử dụng người từ trần, địa phương nơi cư trú và gia đình đứng tên theo quy định tai Quy chế tổ chức lễ tang của Chính phủ.

1.3. Điếu văn:

Vụ tổ chức cán bộ chuẩn bị cho Trưởng Ban tang lễ đọc tại lễ truy điệu.

1.4. Tổ chức viếng tang:

Các Cục, Vụ, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ cử đoàn đại biểu đến viếng.

2. Đối với cán bộ, công chức là lãnh đạo đương chức cấp Cục, Vụ, Văn phòng, Thanh tra, Đảng uỷ cơ quan Bộ, Công đoàn Bộ, Đảng uỷ khối Văn

hoá-Thông tin Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ (cấp Trưởng, Phó), người được Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học - nghệ thuật, Nghệ sĩ Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân, Giáo sư, Anh hùng Lao động:

2.1. Ban tổ chức lễ tang:

Do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đang trực tiếp quản lý và sử dụng người từ trần quyết định, gồm từ 5 đến 7 thành viên. Trưởng ban là lãnh đạo của cơ quan, đơn vị (cấp Trưởng hoặc Phó).

2.2. Tin buồn:

Do Ban Tổ chức lễ tang chuẩn bị và đưa tin theo Quy chế tổ chức lễ tang của Chính phủ.

2.3. Điếu văn:

a) Chuẩn bị điếu văn:

Cơ quan trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phối hợp cùng gia đình.

b) Đọc điếu văn tại lễ truy điệu:

- Đối với cấp trưởng do Thứ trưởng phụ trách khối đọc.

- Đối với cấp Phó và các đối tượng còn lại do cấp Trưởng của cơ quan, đơn vị đọc.

2.4. Tổ chức viếng tang:

Lãnh đạo Bộ đến viếng hoặc uỷ nhiệm cho lãnh đạo Văn phòng Bộ, lãnh đạo Văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp lễ tang tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh). Các Cục, Vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tùy điều kiện cụ thể có thể tổ chức đoàn viếng riêng hoặc đi cùng đoàn do Văn phòng tổ chức.

3. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ:

3.1. Ban tổ chức lễ tang:

Do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đang trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ,

công chức, viên chức, người lao động từ trần quyết định, gồm từ 5 đến 7 thành viên của cơ quan, đơn vị và đại diện địa phương (xã, phường) nơi người từ trần cư trú và đại diện gia đình. Trưởng Ban Tổ chức lễ tang là cấp Trưởng hoặc cấp Phó cơ quan, đơn vị.

3.2.Tin buồn:

Do cơ quan, đơn vị đang trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ trần cùng gia đình chuẩn bị và đưa tin theo Quy chế tổ chức lễ tang của Chính phủ.

3.3. Điếu văn:

Do Ban tổ chức lễ tang chuẩn bị và trưởng ban tổ chức lễ tang đọc tại lễ truy điệu.

3. 4. Tổ chức viếng tang:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan thuộc khối Văn phòng Bộ (các Cục, Vụ, Văn phòng, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ, Đảng uỷ cơ quan Bộ, Công đoàn Bộ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cơ quan Bộ):

Lãnh đạo Bộ đến viếng (do Văn phòng Bộ chuẩn bị) hoặc uỷ quyền cho lãnh đạo Văn phòng Bộ đến viếng. Tùy từng trường hợp cụ thể, các Cục, Vụ, các cơ quan, đơn vị liên quan có thể thành lập đoàn đến viếng hoặc đi đoàn chung do Văn phòng Bộ tổ chức.

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị khác trực thuộc Bộ:

Cục, Vụ chuyên ngành hoặc Văn phòng đại diện Bộ (trường hợp lễ tang tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh) tổ chức đoàn viếng tang.

Điều 7. Tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã nghỉ hưu từ các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin (không kể đối tượng ở khoản 1, điều 6 của quy chế này):

1. Tổ chức tang lễ:

Cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

trước khi nghỉ hưu phối hợp với địa phương (xã, phường) nơi người từ trần cư trú và gia đình tổ chức lễ tang. Ban tổ chức lễ tang được thành lập theo đề nghị của lãnh đạo địa phương và gia đình.

2. Tin buồn:

Do Ban Tổ chức lễ tang chuẩn bị và đưa tin theo Quy chế tổ chức lễ tang của Chính phủ.

3. Điếu văn:

Do Ban Tổ chức lễ tang chuẩn bị cho trưởng ban tổ chức lễ tang đọc tại lễ truy điệu.

4. Tổ chức viếng tang:

a) Đối với lễ tang các đối tượng là lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ; lão thành cách mạng; Nghệ sĩ Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân, Giáo sư, Anh hùng Lao động: Lãnh đạo Bộ đến viếng hoặc gửi vòng hoa uỷ quyền cho Cục trưởng, Vụ trưởng, Giám đốc văn phòng đại diện Bộ (trường hợp lễ tang tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh) đến viếng;

b) Các đối tượng còn lại: Văn phòng Bộ, Văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp lễ tang tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh); Các Cục, Vụ quản lý chuyên ngành tổ chức đến viếng.

Chương III

VIẾNG TANG VÀ ĐƯA TANG

Điều 8. Viếng tang, đưa tang với danh nghĩa Bộ Văn hoá - Thông tin:

Đoàn do Bộ trưởng làm trưởng đoàn:

1.1. Các lễ tang

a) Lễ Quốc tang;

b) Lễ tang cấp Nhà nước;

c) Lễ tang cấp cao của các đồng chí Bộ trưởng và tương đương (đương chức hoặc nghỉ hưu) có quan hệ công tác với Bộ Văn hoá - Thông tin;

d) Lễ tang thân nhân của các đối tượng thuộc điểm a, b, c khoản 1, điều 8 của quy chế này;

e) Lễ tang thân nhân của các đồng chí lãnh đạo Bộ Văn hoá - Thông tin.

g) Lễ tang người từ trần là quan chức ngoại giao nước ngoài có quan hệ công tác với Bộ Văn hoá - Thông tin;

1.1. Thành viên đoàn viếng tang, đưa tang do Bộ trưởng làm trưởng đoàn gồm:

+ Thứ trưởng;

+ Đại diện lãnh đạo Vụ tổ chức cán bộ;

+ Đại diện lãnh đạo Văn phòng Bộ, đại diện lãnh đạo Văn phòng đại diện Bộ (nếu lễ tang tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh);

+ Đại diện Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cơ quan Bộ Văn hoá - Thông tin hoặc đại diện Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh khối Văn hoá - Thông tin Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp lễ tang tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh);

+ Đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan khác.

Thành viên đoàn viếng tang, đưa tang nêu tại khoản 1, 2, Điều 8 của quy chế này do Văn phòng Bộ (hoặc Văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh) thông báo triệu tập.

1.3. Trường hợp cụ thể, Bộ trưởng có thể uỷ quyền Thứ trưởng hoặc Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh tổ chức đoàn viếng hoặc gửi vòng hoa, điện chia buồn.

Đoàn do Thứ trưởng làm trưởng đoàn:

2.1. Các lễ tang:

a) Thứ trưởng các Bộ có quan hệ công tác với Bộ Văn hoá - Thông tin;

b) Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương, phụ trách công tác văn xã;

c) Cán bộ lãnh đạo (cấp trưởng) đang giữ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ;

d) Lãnh đạo chủ chốt các Hội, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể ở Trung ương;

e) Các nhà hoạt động văn hoá tiêu biểu được tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên;

g) Cán bộ lão thành cách mạng, người được Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học - nghệ thuật, Nghệ sĩ Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân, Giáo sư, Anh hùng Lao động làm việc hoặc đã nghỉ hưu từ các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ.

2.2 Thành viên đoàn viếng tang, đưa tang do Thứ trưởng làm trưởng đoàn gồm:

+ Đại diện lãnh đạo Vụ tổ chức cán bộ;

+ Đại diện lãnh đạo Văn phòng Bộ, Văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp lễ tang tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh);

+ Đại diện Đảng uỷ cơ quan Bộ, Công đoàn Bộ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cơ quan Bộ hoặc đại diện Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh khối Văn hoá - Thông tin Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp lễ tang tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh);

+ Đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan khác.

Thành viên đoàn viếng tang, đưa tang nêu tại khoản 2.2, Điều 8 của Quy chế này do Văn phòng Bộ hoặc Văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh thông báo triệu tập.

2.3. Lãnh đạo Bộ có thể uỷ quyền Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp lễ tang tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh) tổ chức đoàn viếng hoặc gửi vòng hoa viếng, điện chia buồn.

3. Đoàn do lãnh đạo Văn phòng Bộ, Văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp tang lễ tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh) các Cục, Vụ, Thanh tra Bộ, Đảng uỷ Bộ, Công đoàn Bộ làm trưởng đoàn:

3.1. Các lễ tang:

a) Thực hiện sự uỷ quyền của Bộ đối với các tang lễ do Bộ trưởng, Thứ trưởng làm trưởng đoàn;

b) Cán bộ quản lý cấp Cục, Vụ các Bộ, Ban, Ngành có quan hệ công tác trực tiếp;

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (đương chức và nghỉ hưu) của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ theo ngành dọc;

d) Thân nhân của các đối tượng nói trên nếu xét thấy cần thiết.

3.2. Thành viên đoàn viếng tang, đưa tang: Có từ 3 đến 5 thành viên là những người đang làm việc tại đơn vị mình.

4. Với các chức danh nêu tại khoản 1.1 và khoản 2.1, điều 8 của Quy chế này, tang lễ tổ chức tại các địa phương khác, lãnh đạo Bộ không tới thăm viếng được, Văn phòng Bộ được giao nhiệm vụ gửi điện chia buồn, gửi vòng hoa của Bộ Văn hoá - Thông tin tới viếng.

Điều 9. Đoàn viếng tang, đưa tang với danh nghĩa cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin:

Tùy theo điều kiện công tác thực tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm lập đoàn của đơn vị để viếng tang, đưa tang.

1. Lễ tang cấp cao.

2. Tang lễ do Bộ, các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức.

3. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang làm việc (hoặc đã nghỉ hưu) tại đơn vị mình.

4. Thân nhân của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc (hoặc đã nghỉ hưu) tại đơn vị.

5. Những cá nhân có quan hệ công tác theo chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị.

Đoàn viếng tang gồm từ 3 đến 5 thành viên. Tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, Trưởng đoàn có thể là cấp Trưởng, cấp Phó hoặc người phụ trách công tác tổ chức của cơ quan, đơn vị.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Khi có cán bộ cao cấp đang giữ chức hoặc thôi giữ chức thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương quản lý từ trần, Văn phòng Bộ phối hợp với Vụ Tổ chức Cán bộ kịp thời báo cáo để Bộ trưởng ký trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (qua Ban tổ chức Trung ương) để Trung ương chỉ đạo tổ chức lễ tang theo quy định.

Điều 11. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thông báo (bằng văn bản) cho Văn phòng Bộ, Văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh (đối với cán bộ, công chức thuộc diện Bộ quản lý) khi có cán bộ, công chức hoặc thân nhân từ trần. Tùy đối tượng cụ thể, Văn phòng Bộ (hoặc Văn phòng đại diện Bộ tại thành phố Hồ Chí Minh) báo cáo lãnh đạo Bộ hoặc thông báo cho các Cục, Vụ chức năng biết, tổ chức đoàn viếng tang.

Điều 12. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu từ trần. Câu lạc bộ hưu trí và gia đình có trách nhiệm báo cho địa phương, cơ quan quản lý công chức trước khi nghỉ hưu biết, để tổ chức lễ tang hoặc tổ chức viếng tang.

Điều 13. Ban tổ chức lễ tang có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể, chương trình tổ chức lễ tang, đón tiếp, hướng dẫn, sắp xếp các đoàn đến viếng, tổ chức lễ truy điệu, xe đưa tang, đưa linh cữu, hạ huyệt, đắp mộ, gắn bia (nếu có).

Điều 14. Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Những quy định trước đây của Bộ Văn hoá - Thông tin trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vấn đề mới, chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo về Bộ Văn hoá - Thông tin (Vụ tổ chức Cán bộ) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN

(Đã ký)

Phạm Quang Nghị

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, THỦ TỤC TỔ CHỨC LỄ TANG

(Kèm theo của Quy chế về việc tang lễ thực hiện trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin)

I. TIÊU CHUẨN VÀ THỦ TỤC AN TÁNG TẠI NGHĨA TRANG THANH TƯỚC

1. Tiêu chuẩn

Theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương tại Công văn số 03-QĐ/TCTW, ngày 16/3/2001, các đối tượng cán bộ khi từ trần được an táng tại khu A nghĩa trang Thanh Tước gồm:

1.1 Cán bộ giữ các chức vụ từ Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng, Phó viện trưởng và chức vụ tương đương trở lên, đương chức hoặc đã nghỉ hưu;

1.2. Cán bộ hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, đã được cơ quan cấp có thẩm quyền công nhận;

1.3. Cán bộ có mức lương cũ từ 505 đồng (theo Nghị định 235/HĐBT) và có hệ số lương 4,47 hoặc tương đương trở lên (theo Nghị định 25/CP);

1.4. Cán bộ có cấp hàm từ Thượng tá trở lên, trong lực lượng vũ trang;

1.5. Anh hùng Lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân.

2. Thủ tục

1.1. Cơ quan giải quyết thủ tục:

Ban phục vụ lễ tang thành phố Hà Nội số 125 Phùng Hưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2.2. Hồ sơ làm thủ tục an táng:

a) Công văn hoặc giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ (cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu);

b) Giấy chứng tử;

c) Quyết định có bổ nhiệm hoặc quyết định hưởng lương theo khoản 3, mục I nói trên hoặc giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền công nhận là người hoạt động cách mạng trước năm 1945.

II. KINH PHÍ CHI CHO VIỆC TANG LỄ

1. Đối với Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao: thực hiện theo Thông tư số 40/2002/TT-BTC ngày 2/5/2002 của Bộ Tài chính.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động:

Theo điều 31 Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 1 năm 1995 của Chính phủ quy định:

"Người lao động đang làm việc, người lao động nghỉ việc chờ giải quyết chế độ hưu trí, người lao động đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng khi chết thì người lo mai táng được nhận tiền mai táng bằng 8 tháng tiền lương tối thiểu" - Khoản tiền này do cơ quan Bảo hiểm xã hội địa phương chi trả.

Việc hỗ trợ thêm kinh phí, phương tiện... là tùy thuộc vào điều kiện của đơn vị, nhưng không nằm trong ngân sách Nhà nước.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC LỄ TANG

1. Thủ tục cơ bản

a) Khi có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (kể cả đã nghỉ hưu) từ trần, cơ quan trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ cùng gia đình cần làm ngay thủ tục chứng tử với các cơ quan có trách nhiệm (bệnh viện nơi điều trị và từ trần, chính quyền địa phương, cơ quan công an);

b) Mang giấy chứng tử và các giấy tờ ở tiết 2.2, điểm 2, mục I (nếu người từ trần thuộc diện có tiêu chuẩn an táng tại khu A Nghĩa trang Thanh Tước) tới gặp Ban phục vụ lễ tang thành phố Hà Nội (125 Phùng Hưng) để làm các thủ tục mai táng.

2. Nội dung chủ yếu của công việc lễ tang bao gồm

1) Chỉ định Ban tổ chức lễ tang.

2) Liên hệ về việc khâm liệm, nơi quàn linh cữu, tổ chức lễ viếng, lễ truy điệu.

3) Liên hệ nơi an táng (địa táng hoặc hoả táng), xây vỏ mộ.

4) Phát tang, đưa tin buồn và thông báo về lễ viếng, lễ truy điệu, lễ an táng.

5) Triển khai các công việc chuẩn bị:

- Chuẩn bị bàn thờ tại nơi tổ chức lễ viếng, lễ truy điệu;
- Chuẩn bị bàn thờ tại gia đình;
- Chuẩn bị trang phục tang lễ, khăn tang, băng tang;
- Chuẩn bị xe phục vụ tang lễ;
- Chuẩn bị vòng hoa luân chuyển theo quy định;
- Chuẩn bị về việc quay video, chụp ảnh (nếu cần);
- Chuẩn bị rạp che mưa, nắng (nếu cần);
- Thông báo và đón họ hàng người từ trần về dự lễ tang (nếu cần);
- Chuẩn bị bài trên báo chí tưởng nhớ về sự nghiệp của người đã khuất (đối với cán bộ cấp cao);
- Trang trí lễ đài, phân công phục vụ để tổ chức lễ viếng, lễ truy điệu;
- Ban tổ chức lễ tang chuẩn bị bài điếu văn;
- Chuẩn bị hương, nến và các đồ phục vụ tang lễ theo truyền thống;
- Chuẩn bị sổ tang;

- Chuẩn bị nhạc hiếu (nếu cần);

- Chuẩn bị quan tài;

- Giải quyết các công việc phát sinh khác.

6) Tổ chức lễ khâm liệm.

7) Tổ chức lễ viếng:

- Phân công túc trực linh cữu;

- Đón khách cấp cao của Đảng và Nhà nước (nếu có);

- Tiếp nhận đăng ký vào viếng;

- Giới thiệu và hướng dẫn vào viếng;

- Hướng dẫn ghi sổ tang;

- Cám ơn và tiễn khách cấp cao của Đảng và Nhà nước (nếu có);

- Các công việc khác.

8) Tổ chức lễ truy điệu;

- Cử người thực hiện công việc dẫn lễ;

- Trưởng ban tổ chức lễ tang đọc điếu văn;

- Ban tổ chức lễ tang cám ơn;

- Công việc khác (nếu có).

9) Tổ chức lễ đưa tang:

- Cử người dẫn lễ;

- Chuyển linh cữu ra xe tang;

- Đưa tiễn;

- Gia đình cám ơn;

- Công việc khác (nếu có).

10) Tổ chức lễ an táng (địa táng hoặc hoả táng);

- Chuyển linh cữu từ xe tang ra huyệt;

- Hạ huyệt;

- Thắp hương tiễn biệt;

- Ban tổ chức lễ tang cám ơn;

- Các công việc khác (nếu có);

- Kết thúc lễ tang.

11) Ban tổ chức lễ tang cám ơn trên phương tiện thông tin đại chúng.

12) Giải quyết các công việc phát sinh khác còn lại (nếu có)./.

PHỤ LỤC V

MỘT SỐ HƯỚNG DẪN VÀ QUY ĐỊNH CỦA BAN PHỤC VỤ LỄ TANG HÀ NỘI

..."Khi đến thuê xe tang, làm thủ tục lễ tang, tang chủ phải để lại cho Ban phục vụ lễ tang một bản sao giấy chứng tử để lưu vào hợp đồng phục vụ mai táng.

Vào những ngày lễ, tết chưa làm được giấy chứng tử ở UBND địa phương, nhưng để kịp thời mai táng Ban phục vụ lễ tang vẫn ký hợp đồng. Song, tang chủ vẫn phải có giấy chứng tử bổ sung cho Ban phục vụ lễ tang lưu vào hợp đồng phục vụ mai táng. Cụ thể như sau:

a) Nếu chết tại bệnh viện bất kể do nguyên nhân gì, người được bệnh viện cấp giấy chứng tử, tang chủ sao y bản chính một bản cho Ban phục vụ lễ tang. Bản chính, tang chủ giữ để làm thủ tục khai tử sau.

b) Nếu chết tại gia đình với lý do già yếu, bệnh tật bình thường mà được chính quyền địa phương xác nhận (UBND hoặc công an phường, xã...), Ban phục vụ lễ tang giữ bản khai có xác nhận đó để làm thủ tục mai táng. Gia đình làm thủ tục khai tử ở địa phương sau.

c) Trường hợp chết không bình thường tại gia đình (đột tử hoặc không rõ nguyên nhân), gia đình phải báo ngay cho công an phường, xã và công an quận sở tại xem xét cấp giấy mai táng. Ban phục vụ lễ tang chỉ ký hợp đồng phục vụ mai táng khi tang chủ được công an quận sở tại cấp giấy phép mai táng.

d) Những trường hợp chết tại ngoài đường phố, ao hồ, nơi công cộng, nếu đưa vào bệnh viện nào quàn thì bệnh viện đó hoặc công an quận nơi

xảy ra việc chết cấp giấy chứng tử hoặc giấy phép mai táng. Trường hợp đưa vào nhà lễ tang thành phố hoặc nhà đại thể ở nghĩa trang Văn Điển thì công an nơi xảy ra việc chết hoặc công an thành phố cấp giấy phép mai táng. Sau khi mai táng, tang chủ về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú làm thủ tục khai tử.

e) Ban phục vụ lễ tang có nhà làm lễ tang. Bất kể lúc nào trong ngày, thân nhân người chết xem xét nếu chết bình thường chỉ cần làm một giấy báo cho Ban phục vụ lễ tang kèm theo giấy chứng minh của người báo có nhu cầu đưa vào nhà tang lễ. Ban phục vụ lễ tang có ô tô đến tận nhà đưa thi hài về nhà tang lễ theo yêu cầu của tang chủ. Sau đó, tang chủ làm các thủ tục khai tử. Những trường hợp chết không bình thường, muốn gửi thi hài vào nhà tang lễ phải có sự xác nhận và yêu cầu của công an phường, xã, sau đó phải báo công an quận xem xét cấp giấy phép mai táng.

I. NHỮNG HÌNH THỨC PHỤC VỤ LỄ TANG.

1. Những hàng hoá chủ yếu

- Nhiều loại quan tài với nhiều kiểu mẫu, giá cả khác nhau phục vụ cho các đối tượng phù hợp.

- Nhận đặt đóng quan tài theo mẫu, loại gỗ do tang chủ yêu cầu. Thời gian đặt trước ít nhất 3 ngày.

- Vải trắng, vải sô, áo sô, gậy, hương, nến…

- Băng nhạc hiếu và đội nhạc tang phục vụ ở nhà tang lễ.

- Nhận chụp ảnh và quay băng ghi hình đám tang.

2. Phương tiện vận chuyển

- Xe chở hoa, chở ảnh.

- Xe tang (loại có chỗ ngồi 12 người và 30 người).

- Xe ca 32, 42, 50 ghế ngồi.

Loại xe ca 32 ghế ngồi chỉ treo 2 vòng hoa phía trước.

Loại xe 42 và 50 ghế ngồi ngoài 2 vòng hoa treo phía trước còn để hoa

trên nóc (từ 25 đến 40 vòng).

Xe tang đã thiết kế treo vòng hoa phía trước và hai bên sườn. Tang chủ không phải chuẩn bị móc treo hoa.

Lái xe có nhiệm vụ hướng dẫn việc treo và để các vòng hoa.

Thuê loại xe nào, số lượng xe do tang chủ yêu cầu.

3. Nghĩa trang Văn Điển

- Mộ người lớn ký táng 36 tháng.
- Mộ trẻ em ký táng 20 tháng.

Hết thời hạn trên mộ chủ không cải táng, Ban phục vụ lễ tang sẽ cải táng chuyển lên nghĩa trang Yên Kỳ. Khi đến nhận, mộ chủ phải thanh toán các khoản đã chi phí cho việc di chuyển đó.

- Tại nghĩa trang có một khu chôn cất dành cho cán bộ cao cấp theo giấy giới thiệu mai táng của Ban tổ chức Trung ương Đảng và Ban tổ chức Thành ủy Hà Nội. Khi làm thủ tục mai táng, nếu không cải táng thì tang chủ hợp đồng xây mộ ngay để đảm bảo cảnh quan của nghĩa trang.

- Quy định cách đào huyệt (mộ người lớn): Ngang 0,70m, dài 2m, sâu 1,30m. Đắp mộ nổi trên mặt đất hình thang: Cạnh dưới ngang 0,90m, dài 2,20m; cạnh trên ngang 0,50m, dài 1,70m; chiều cao 0,70m.

- Tang chủ có người chết không thuộc diện cán bộ cao cấp, có nguyện vọng chôn cất một lần không bốc mộ, Ban phục vụ lễ tang ký hợp đồng chôn vào một khu riêng tại nghĩa trang Yên Kỳ.

4. Nghĩa trang Mai Dịch

Việc chôn cất tại nghĩa trang này do Ban tổ chức Trung ương quyết định.

Các nhu cầu về mai táng, tang chủ ký hợp đồng với Ban phục vụ lễ tang như các đám khác.

5. Phục vụ lễ tang

Ban phục vụ lễ tang phục vụ toàn phần hoặc từng phần của lễ tang theo yêu cầu của tang chủ.

a) Phục vụ từng phần:

Tang lễ tổ chức tại nhà riêng, các bệnh viện, cơ quan, đưa về quê quán. Ban phục vụ lễ tang đảm nhận phương tiện vận chuyển. Nếu ký táng tại nghĩa trang Văn Điển, Ban đảm nhận thêm phần đào huyệt, chôn cất và bảo quản phần mộ trong thời gian 3 năm.

b) Phục vụ toàn phần:

Khi tang chủ có người chết báo cho Ban phục vụ lễ tang đến đưa thi hài về nhà tang lễ, Ban sẽ phục vụ từ khâu khâm liệm, lễ viếng đến đưa tang và an táng tại nghĩa trang Văn Điển. Nếu đưa về quê quán thì tang chủ phải lo phần đào huyệt, chôn cất.

6. Nhà tang lễ

- Có nhà khâm liệm riêng.

- Tại đây có đủ điều kiện tổ chức lễ viếng, lễ tang.

- Nhà lễ tang nhận tất cả các nhu cầu về phục vụ cho lễ tang và có nhà nghỉ lại đêm túc trực bên linh cữu theo yêu cầu của tang chủ.

Các nhu cầu khác, tang chủ xem xét ký hợp đồng theo nhu cầu hoặc tang chủ có thể tự đem đến. Tang chủ cần trao đổi trước với Ban phụ trách nhà lễ tang, nhằm đảm bảo tổ chức lễ tang theo tinh thần đổi mới hiện nay.

7. Hoả táng

Lò hoả táng bằng điện và bằng dầu được đặt tại nghĩa trang Văn Điển.

Tại đây, có khu nhà lạnh bảo quản thi hài để tổ chức hoả táng theo thời gian yêu cầu của tang chủ.

Các phần việc tổ chức tang lễ ở nhà lễ tang thành phố, hoặc ở gia đình, bệnh viện vẫn tiến hành bình thường theo nghi thức như tang lễ khác.

Khi đưa thi hài đến khu hoả táng, linh cữu được quàn lại tại khu trung tâm để gia đình và bạn bè vĩnh biệt lần cuối.

Theo thiết kế kỹ thuật, sau một giờ tang chủ nhận lọ tro hài cốt. Tùy theo yêu cầu, tang chủ có thể mang về hoặc gửi vào các chùa.

Tại nghĩa trang Văn Điển, Ban phục vụ lễ tang nhận ký gửi lọ tro, đều làm hợp đồng với tang chủ tại số nhà 125 phố Phùng Hưng.

II. CẢI TÁNG

Theo phong tục tập quán các tỉnh phía Bắc, chôn cất người chết được 3 năm thì cải táng. Hiện nay, Ban phục vụ lễ tang nhận ký táng vĩnh viễn phần mộ này tại nghĩa trang Yên Kỳ (thôn Yên Kỳ, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây), cách Hà Nội 65km về phía Tây.

Ban phục vụ lễ tang đảm nhận từ khâu bốc mộ ở Văn Điển chuyển lên Yên Kỳ và xây mộ theo những mẫu, kiểu phù hợp. Ban có đủ các loại hàng phục vụ cho cải táng như: tiểu sành, quách, giấy trang kim, nước vang (nước thơm)... bán tại nghĩa trang Văn Điển.

Đối với các phần mộ cao cấp ở nghĩa trang Văn Điển cũng sẽ cải táng để chuyển khu, nhằm đảm bảo cảnh quan của nghĩa trang.

Ban phục vụ lễ tang nhận thiêu hài cốt sau khi cải táng. Nơi để lọ tro hài cốt như ở phần hoả táng.

Do tập quán, có một số mộ chủ muốn cải táng sớm trước khi mặt trời mọc, vì vậy, mộ chủ cần liên hệ trước với Ban phụ trách nghĩa trang Văn Điển để có kế hoạch bố trí lao động.

Ban phục vụ lễ tang tập trung cải táng vào bốn tháng cuối năm âm lịch. Những mộ chủ cần cải táng sớm hoặc muộn hơn một vài tháng, nghĩa trang Văn Điển chấp thuận theo yêu cầu. Kể từ tháng giêng đến tháng 4 âm lịch, nghĩa trang Văn Điển sẽ cải táng những ngôi mộ vắng chủ đã hết thời hạn ký táng và chuyển lên nghĩa trang Yên Kỳ.

Việc chuyển mộ từ nghĩa trang Văn Điển lên nghĩa trang Yên Kỳ bằng nhiều hình thức: mộ chủ tự lo phương tiện, thuê xe riêng của Ban phục vụ lễ tang, đi theo xe ca của Ban (xe chở hài cốt riêng).

Những trường hợp muốn chuyển một ngôi mộ ở ngoài nghĩa trang Văn Điển vào nghĩa trang Yên Kỳ phải có đơn và được UBND nơi mộ chủ cư trú xác nhận.

Khi cải táng, nếu mộ chủ làm mất thẻ mộ cũng phải có đơn được UBND nơi cư trú xác nhận mới được nhận mộ.

Tại nghĩa trang Yên Kỳ hiện nay, nhiều mộ chủ có nhiều mộ ở các khu khác nhau. Ban phục vụ lễ tang có thể đồng ý cho di chuyển vào gần nhau để tiện thăm viếng. Nguyên tắc chung là chuyển vào một trong những khu đã có phần mộ mà ở đó còn chỗ chôn cất; không nhận chuyển đến các khu mới. Khi cải táng ở nghĩa trang Văn Điển, mà mộ chủ đã có phần mộ tại nghĩa trang Yên Kỳ, thì cần cho biết rõ để khi ký hợp đồng, xem xét còn khả năng đưa vào chôn cất gần mộ đã có, để mộ chủ tiện chăm nom, thăm viếng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thọ Mai gia lễ	Hồ Sĩ Tân
2. Việt Nam phong tục	Phan Kế Bính
3. Nếp cũ con người	Toan Ánh
4. Việt điện u linh	Lý Tế Xuyên
5. Lĩnh nam chích quái	Vũ Quỳnh - Kiều Phú
6. Đại Việt sử ký toàn thư	Ngô Sĩ Liên
7. Vũ trung tùy bút	Phạm Đình Hổ
8. Hoàng Lê nhất thống chí	Ngô Gia Văn Phái
9. Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm
10. Almanach Những nền văn minh thế giới	Nxb Vănhoá - Thông tin
11. Chu Dịch huyền giải	Nguyễn Duy Cần
12. 100 điều nên biết về phong tục Việt Nam	Tân Việt
13. Văn hoá tâm linh	Nguyễn Đăng Duy
14. Lịch sử tư tưởng Việt Nam	Nguyễn Tài Thư (cb)
15. Tích hợp đa văn hoá Đông Tây trong một chiến lược giáo dục tương lai	Nguyễn Hoàng Phương
16. Lão Tử - Đạo đức Kinh	Thu Giang dịch
17. Lịch sử Phật giáo Việt Nam	Viện Triết - UBKHXH
18. Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử	Vũ Văn Mẫu
19. Đàm thiên thuyết địa luận nhân	Ngô Bạch

20. Một số vấn đề về lịch sử Thiên chúa giáo ở Việt Nam	Đỗ Quang Hưng
21.Tìm hiểu về bản sắc văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm
22. Bàn về lễ tang	Ban phục vụ tang lễ Hà Nội
23. Lễ tang Việt Nam truyền thống và kế thừa	Trương Thìn
24. Gia lễ xưa và nay	Phạm Côn Sơn
25. Nghi lễ vòng đời người	Nxb Văn hoá Dân tộc

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

Chương 1. CÁC NGHI THỨC TANG LỄ TRUYỀN THỐNG 9

I. Sửa soạn các việc cho người sắp từ trần 9

II. Báo tang, khâm liệm, đặt bàn thờ 15

III. Nhạc tang, tang phục 35

IV. Phúng viếng, đưa tang, hạ huyệt, đắp mộ 51

V. Nghi lễ đối với một số trường hợp qua đời khác 65

VI. Những tuần tiết tiếp theo cho đến khi cải táng, đoạn tang 69

Chương 2: VĂN KHẤN TRUYỀN THỐNG 87

I. Mẫu điếu văn và những bài văn cúng các tuần tiết trong việc tang lễ 87

II. Các bài văn cúng dùng trong các nghi lễ khác 103

Phụ lục I: Tiến tới hình thành tập quán mới về hoả táng, điện táng 146

Phụ lục II: Cần hiểu Thọ Mai gia lễ như thế nào cho đúng? 151

Phụ lục III: Cách chọn ngày lành tháng tốt 162

Phụ lục IV: Tham khảo Quy chế về việc tang lễ thực hiện trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin 174

Phụ lục V: Một số hướng dẫn và quy định của ban phục vụ lễ tang Hà Nội 194

Tài liệu tham khảo

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
SỐ 4 - TỐNG DUY TÂN, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
ĐT: (04) 8252916, 8257063 - FAX: (04) 8257063

NGHI THỨC TANG LỄ VÀ VĂN KHẤN TRUYỀN THỐNG

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2006

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN KHẮC OÁNH
Biên tập:
Trương Đức Hùng – Phan Nguyên Thắng
Bìa:
NS MINH LAM. DESIGN
Trình bày - Kỹ thuật vi tính:
HÀ SƠN - VI XUÂN
Sửa bản in:
Văn Khoa

In 1000 cuốn, khổ 16x24 cm
In tại: Xưởng in Công ty Cổ phần Văn Hoá Hà Nội
Số đăng ký KHXB: 37-2007/CXB/03XH-02/HN
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2007

MƯỜI BỐN ĐIỀU DẠY CỦA PHẬT

1. Kẻ thù lớn nhất của đời người là chính mình.
2. Ngu dốt lớn nhất của đời người là dối trá.
3. Thất bại lớn nhất của đời người là tự đại.
4. Bi ai lớn nhất của đời người là ghen ty.
5. Sai lầm lớn nhất của đời người là đánh mất mình.
6. Tội lỗi lớn nhất của đời người là bất hiếu.
7. Đáng thương lớn nhất của đời người là tự ti.
8. Đáng khâm phục lớn nhất của đời người là vươn lên sau khi ngã.
9. Phá sản lớn nhất của đời người là tuyệt vọng.
10. Tài sản lớn nhất của đời người là sức khỏe, trí tuệ.
11. Món nợ lớn nhất của đời người là tình cảm.
12. Lễ vật lớn nhất của đời người là khoan dung.
13. Khiếm khuyết lớn nhất của đời người là kém hiểu biết.
14. An ủi lớn nhất của đời người là bố thí.


PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH MINH LÂM
92E Lý Thường Kiệt. ĐT: 04. 9 427 393 . Fax: 04. 9 427 407
Website: http://www.nsminhlam.com.vn
Email: nsminhlam@gmail.com



GIÁ: 28.000 Đ